

Số: 57 /CBTT.CT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 04 năm 2016

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDC TP HCM**

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM

- Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN
- Mã chứng khoán: GMC
- Địa chỉ trụ sở chính: 252 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, Tp HCM.
- Điện thoại: 08. 39.844.822 Fax: 08. 39.844.746
- Người thực hiện công bố thông tin: ĐỖ THỊ KIM NHÀN
- Địa chỉ: 43 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, Tp HCM
- Điện thoại: 0903.953.372 Cơ quan: 08.39.844.822/123 Nhà riêng: 08 38.295.553
- Loại thông tin công bố: Định kỳ
- Nội dung công bố thông tin: Báo cáo Thường niên năm 2015
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty ngày 19/4/2016 tại đường dẫn: <http://www.garmexsaigon-gmc.com/noi-dung/quan-he-co-dong>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

Báo cáo Thường niên năm 2015

Người được ủy quyền công bố thông tin

Nơi gửi:

- Như trên
- HĐQT, BKS
- Lưu.



**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐỖ THỊ KIM NHÀN**

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Số điện thoại: (08) 3984 4822

Số fax: (08) 3984 4746

Website: www.garmexsaigon-gmc.com



Vững chắc **NỀN TẢNG**
Vững vàng **BƯỚC TIẾN**

ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM QUANG VINH MUÔN NĂM

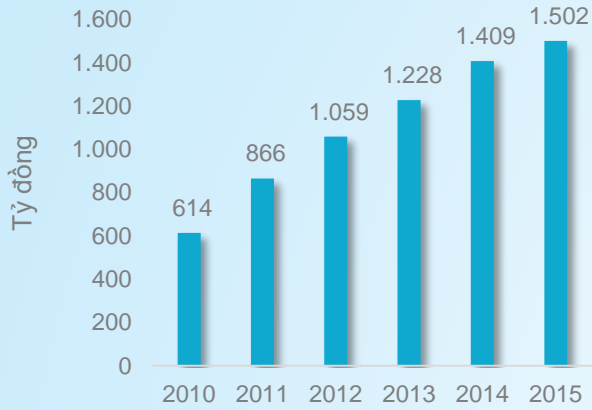


BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

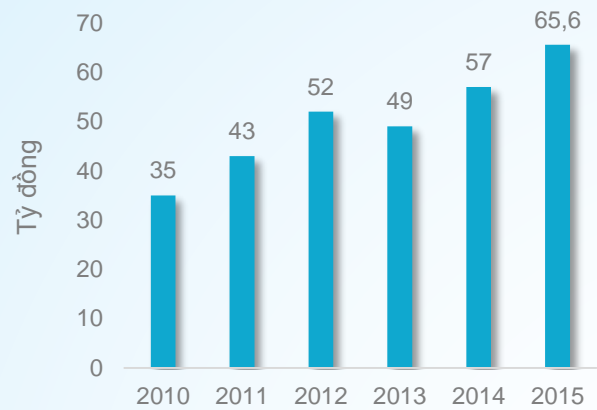
2015

NHỮNG CON SỐ NỔI BẬT

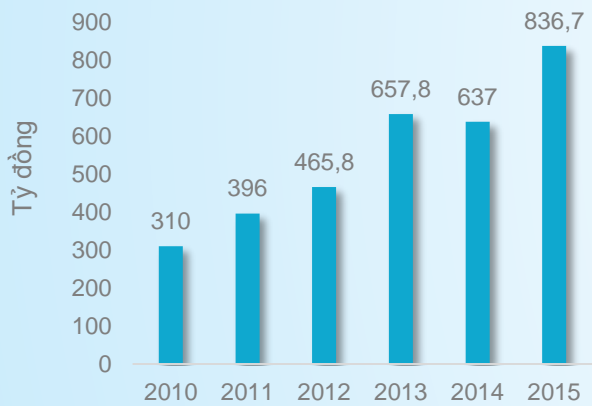
DOANH THU



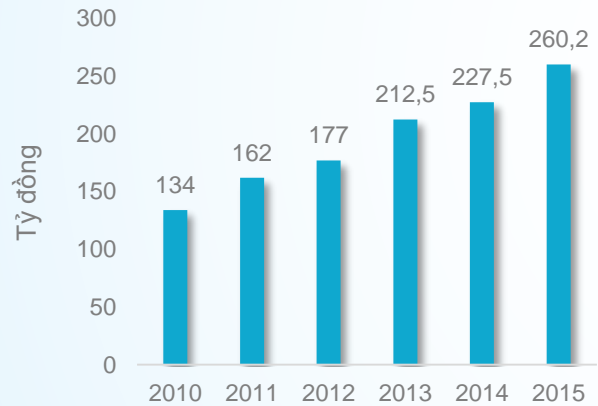
LỢI NHUẬN SAU THUẾ



TỔNG TÀI SẢN



TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU



EPS



1

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
Định hướng phát triển
Các rủi ro

2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
Tổ chức và nhân sự
Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
Tình hình tài chính
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

3

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
Tình hình tài chính
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
Kế hoạch phát triển trong tương lai

4

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của HĐQT về tình hình hoạt động của Công ty
Đánh giá của HĐQT về Ban Tổng Giám đốc Công ty
Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

5

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị
Ban Kiểm soát
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BTGD, BKS

6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán
Báo cáo tài chính Hợp nhất Kiểm toán

THÔNG ĐIỆP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý cổ đông,

Năm 2015 khép lại với tình hình kinh tế thế giới tuy chưa thực sự khởi sắc nhưng cũng đã bớt phần ảm đạm. Nhịp độ tăng trưởng chung của nền kinh tế thế giới vẫn chưa được như mức dự báo. Theo số liệu mới nhất của Ngân hàng Thế giới, tốc độ tăng trưởng toàn cầu năm 2015 là 2,4%, nhưng về cơ bản có thể thấy, những tác động của khủng hoảng tài chính và nợ công đã không còn trầm trọng, kinh tế toàn cầu bắt đầu thích nghi dần với những biến động về chính trị, an ninh. Một số nét chính trong bức tranh kinh tế toàn cầu trong năm có thể kể đến như: Một là, tăng trưởng kinh tế ở nhiều quốc gia, khu vực vẫn còn không đồng đều, chưa ổn định và thiếu bền vững; hai là, thị trường tài chính - tiền tệ quốc tế biến động phức tạp và khó lường, tác động tiêu cực đến sự ổn định kinh tế thế giới; ba là, giá dầu và giá nguyên liệu giảm sâu tác động tiêu cực tới các nước xuất khẩu dầu và nguyên liệu lớn; bốn là, sự đối đầu ngày càng trầm trọng giữa chủ nghĩa khu vực và hợp tác đa phương, gây bất lợi đến tiến trình toàn cầu hóa và phát triển kinh tế thế giới. Kinh tế toàn cầu năm 2015 nhìn chung phát triển chậm và không ổn định dù đã có không ít tín hiệu lạc quan. Có thể thấy, sau hơn 7 năm diễn ra cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu (năm 2008), kinh tế thế giới vẫn chưa lấy lại được đà tăng trưởng như trước đó.

Nhìn lại kinh tế Việt Nam 2015, kinh tế vĩ mô Việt Nam được đánh giá là tăng trưởng ổn định, lạm phát thấp, cơ cấu nền kinh tế tiếp tục có sự chuyển dịch tích cực. Theo Tổng cục Thống kê, GDP năm 2015 tăng 6,68% so với năm 2014, GDP bình quân đầu người năm 2015 ước tính đạt 45,7 triệu đồng, tương đương 2.109 USD, tăng 57 USD so với năm 2014. Lạm phát năm 2015 ở mức 0,6%, thấp nhất trong vòng 14 năm qua.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, kinh tế nước ta vẫn còn đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức khi bước vào hội nhập đang ngày càng sâu rộng. Kinh tế thế giới vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển kinh tế các nước, trong đó có Việt Nam vốn đang phụ thuộc nhiều vào bên ngoài. Những biến động của các chính sách kinh tế, biến động tỷ giá khó dự đoán, các chi phí đầu vào tăng cao vẫn là những nhân tố rất quan trọng tác động đến hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung, doanh nghiệp Việt Nam nói riêng.

Nhưng, ngành dệt may Việt Nam vẫn đạt được những kết quả khả quan khi kim ngạch xuất khẩu trong năm đạt 27 tỷ USD, tăng 10,2% so với cùng kỳ năm ngoái, tiếp tục duy trì mức tăng trưởng 2 con số. Trong bối cảnh hội nhập diễn ra ngày càng nhanh và cạnh tranh toàn cầu ngày càng gay gắt, những thành quả trên rất đáng trân trọng.

Đối với Garmex Saigon, năm 2015 là một năm bản lề rất quan trọng trong quá trình phát triển của Công ty khi thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ III, thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu thị trường, tiếp tục cải tiến mô hình quản lý kết hợp đầu tư thiết bị chuyên dùng, tự động và đào tạo kỹ năng để nâng cao năng suất lao động, tiết giảm chi phí chìm và mở rộng năng lực sản xuất, như việc mua lại phần vốn của Công ty TNHH Blue Exchang trong Công ty TNHH Sài Gòn Xanh để trở thành Công ty TNHH với 100% vốn của Garmex Sài Gòn. Và đặc biệt hơn, là việc nhượng quyền thương hiệu Gramicci nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và gia tăng giá trị thặng dư khi hội nhập.

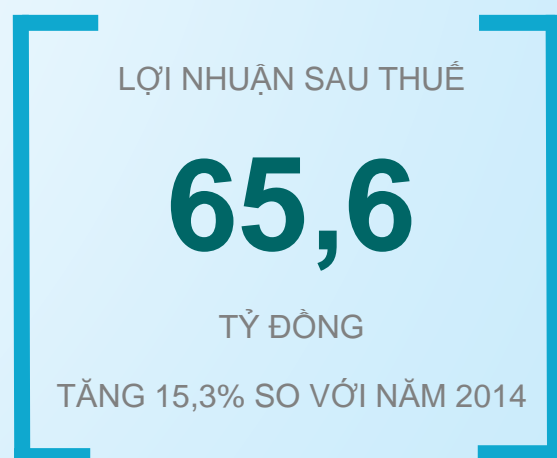
Về kết quả kinh doanh trong năm 2015, vượt qua những khó khăn và thách thức, Garmex Saigon đã hoàn thành kế hoạch doanh thu với 1.504 tỷ đồng, tăng 6,7% và 65,6 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, tăng 15,3% so với cùng kỳ năm 2014. Những thành quả đạt được trong năm là sự nỗ lực của toàn thể cán bộ, công nhân viên, sự giám sát của Hội đồng quản trị và quản lý của ban Tổng giám đốc từ việc xây dựng kế hoạch kinh doanh đúng đắn dẫn đến việc đầu tư cơ sở hạ tầng và mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh để chuẩn bị cho phát triển dài hạn.

Năm 2016 đang đón chờ, đầy cơ hội nhưng cũng không thiếu những thách thức, trên nền tảng phát triển bền vững trong những năm qua, bằng những kinh nghiệm trong quản trị chiến lược, trong điều hành quản lý và với sự đồng thuận, hy vọng Garmex Sài Gòn sẽ tiếp tục đạt được kết quả kinh doanh khả quan, thực thi tốt chiến lược phát triển, sẵn sàng cho vận hội mới.

Cuối cùng, thay mặt toàn thể người lao động Công ty Garmex Sai Gon, Tôi xin gửi lời cảm ơn đến quý khách hàng, quý cổ đông, quý đối tác đã và đang tin tưởng hợp tác cùng chúng tôi. Tôi tin rằng với niềm tin đó, Garmex Sai Gon sẽ sớm hoàn thành các mục tiêu trong chiến lược phát triển Công ty đến 2018, chấp cánh bay xa trong những nhiệm kỳ tiếp theo.

**Thay mặt Hội đồng Quản trị,
Chủ tịch**

Lê Quang Hùng





THÔNG TIN CHUNG



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Mã cổ phiếu : GMC
Điện thoại : (08) 3984 4822
Fax : (08) 3984 4746
Website : www.garmexsaigon-gmc.com

Vốn điều lệ: **116.903.300.000** VNĐ

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **116.903.300.000** VNĐ

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số **0300742387** do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/01/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 13/08/2014

Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. HCM

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



Năm 1976

Thành lập Liên hiệp Xí nghiệp May TP. HCM.

Năm 1993

Liên hiệp Xí nghiệp May TP. HCM được tổ chức lại thành Công ty Sản Xuất- Xuất nhập khẩu May Sài Gòn (Garmex Saigon).

Năm 2004

Ngày 07/01/2004, Cổ phần hóa Garmex Saigon và trở thành Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại May Sài Gòn.

Năm 2005

Thành lập Xí nghiệp may Tân Phú và Xí nghiệp giặt Bình Chánh.

Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Phú Mỹ.

Trở thành thành viên liên kết với công ty Dệt may Gia Định.

Năm 2006

Thành lập Công ty TNHH May Tân Mỹ.

Ngày 22/12/2006 là ngày giao dịch đầu tiên của CTCP SX – TM May Sài Gòn trên Sở GDCK TP. HCM với mã giao dịch GMC.

Năm 2007

Ngày 04/06/2007, Công ty tăng Vốn điều lệ lên 46.694.970.000 đồng.

Năm 2008 – 2009

Công ty tăng vốn điều lệ lên 88.685.710.000 đồng.

Năm 2012

Công ty góp 51% vốn điều lệ hợp tác với công ty TNHH Một thành viên Blue Exchange để thành lập công ty TNHH May Sài Gòn Xanh.

Năm 2013

Tăng vốn điều lệ lên 106.324.310.000 VNĐ.

Thành lập Xí nghiệp Hà Lam trực thuộc Công ty TNHH May Sài Gòn Xanh.

Tháng 9 năm 2013, thành lập Công ty con Blue Saigon của Công ty TNHH May Sài Gòn Xanh tại San Pedro, Los Angeles, Hoa Kỳ.

Năm 2014

Công ty tăng vốn điều lệ lên 116,9 tỷ đồng thông qua hình thức phát hành cổ phiếu trả cổ tức.

Năm 2015

Tháng 05/2015, Xí nghiệp may An Phú tăng thêm 3 dây chuyền may.

Những công tác nổi bật trong năm bao gồm:

- Công tác Đào tạo: Đào tạo quản lý cấp trung; Đào tạo nâng cao tay nghề, thao tác tiên tiến cho công nhân (công nhân đa kỹ năng); Đào tạo kỹ năng, tiếng anh, tin học cho nhân viên nghiệp vụ; Tuyển dụng và đào tạo đội ngũ sinh viên làm công tác cải tiến sản xuất và là nguồn kế thừa cho cán bộ sản xuất.
- Công tác sản xuất: Chú trọng cải tiến, quyết tâm thực hiện thành công chuyên Lean; Chú trọng khâu phát triển mẫu, quy trình công nghệ chuẩn, cải tiến từ khâu đầu (kinh doanh, kế hoạch) đến khâu cuối nhằm tăng năng suất lao động; Đầu tư thêm máy móc thiết bị tiên tiến, tự động (máy cắt gòn tự động, máy trải vải tự động...) phục vụ sản xuất.
- Công tác nhân sự: Chăm lo sức khỏe cho người lao động bằng các biện pháp nâng cao chất lượng bữa ăn trưa, cải tạo nhà xưởng, nhà vệ sinh, hệ thống làm mát, nước uống; Cải tiến chính sách chế độ: chính sách hỗ trợ phụ nữ đơn thân nuôi con, chính sách lương tháng 13, khen thưởng theo bậc A,B,C.



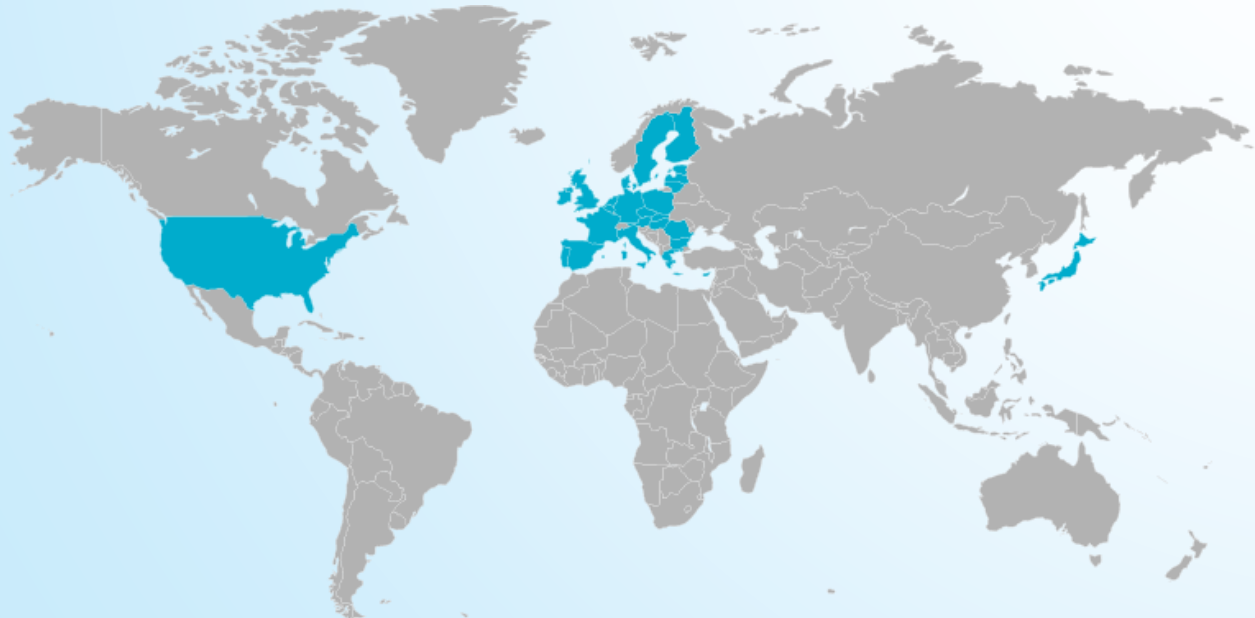
NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- May trang phục, trừ trang phục từ da và lông thú, sản phẩm chính là quần áo may sẵn các loại.
- Môi giới thương mại.
- Kinh doanh vật tư, máy móc, thiết bị ngành may, nguyên phụ liệu phục vụ ngành may.
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép.
- Đầu tư kinh doanh siêu thị và dịch vụ cho thuê văn phòng, cửa hàng. Kinh doanh nhà. Cho thuê nhà xưởng.
- Tư vấn quản lý kinh doanh. Kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng xuất khẩu, nhập khẩu.
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác.
- Hoàn thiện sản phẩm dệt: Công nghiệp dệt vải. Dịch vụ giặt, tẩy (Không hoạt động tại trụ sở).
- Dịch vụ vận tải, vận tải hành khách đường bộ.
- Bán lẻ quần áo, giày dép, đồ dùng, hàng ngũ kim, mỹ phẩm, đồ trang sức, đồ chơi, đồ thể thao. Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh.

ĐỊA BÀN KINH DOANH

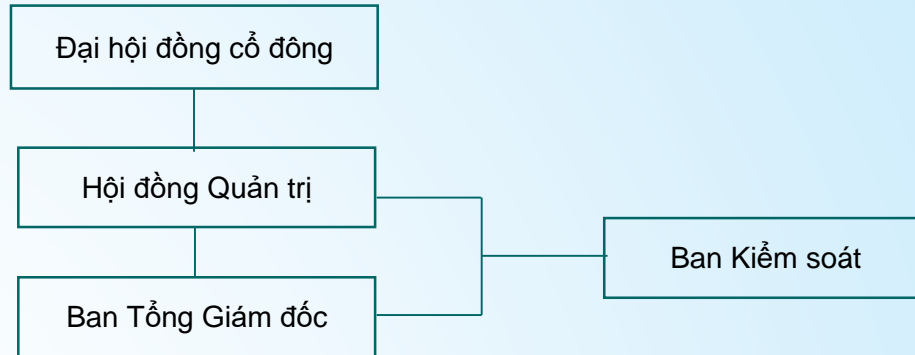
Sản phẩm của Công ty chủ yếu được xuất khẩu sang thị trường Mỹ, Nhật Bản và Châu Âu. Một số khách hàng lớn của Công ty bao gồm: Columbia Sportswear (Mỹ), Decathlon (Pháp).



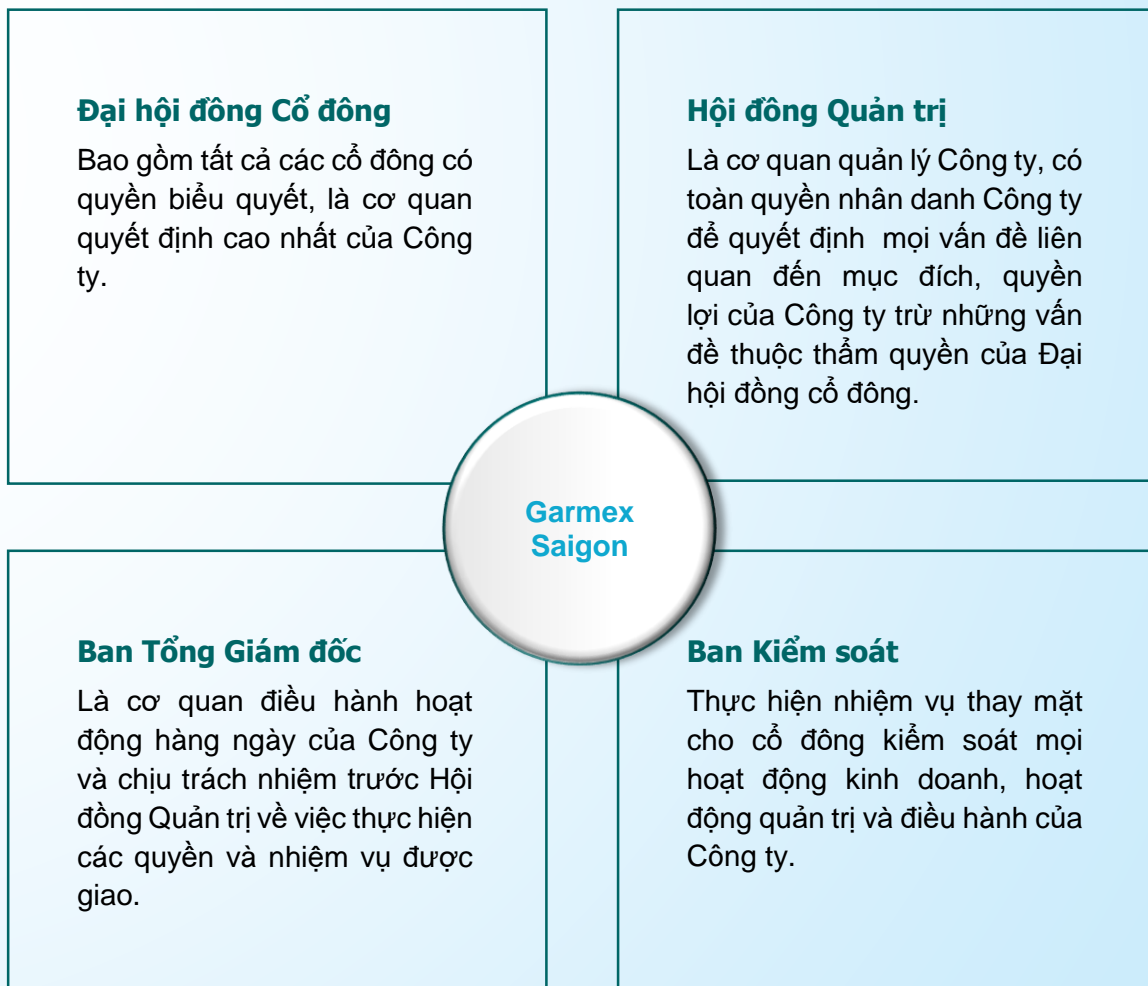


THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

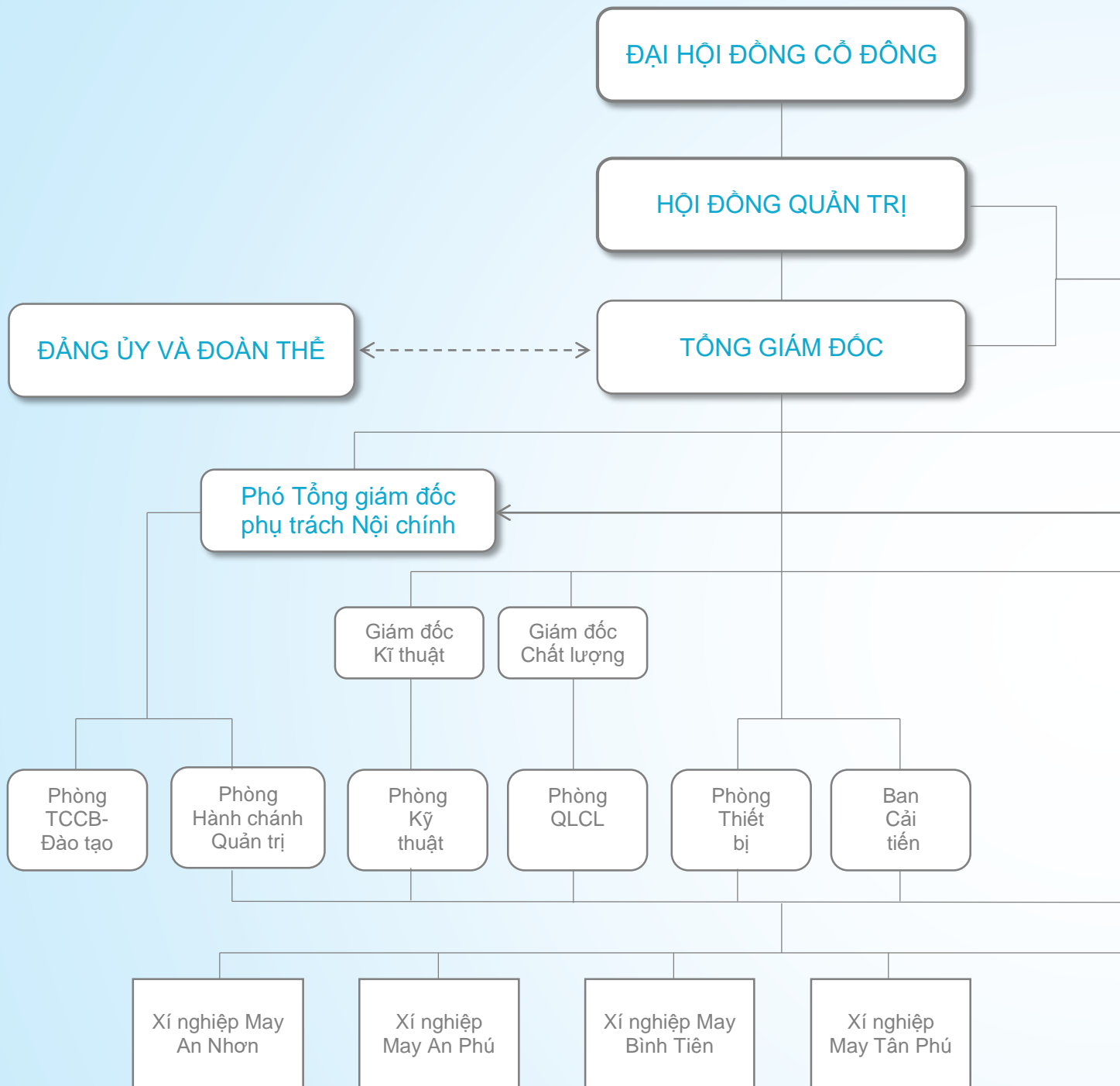
MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



Công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo qui định của Luật Doanh nghiệp và các qui định pháp luật liên quan:



CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



BAN KIỂM SOÁT

**Phó Tổng giám đốc
phụ trách Pháp lý**

Giám đốc
Tài chính

Giám đốc
Kinh doanh

Giám đốc
Kế hoạch

Phòng Kế
toán
thống kê

3 Phòng
Kinh
doanh

Phòng
xuất nhập
khẩu

Phòng
Kế
hoạch

Công ty TNHH
May Sài Gòn
Xanh

Công ty TNHH
May Tân Mỹ

Xí
nghiệp
May Hà
Lam

Blue
Saigon
LLC

Ghi chú:

Công ty TNHH May Sài Gòn Xanh và 03 Xí nghiệp may: Tân Phú, Bình Tiên và Hà Lam không áp dụng Hệ thống Quản lý Chất lượng 9001:2008

CÁC CHI NHÁNH TRỰC THUỘC

XÍ NGHIỆP MAY AN NHƠN

Diện tích: 14.000m²

Năng lực: 15 chuyền

Thị trường chủ yếu: Mỹ, Châu Âu, Nhật Bản

Khách hàng chủ yếu: Columbia Sportswear (Mỹ), Cutter&Buck (Mỹ), Gramicci (Mỹ), New Wave (Thụy Điển), Teijin Frontier (Nhật Bản)

Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

XÍ NGHIỆP MAY AN PHÚ

Diện tích: 14.000m²

Năng lực: 20 chuyền

Thị trường chủ yếu: Mỹ, Châu Âu

Khách hàng chủ yếu: Columbia Sportswear (Mỹ), Decathlon (Pháp), Cutter&Buck (Mỹ), Gramicci (Mỹ), New Wave (Thụy Điển), Sealand (Đan Mạch)

Địa chỉ: 14/5 Quốc lộ 22, Ấp Chánh 2, Xã Tân Xuân, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh

CÔNG TY LIÊN KẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÚ MỸ

Địa chỉ: Ấp Trảng Cát, Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Bà Rịa – Vũng Tàu

Vốn điều lệ thực góp: 4.341.000.000 đồng

Tỷ lệ vốn góp của GMC: 32,47%

Ngành nghề kinh doanh chính: Phát triển hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng. Cung cấp các dịch vụ liên quan trong đầu tư và vận hành khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

CÁC CÔNG TY CON

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MAY TÂN MỸ

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Hắc Dịch, Ấp Trảng Cát, Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

Vốn điều lệ thực góp: 15.000.000.000 VNĐ

Tỷ lệ vốn góp của GMC: 100%

Hoạt động kinh doanh chính:

- Lĩnh vực: Sản xuất các loại hàng dệt kim và dệt thoi.
- Thị trường chủ yếu: Mỹ, Châu Âu, Úc.
- Khách hàng chủ yếu: Columbia Sportswear (Mỹ), Orvis (Mỹ), Cutter&Buck (Mỹ) Decathlon (Pháp), New Wave (Thụy Điển), Kathmandu (Úc)

Quy mô:

- Diện tích: 50.000 m²
- Năng lực sản xuất: 21 chuyên (dự kiến nâng lên thành 40 chuyên)

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MAY SÀI GÒN XANH

Địa chỉ: 332 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ thực góp: 86.000.000.000 đồng

Tỷ lệ vốn góp của GMC: 100%

Ngành nghề kinh doanh chính: May trang phục, sản xuất vải dệt thoi, bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy móc, bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép.

- Xí nghiệp May Hà Lam

Diện tích: 27.000m²

Năng lực: 8 chuyên (dự kiến nâng lên thành 40 chuyên)

Thị trường chủ yếu: Mỹ

Khách hàng chủ yếu: Columbia Sportswear (Mỹ), Perry Ellis (Mỹ),

Địa chỉ: Lô B/B2, Cụm Công Nghiệp Hà Lam Chợ Đước, Xã Bình Phục, Huyện Thăng Bình, Tỉnh Quảng Nam

- Công ty con Blue Saigon LLC tại Mỹ



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

- Vượt bẫy “phát triển trung bình”, tụt hậu, vươn lên thành một trong những Công ty dẫn đầu ngành May.
- Thật sự làm chủ “vận mệnh” của mình, giảm thiểu lệ thuộc vào quyết định các Công ty khác.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đến 2018

- Doanh thu: Phần đầu doanh thu hằng năm tăng trưởng bình quân từ 20% đến 25%/năm, mục tiêu đến năm 2018 đạt mức doanh thu 3.000 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế: Đạt từ 3% đến 5% doanh thu thuần, phần đầu đến 2018 đạt mức 90-150 tỷ đồng.
- Thu nhập bình quân người lao động: từ 8 triệu đồng đến 10 triệu đồng/người/tháng.
- Cổ tức duy trì mức 20% đến 30% Vốn điều lệ/năm.

Mô hình sản xuất kinh doanh

Sản xuất

- Về năng lực, nâng lên trên 85 chuyền may, nâng cao năng lực sản xuất dựa trên cơ sở tối ưu hóa nguồn lực Công ty với quan điểm: "Đầu tư chiều sâu, giảm thâm dụng lao động", chuyển đổi chiến lược sản phẩm phù hợp với điều kiện và kĩ năng từng vùng.
- Về Sản phẩm, tập trung phát triển sản phẩm có hàm lượng kĩ thuật cao, phức tạp để gia tăng lợi thế cạnh tranh. Bên cạnh chủ trương “đa phương hóa thị trường, đa dạng hóa sản phẩm” để giảm thiểu rủi ro “mùa vụ” khi tăng năng lực sản xuất, đồng thời gia tăng biên lợi nhuận gộp và nâng cao lợi thế cạnh tranh.

Dịch vụ thương mại

- Phát triển năng lực gián tiếp (nhà thầu phụ). Xây dựng và phát triển hệ thống khách hàng ở Mỹ, châu Âu, Nga, AEC từ hệ thống phân phối hiện có và các thương hiệu khác thông qua các hình thức như M&A, thuê hợp tác, tự đầu tư.
- Phát triển chuỗi “thiết kế - sản xuất - phân phối”, tạo tiền đề phát triển phương thức OBM, phát triển dịch vụ đáp ứng nhu cầu FOB trên cơ sở lợi thế, kinh nghiệm Công ty.

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ CHƯƠNG TRÌNH CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN NGẮN HẠN VÀ TRUNG HẠN CỦA CÔNG TY

Đối với môi trường

Công tác bảo vệ môi trường là một trong những yếu tố mà Garmex Sài Gòn rất quan tâm. Việc đầu tư bảo vệ môi trường không những giúp Garmex thể hiện được sự quan tâm đến cộng đồng, con người mà còn giúp Công ty duy trì được sự phát triển trong dài hạn và bền vững. Chính vì vậy, Garmex Sài Gòn đã có nhiều hoạt động cụ thể đóng góp tích cực nhằm cải thiện môi trường làm việc, xây dựng mô hình hoạt động sản xuất kinh doanh thân thiện với môi trường, an toàn và thoải mái cho người lao động.

Đối với xã hội, cộng đồng

Với mục tiêu không ngừng khẳng định thương hiệu đối với các Khách hàng và Đối tác, cũng như vị thế doanh nghiệp trong ngành dệt may, Garmex Sài Gòn luôn quan tâm đến hoạt động của mình đối với xã hội và cộng đồng, cụ thể như sau:

- Về sản phẩm, Garmex luôn nỗ lực cung cấp sản phẩm với chất lượng tốt nhất, không ngừng hoàn thiện và phát triển sản phẩm để đáp ứng nhu cầu của khách hàng.
- Thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các yêu cầu của các bộ luật Lao động, luật Doanh nghiệp và các tiêu chuẩn quốc tế có liên quan.
 - Thực hiện văn hóa doanh nghiệp theo 4T “Tin cậy, Thăng Tiến, Tăng trưởng, Truyền thống”

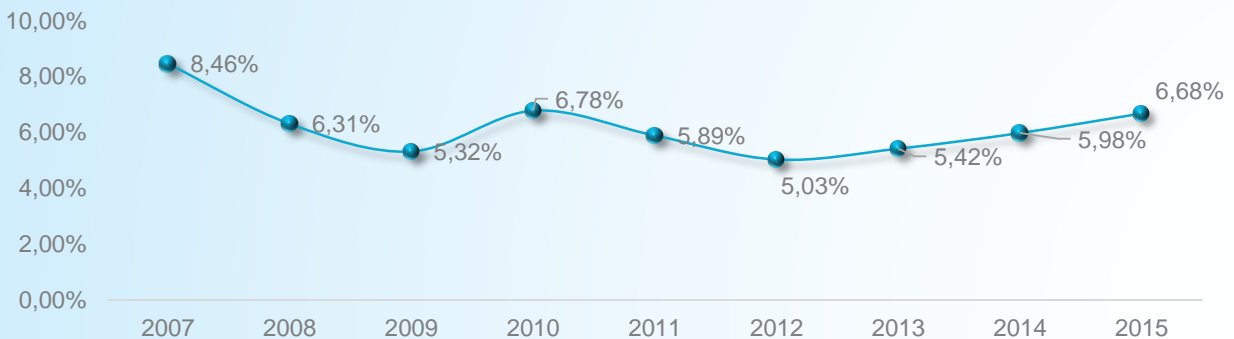


CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

RỦI RO TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

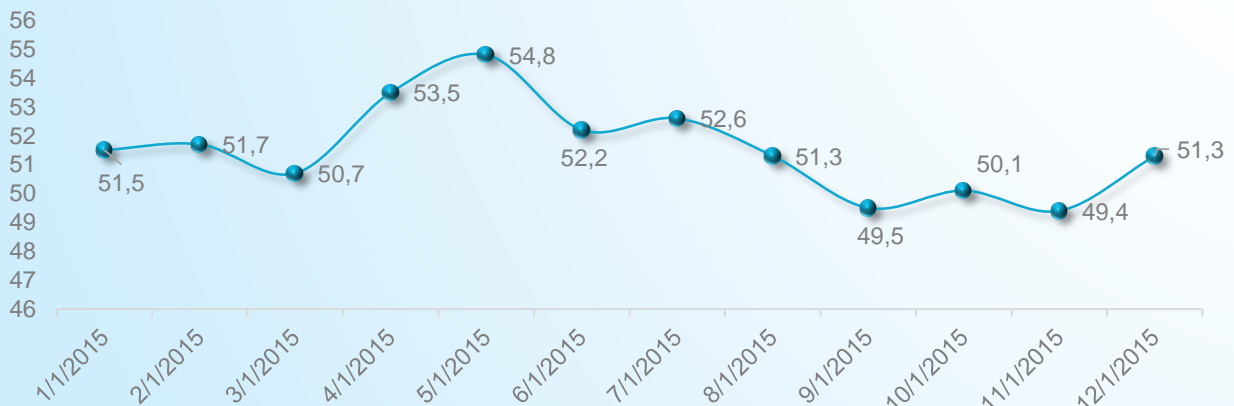
Kết thúc năm 2015, kinh tế thế giới vẫn chưa có sự chuyển biến tích cực với tăng trưởng GDP toàn cầu đạt 2,4% - 2,5% (thấp hơn mức dự báo trong báo cáo triển vọng kinh tế toàn cầu 2016-2017 của UN/DESA là 2,8% và thấp hơn mức tăng trưởng toàn cầu năm 2014 là 2,6%). Tăng trưởng toàn cầu không đạt như kì vọng là do các quốc gia phát triển chỉ phục hồi nhẹ (1,9% ở năm 2015 so với 1,7% ở năm 2014), nhóm BRICS và các quốc gia đang phát triển chỉ phục hồi ở mức trung bình (3,8% ở năm 2015 và 4,3% ở năm 2014), trong khi đó các quốc gia chuyển đổi lại đang suy giảm (-2,8% GDP trong năm 2015).

TĂNG TRƯỞNG GDP QUA CÁC NĂM



Trong bối cảnh đó, Việt Nam lại nổi bật lên trong số các quốc gia mới phát triển với mức GDP năm 2015 đạt 6,68%, mức cao nhất trong vòng 5 năm trở lại đây. Chỉ số quản trị mua hàng PMI với ngưỡng mở rộng (>50) được duy trì liên tục qua hầu hết các tháng của năm 2015 cũng cho thấy sự mở rộng của ngành công nghiệp.

CHỈ SỐ PMI CỦA VIỆT NAM TRONG NĂM 2015



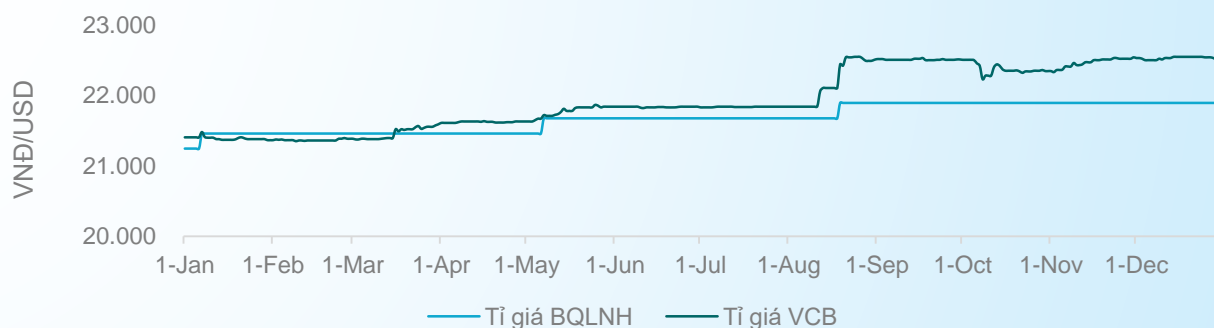
Những điểm sáng kinh tế của Việt Nam trong năm là một trong những thuận lợi cơ bản đối với hoạt động kinh doanh của GMC. Theo dự báo của Worldbank, tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2016 có thể đạt 6,5%. Tuy nhiên, Công ty vẫn đưa ra quan điểm thận trọng đối với nền kinh tế trong thời gian tới khi tình hình chung vẫn cho thấy nhiều bất cập, cụ thể: **1)** Các doanh nghiệp

FDI chiếm phần lớn tỷ trọng xuất khẩu (chiếm 71%), trong khi các doanh nghiệp trong nước lại nhập siêu 3,9 tỷ USD. Điều này cho thấy tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong thời gian tới phụ thuộc khá nhiều vào việc nguồn vốn FDI có được sử dụng hiệu quả hay không. **2)** Tăng trưởng kinh tế thế giới vẫn chưa cho thấy dấu hiệu hồi phục mạnh mẽ, bất ổn chính trị vẫn xảy ra ở nhiều nơi. **3)** Báo cáo của Worldbank vào tháng 12/2015 đưa ra đánh giá: **“Trong khi triển vọng của Việt Nam về cơ bản là tích cực, rủi ro vẫn chiếm ưu thế hơn”**. Với những nhận định như trên, vấn đề đặt ra đối với Ban Lãnh đạo công ty là luôn cập nhật tin tức thị trường, biến động của các yếu tố vĩ mô để đưa ra những dự đoán chính xác, từ đó đề ra kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với điều kiện thực tế, thực hiện thắng lợi những mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

RỦI RO TỶ GIÁ

Hoạt động kinh doanh của GMC vừa nhập khẩu nguyên vật liệu vừa xuất khẩu hàng hóa, đồng tiền giao dịch chủ yếu của Công ty là USD, do vậy sẽ gặp những rủi ro liên quan đến biến động tỷ giá. So với năm 2014, tỷ giá đồng USD so với VNĐ trong năm 2015 ở mức 22.430 VNĐ/USD (ngân hàng Vietcombank – 31/12/2015) tăng 4,9% so với mức 21.380 đồng VND/USD cuối năm 2014. Với tình hình đồng USD đang ngày càng mạnh lên, chi phí đầu vào và cả doanh thu đầu ra của công ty đều chịu ảnh hưởng.

BIẾN ĐỘNG TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI TRONG NĂM 2015



Mặc khác, đồng USD mạnh là một trong những nguyên nhân dẫn đến lãi suất USD tăng, ảnh hưởng đến chi phí tài chính của GMC do Công ty đang sử dụng các dịch vụ tín dụng liên quan đến đồng USD như LC, thanh toán bằng Tradecard.... Sự mạnh lên của đồng USD còn ảnh hưởng tiêu cực đến sức mua của người tiêu dùng ở Mỹ, khu vực EU – là những đối tượng khách hàng của các đơn hàng do GMC thực hiện. Do vậy, Công ty đã và đang xây dựng cho mình chính sách quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách dự báo tỷ giá ngoại tệ để tối ưu hóa thời hạn thanh toán cũng như cơ cấu lại các khoản nợ. Bên cạnh đó, GMC cũng đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu, tạo doanh thu bằng USD để bù đắp nhu cầu USD cho hoạt động nhập khẩu nguyên vật liệu, thường xuyên căn cứ vào tình hình thị trường để dự đoán biến động tỷ giá nhằm có những chính sách phù hợp để giảm thiểu rủi ro.

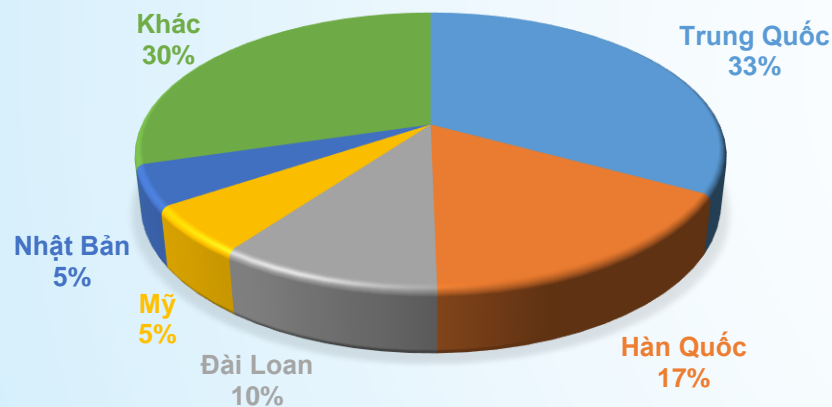


RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH DỆT MAY

Rủi ro về nguồn nguyên liệu

Hiện tại, ngành dệt may Việt Nam đang sử dụng khoảng 8,7 tỷ m² vải thành phẩm, tuy nhiên thị trường trong nước chỉ mới đáp ứng được khoảng 3 tỷ m² vải, tương ứng với 36% nhu cầu, nguồn cung còn lại đến từ nhập khẩu, trong đó thị trường Trung Quốc chiếm tỷ trọng chính hơn 30%.

CÁC THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM NHẬP KHẨU NGUYÊN LIỆU CHÍNH NĂM 2014



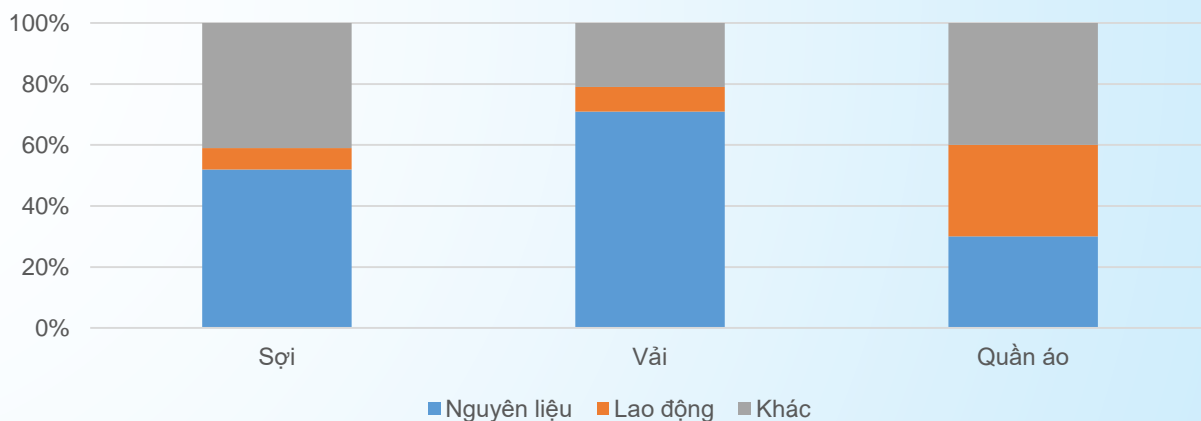
Ngành dệt may nói chung, GMC nói riêng đều đang chịu ảnh hưởng bởi việc thiếu hụt nguồn nguyên liệu đầu vào. Với GMC, trung bình hàng năm, chi phí nguyên liệu đầu vào chiếm khoảng 60% tổng chi phí sản xuất kinh doanh và 70% giá vốn hàng bán. Do đó, sự thay đổi về giá cả nguyên liệu đầu vào sẽ ảnh hưởng lớn đến biên lợi nhuận gộp của Công ty. Hơn thế nữa, nguồn nguyên liệu của GMC phụ thuộc rất nhiều nhập khẩu. Mặc dù TPP được xem là một nhân tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển của ngành dệt may, nhưng thực tế là hầu hết các nước mà doanh nghiệp Việt Nam nhập khẩu nguyên liệu lại không nằm trong khối các nước tham gia đàm phán TPP, do vậy vấn đề nguyên vật liệu đang dần trở thành một thách thức lớn. Là một doanh nghiệp uy tín, GMC đã có nhiều biện pháp tích cực nhằm chủ động hơn đối với nguồn nguyên liệu cũng như duy trì quan hệ với nhiều nhà cung cấp trong ngành, tìm kiếm các nhà cung cấp tốt hơn để hạn chế rủi ro từ nhà cung cấp và tìm được nguồn cung ứng nguyên liệu tốt hơn, tạo lợi thế cạnh tranh bằng việc đàm phán với nhà cung cấp, xây dựng hệ thống nhà thầu phụ cung ứng tốt.



Rủi ro về nguồn lao động

Xét về bối cảnh chung của cả nền kinh tế, cùng với sự dịch chuyển cơ cấu ngành kinh tế thì cơ cấu lao động cũng có sự chuyển dịch tương ứng. Năm 2015 chứng kiến sự chuyển dịch cơ cấu lao động từ các ngành kinh tế có năng suất lao động thấp như nông nghiệp, sang các ngành có năng suất lao động cao hơn như điện tử, công nghiệp phụ trợ... Sức hấp dẫn ở các ngành này đối với người lao động sẽ là thách thức cho các doanh nghiệp thâm dụng lao động như ngành dệt may.

CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ Ở TỪNG PHÂN KHÚC CỦA NGÀNH DỆT MAY



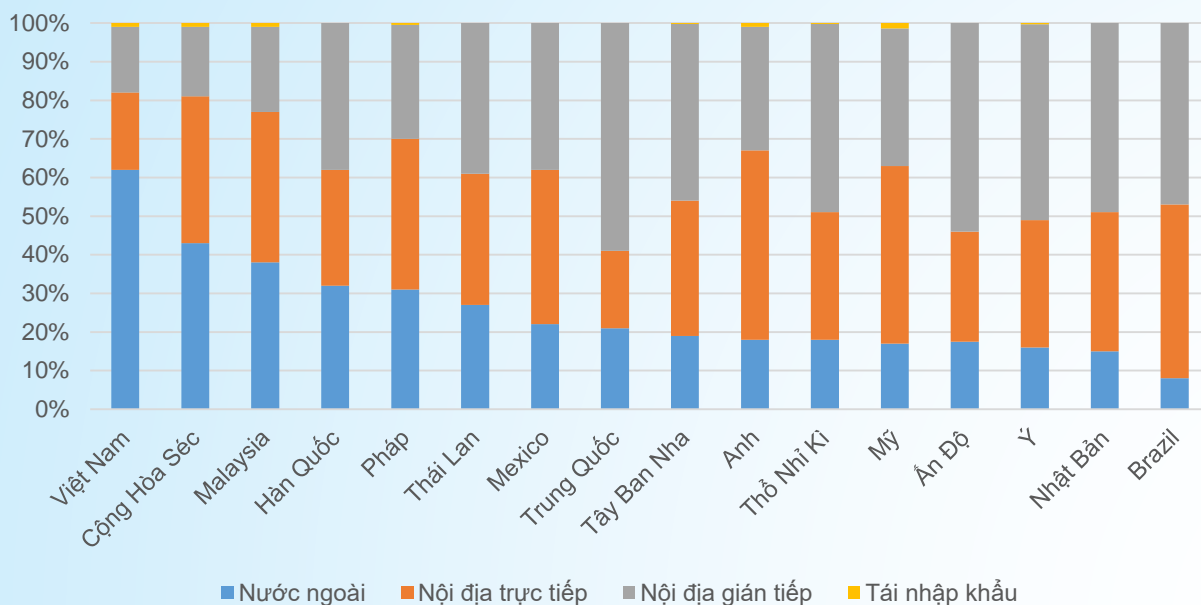
GMC hoạt động chủ yếu trong mảng sản xuất và gia công quần áo, đây là phân khúc có tỷ trọng chi phí lao động chiếm tỷ trọng lớn nhất. Biến động chi phí lao động có ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả hoạt động kinh doanh của GMC ở thời điểm hiện tại cũng như trong tương lai.

Bên cạnh đó, nguồn lao động chủ đạo của Công ty chủ yếu là công nhân ở các tỉnh miền Trung, miền Bắc, sắp tới lực lượng này có xu hướng chuyển dịch về vùng nông thôn khi nhiều dự án dệt may và các hoạt động đầu tư xây dựng trên cả nước được hoàn thành. Ngoài ra, tuổi nghề của lao động ngành khá thấp (~40 tuổi) nên Công ty thường xuyên phải chịu áp lực tìm kiếm nguồn lao động thay thế. Hơn nữa, do đặc thù về sự cạnh tranh lao động trong ngành nên Công ty luôn đảm bảo chính sách đãi ngộ hợp lý, kết hợp tích cực thu hút và giữ chân người tài.

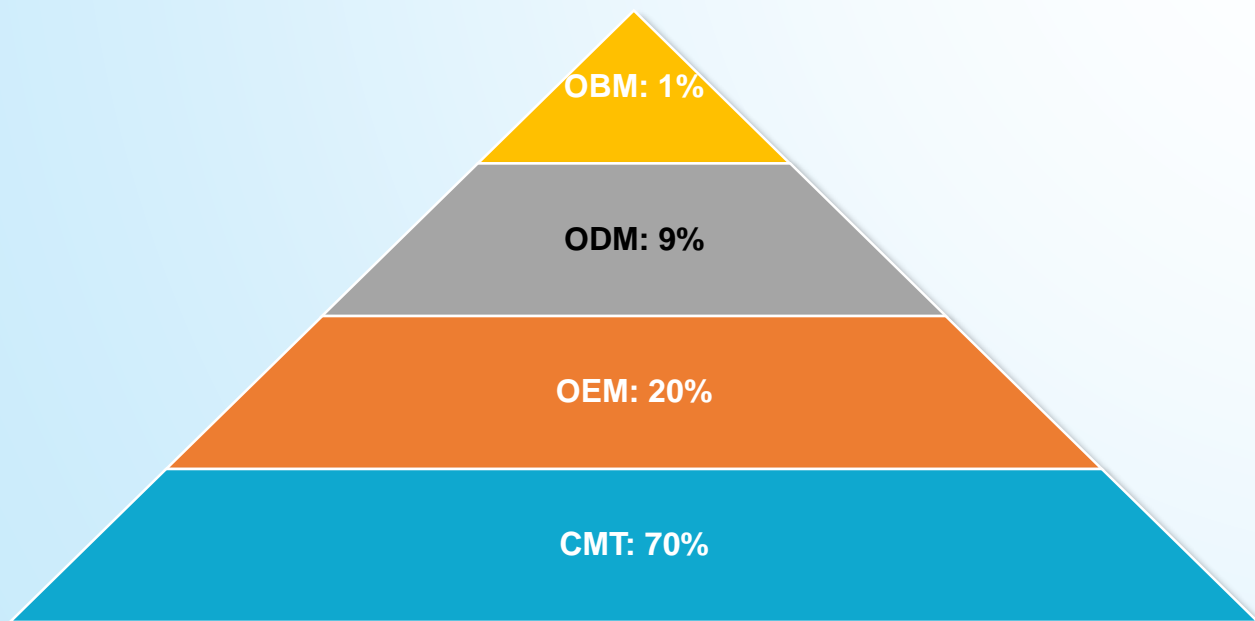
RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH DỆT MAY (tiếp theo)

Rủi ro về phương thức sản xuất

GIÁ TRỊ GIA TĂNG TRONG MẶT HÀNG DỆT MAY CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA



Đặc trưng của ngành dệt may Việt Nam là tạo ra giá trị gia tăng thấp do phương thức sản xuất còn đơn giản, chủ yếu là gia công, tập trung chủ yếu ở CMT (chiếm 70% cơ cấu sản xuất hàng dệt may của Việt Nam), trong khi các cơ cấu của các phương thức sản xuất cao hơn chỉ chiếm 30%. Do vậy, sức cạnh tranh của các doanh nghiệp dệt may nội địa vẫn còn kém so với các doanh nghiệp FDI và các doanh nghiệp nước ngoài khác.



Hiện nay, Gamex Saigon đang tập trung phát triển sản xuất theo phương thức xuất khẩu FOB (mua nguyên liệu, bán thành phẩm, chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tổng doanh thu của Garmex). Tuy nhiên, việc tập trung vào phương thức này có thể dẫn đến một số rủi ro khách quan và chủ quan, Công ty không kịp giao hàng hoặc hàng hóa không đảm bảo chất lượng sẽ phát sinh chi phí phạt do chậm giao hàng hoặc bị từ chối nhận hàng gây thiệt hại cho Công ty. Để khắc phục rủi ro này, Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001-2008 nhằm nâng cao tính chuyên nghiệp và sự phối hợp giữa các phòng ban, đảm bảo chất lượng hàng hóa và thời gian giao hàng. Bên cạnh đó, GMC cũng đang thử nghiệm và phát triển phương thức kinh doanh OBM - tự thiết kế, sản xuất và bán sản phẩm cho khách hàng đồng thời kết hợp với chuyển đổi chiến lược sản phẩm trong FOB, chuyển dịch dần cơ cấu sản xuất, gia công sang thương mại.

RỦI RO PHÁP LUẬT

Hiện nay, các văn bản pháp luật trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh và chứng khoán đang trong quá trình hoàn thiện nên sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi đó dù ít hay nhiều cũng sẽ ảnh hưởng đến nhiều mặt nghiệp, trong đó có Gamex Saigon. Trong rộng với kinh tế thế giới, hoạt động nói chung và các công ty càng chịu nhiều ràng pháp luật hơn. GMC biến động, cũng những văn bản ban hành để ro về thay đổi ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt ty. Hơn thế nữa Việt Nam đang trong quá song phương và đa phương như TPP và thức cho GMC. Nắm bắt được điều đó, Công ty đã và đang nghiên cứu về quy định về Thương mại Quốc tế để chuẩn bị chu đáo cho chiến lược mở rộng hoạt động kinh doanh của mình.



hoạt động sản xuất và quản trị của doanh bối cảnh Việt Nam ngày càng hội nhập sâu kinh doanh của các công ty Việt Nam dặt may nói riêng ngày buộc về chính sách, luôn theo sát những như cập nhật pháp luật mới giảm thiểu rủi chính sách có tiếp và gián động của Công trình đàm phán và ký kết nhiều hiệp định FTA, đây là cơ hội và cũng là thách Bộ phận xúc tiến thương mại của Luật pháp Quốc tế cũng như các

RỦI RO KHÁC

Những rủi ro khác bao gồm các rủi ro không thể dự đoán được như thiên tai, chiến tranh, khủng bố... là những rủi ro có nguy cơ xảy ra rất thấp nhưng nếu phát sinh sẽ có tác động rất lớn đến tình hình kinh doanh của toàn Công ty.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2015



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

BỐI CẢNH CHUNG CỦA TOÀN NGÀNH

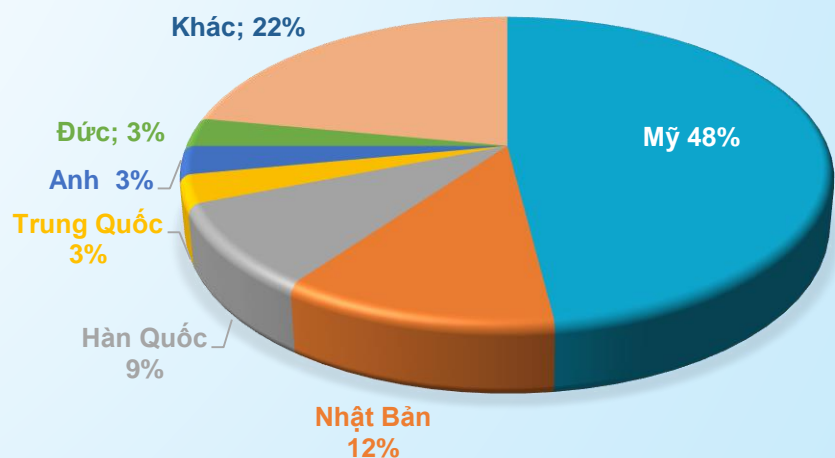
Tổng quan về ngành dệt may Việt Nam

Chỉ tiêu	Nhu cầu
Nguyên liệu	Cotton: 565.000 tấn/năm, trong đó sản xuất 5.000 tấn/năm. Sợi nhân tạo và các sợi khác: 376.000 tấn, nhập khẩu 70%.
Dệt vải	Vải dệt: 6 triệu m ² . Đầu ra: 720.000 tấn/năm. Tiêu thụ 30% nội địa, 70% xuất khẩu.
Nhuộm và in vải	1,4 tỷ m ² /năm. Vải xuất khẩu 400 triệu m ²
Cắt may	Công suất: 800 triệu mét vải/năm
Phân phối sản phẩm dệt may	Xuất khẩu 27 tỷ USD trong năm 2015. Lượng vải sử dụng là 8,7 tỷ m ² , trong đó khoảng 5,7 tỷ m ² là nhập khẩu.

Nguồn: VITAS

Ngành dệt may là ngành có đóng góp xuất khẩu lớn thứ 2 của Việt Nam, chỉ sau linh kiện và điện tử. Ngành dệt may Việt Nam hiện nay đang có nhiều điều kiện và lợi thế để phát triển thành một trong những ngành công nghiệp chủ đạo của nước nhà. Mặc dù tình hình chung của ngành vẫn còn nhiều tồn đọng và khó khăn, nhưng lại có nhiều lợi thế so với các ngành công nghiệp khác cũng như so với các quốc gia khác.

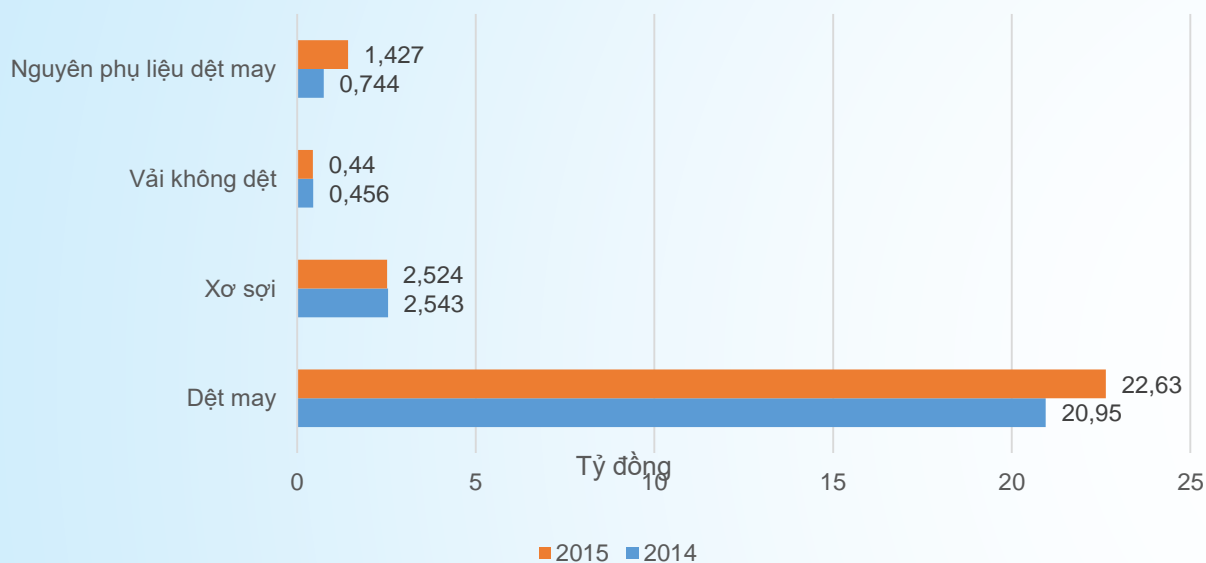
CƠ CẤU CÁC THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU HÀNG DỆT MAY CHÍNH CỦA VIỆT NAM



Nguồn: VITAS



XUẤT KHẨU CÁC MẢNG CỦA NGÀNH DỆT MAY



So với năm 2014, xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam đạt khoảng 27 tỷ USD, tăng 9,43%. Trong năm, tình hình hoạt động của mảng dệt may dù vẫn còn gặp nhiều khó khăn bởi nhu cầu tiêu thụ của thị trường có sự sụt giảm, cùng với cạnh tranh diễn ra gay gắt, nhưng ngành dệt may Việt Nam vẫn duy trì được mức tăng trưởng tốt.

Năm 2015 là một năm đáng nhớ đối với ngành dệt may Việt Nam khi có nhiều hiệp định thương mại quốc tế được kí kết như TPP, FTA EU-Việt Nam, FTA Hàn Quốc-Việt Nam, mở ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp trong việc mở rộng và phát triển trong tương lai. Đón đầu cơ hội từ các hiệp định thương mại quốc tế này, các doanh nghiệp FDI có ngành công nghiệp dệt may phát triển đang có xu hướng xây dựng chuỗi giá trị khép kín tại Việt Nam (bao gồm từ nguyên liệu, sợi, dệt đến thành phẩm may mặc). Việc các doanh nghiệp FDI mạnh tay đầu tư vào Việt Nam sẽ thúc đẩy sự phát triển của ngành nhờ kinh nghiệm hoạt động lâu năm và lợi thế về nguồn vốn dồi dào. Tuy nhiên, điều đó cũng đồng nghĩa với việc cạnh tranh trong nội ngành sẽ diễn ra ngày càng gay gắt và phức tạp. Cơ hội từ các hiệp định thương mại quốc tế chỉ đến với các doanh nghiệp đã có sự chuẩn bị kĩ càng về hoạt động và chiến lược để đón đầu cơ hội và xu hướng mà ngành dệt may sắp hướng tới.



Quy hoạch ngành dệt may 2015-2030

Quy hoạch ngành dệt may của bộ công thương đã cho thấy rõ định hướng của nhà nước trong việc tập trung phát triển ngành dệt may nước nhà. Trong đó, cụ thể nhất là việc đẩy mạnh tỷ lệ nội địa hóa nguồn nguyên liệu đầu vào và đẩy mạnh hoạt động của ngành, phấn đấu đến năm 2030, giá trị xuất khẩu ngành dệt may ước đạt 64-67 tỷ USD. Việc nội địa hóa nguồn nguyên liệu đầu vào mang ý nghĩa sống còn đối với ngành dệt may trong nước bởi các hiệp định thương mại quốc tế đều đưa yêu cầu xuất xứ rất khắt khe (từ sợi trở đi đối với TPP và từ vải trở đi đối với các FTA), cũng như các ràng buộc về luật pháp một cách quy chuẩn. Nếu các doanh nghiệp dệt may Việt Nam không đáp ứng được các yêu cầu này, ngành dệt may Việt Nam sẽ đánh mất cơ hội phát triển trong tương lai.

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2015	2020	2030
Kim ngạch xuất khẩu	Tỷ USD	23-24	36-38	64-67
Tỷ lệ xuất khẩu so với cả nước	%	15-16	13-14	9-10
Sử dụng lao động	Nghìn người	2.500	3.300	4.400
Sản phẩm chủ yếu				
Bông xơ	Nghìn tấn	8	15	30
Xơ, sợi tổng hợp	Nghìn tấn	400	700	1,500
Xợi (kéo từ xơ cắt ngắn)	Nghìn tấn	900	1.300	2.200
Vải các loại	Triệu m ²	1.500	2.000	4.500
Sản phẩm may	Triệu sản phẩm	4.000	6.000	9.000
Tỷ lệ nội địa hóa	%	55	65	70

Nguồn: Bộ Công Thương

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA GMC

Kết thúc năm 2015, Garmex Saigon tiếp tục hoàn thành chỉ tiêu đề ra với doanh thu vượt 0,6%, lợi nhuận trước thuế vượt 10,6% so với cùng kỳ năm trước. Trong bối cảnh Việt Nam đã và đang hội nhập ngày càng sâu rộng, các hiệp định quốc tế được ký kết trong năm 2015 khiến cho cạnh tranh trong ngành dệt may diễn ra ngày càng gay gắt thì những thành tựu mà Công ty đạt được đã cho thấy nỗ lực của ban Tổng giám đốc trong việc hoạch định kế hoạch quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh một cách đúng đắn.

Trong năm 2015, GMC cũng đã thực hiện việc mua lại hoàn toàn công ty TNHH Sài Gòn Xanh từ Blue Exchange để tận dụng tối đa ưu thế từ Công ty này, mở rộng hoạt động ở các thị trường bên ngoài cũng như góp phần gia tăng lợi nhuận cho GMC, nhằm đạt được mục tiêu đề ra ở hiện tại và làm nền tảng thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh trong tương lai.

Đồng thời, để chuẩn bị cho kế hoạch đầu tư hoạt động trong tương lai, Garmex đã nhận nhượng quyền thương hiệu thể thao Gramicci (Mỹ) để chuẩn bị cho việc phát triển các đơn hàng với hình thức cao hơn và thâm nhập sâu hơn vào thị trường thị Mỹ và các thị trường khác.

CHỈ TIÊU	ĐVT	2014	2015	Tăng giảm 2015/ 2014
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.409	1.502	6,6%
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	1.201	1.250	4,1%
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	208	252	21,2%
Doanh thu hoạt động tài chính	Tỷ đồng	12,8	21,6	68,8%
Chi phí hoạt động tài chính	Tỷ đồng	10	24	140,0%
Chi phí bán hàng	Tỷ đồng	21,5	35,6	65,6%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tỷ đồng	115,4	136,6	18,4%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	Tỷ đồng	73,9	77,7	5,1%
Lợi nhuận khác - Tổng	Tỷ đồng	0,447	4,4	893,5%
Lãi (lỗ) từ công ty liên doanh liên kết	Tỷ đồng	0	0	0,0%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	74,3	82,2	10,6%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	56,9	65,6	15,3%

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH ĐÃ ĐỀ RA

CHỈ TIÊU	ĐVT	KH2015	TH2015	TH2015/ KH2015
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.500	1.504	100,3%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	75	82,2	109,6%
Tỷ lệ cổ tức	%	30	15 (*)	

(*) GMC đã thực hiện tạm ứng 15% cổ tức bằng tiền mặt.

Dựa trên kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận trước thuế mà Garmex Saigon đã đề ra trong năm 2015, Công ty đã hoàn thành kế hoạch đề ra. Trong đó, chỉ tiêu doanh thu vượt 0,3% kế hoạch và chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế vượt 9,6% kế hoạch năm.





TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH



Ông NGUYỄN ÂN – Tổng Giám đốc

Số CMND: 023744173 cấp ngày 18/08/1999 tại TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ thường trú: 304/9c Lê Đức Thọ, Phường 16, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

Trình độ chuyên môn: Đại học Kinh tế Công nghiệp

Số cổ phần nắm giữ: 285.441 cổ phần, chiếm 2,44% VĐL

Chức vụ hiện nay: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại May Sài Gòn



Bà ĐỖ THỊ KIM NHÀN – Phó Tổng Giám đốc

Số CMND: 021563814, cấp ngày 22/10/2008, tại CA TP.HCM

Địa chỉ thường trú: 43 Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, cử nhân Chính trị, cử nhân Luật

Số cổ phần nắm giữ: 187.283 cổ phần, chiếm 1,60% VĐL

Chức vụ hiện nay: Phó Tổng Giám Đốc Công Ty Cổ phần Sản xuất Thương mại May Sài Gòn, Giám đốc Chi nhánh Công ty TNHH May Tân Mỹ



Bà NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG – Phó Tổng Giám đốc

Số CMND: 022748227 cấp ngày 14/01/2008 tại TP. Hồ Chí Minh.

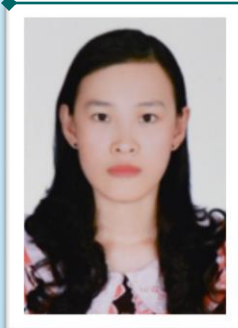
Quê quán: Hải Dương

Địa chỉ thường trú: 258/80A Trần Hưng Đạo, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế (Ngành Quản Trị)

Số cổ phần nắm giữ: 19.247 cổ phần, chiếm 0,16% VĐL

Chức vụ hiện nay: Phó Tổng Giám Đốc Công Ty Cổ phần Sản xuất Thương mại May Sài Gòn, Giám Đốc Xí Nghiệp May Tân Phú



Bà Nguyễn Minh Hằng – Giám đốc Tài chính

Số CMND: 023063803, cấp ngày 20/04/2000 tại CA TP. HCM

Địa chỉ thường trú: 407/3 Lý Thái Tổ, Phường 9, Quận 10, TP. HCM

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Số lượng cổ phần sở hữu: 9.079 cổ phần, chiếm 0,08% VĐL

Chức vụ hiện nay: Giám đốc Tài Chính Công ty Cổ Phần Sản xuất Thương mại May Sài Gòn.

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

Trong năm 2015, Công ty không có bất kỳ thay đổi nào trong Ban Điều hành.

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN. TÓM TẮT CHÍNH SÁCH VÀ THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tính đến 31/12/2015, tổng số lao động của Tổng Công ty là 4.210 người với cơ cấu cụ thể như sau:

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động	4.210	100%
1	Đại học và trên Đại học	152	3,61%
2	Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp	198	4,70%
3	Sơ cấp, Công nhân kỹ thuật	500	11,88%
4	Lao động phổ thông	3.360	79,81%
II	Theo đối tượng lao động	4.210	100%
1	Lao động trực tiếp	3.905	92,3%
2	Lao động gián tiếp	305	7,2%
III	Theo giới tính	4.210	100%
1	Nam	1.168	27,74%
2	Nữ	3.042	72,26%
	Tổng cộng	4.210	100%

Một số chính sách đối với người lao động và những thay đổi trong năm 2015:

- Áp dụng cơ chế lương “mềm”
- Khen thưởng cho những nhân viên có thành tích nổi trội, công nhân có sáng kiến cải tiến.
- Chú trọng đào tạo và phát triển nhân viên, bổ nhiệm cán bộ trẻ có năng lực.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

- Các khoản đầu tư dài hạn: Trong năm, Garmex Sài Gòn đã thực hiện mua lại 49% phần vốn góp từ Công ty TNHH Sài Gòn Xanh.
- Đầu tư tài chính: Garmex Sài Gòn thực hiện việc nhượng quyền đối với thương hiệu Gramicci (Mỹ).

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CÔNG TY CON

Công ty Trách nhiệm hữu hạn May Tân Mỹ

Chỉ tiêu	ĐVT	2014	2015
Doanh thu	Đồng	180.142.021.446	171.723.880.778
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	4.992.291.978	3.016.870.576
Tài sản	Đồng	57.571.195.501	47.902.646.545
Vốn điều lệ	Đồng	15.000.000.000	15.000.000.000

Công ty Trách nhiệm hữu hạn May Sài Gòn Xanh

Chỉ tiêu	ĐVT	2014	2015
Doanh thu	Đồng	80.520.186.229	100.648.773.493
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	(7.078.370.882)	(6.792.399.607)
Tài sản	Đồng	80.469.301.615	88.788.584.915
Vốn điều lệ	Đồng	74.825.960.000	86.000.000.000



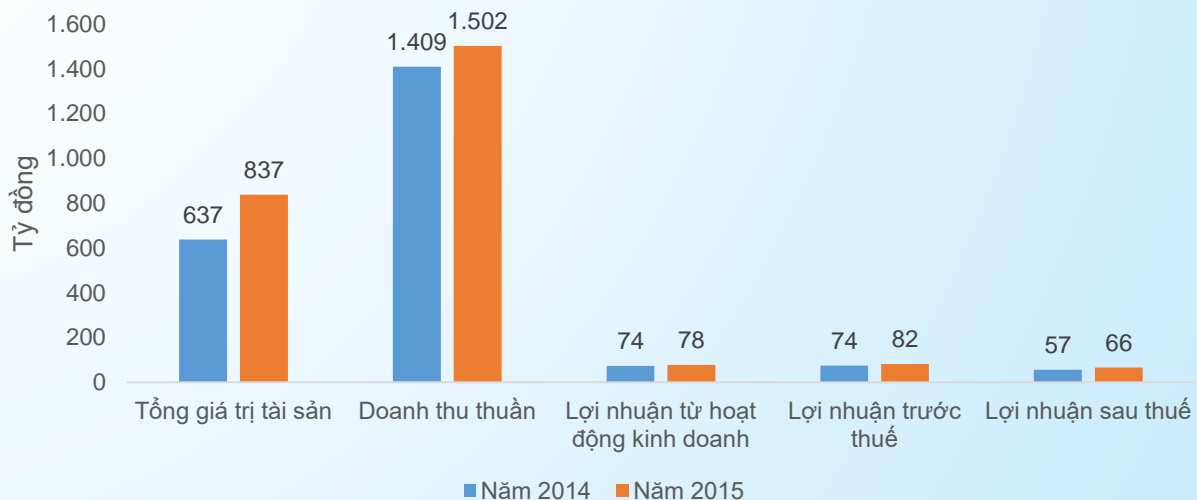
TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	637.070	836.714	31,3%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	1.409.479	1.502.065	6,6%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	73.879	77.717	5,2%
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	447	4.441	893,5%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	74.326	82.158	10,5%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	56.908	65.643	15,3%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	30%	15% (*)	-
EPS	Đồng/CP	5.435	6.196	14%

(*) Cổ tức cho năm 2015 là mức cổ tức tạm ứng đợt 1

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA GMC



CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,09	1,07
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,61	0,66
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	61,21	68,90
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	171,1	222,52
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	65,04	61,52
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	2,18	2,04
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,04	4,37
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	24,76	25,88
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	8,79	8,91
Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	5,24	5,17

Những thay đổi chính trong năm 2015 về tình hình tài chính của GMC bao gồm:

- **Hệ số thanh toán ngắn hạn giảm từ 1,09 xuống còn 1,07:** Nợ ngắn hạn trong năm 2015 đã tăng từ 389 tỷ đồng lên 577 tỷ đồng, trong đó vay và nợ thuê tài chính tăng từ 198 tỷ đồng lên 362 tỷ đồng.
- **Hệ số thanh toán nhanh cải thiện từ 0,61 lần lên 0,66 lần:** Vì tiền và khoản phải thu tăng. Cụ thể, tiền và tương đương tiền tăng từ 39 tỷ lên 51,8 tỷ, khoản phải thu tăng từ 183 tỷ lên 302,9 tỷ đồng.
- **Cơ cấu vốn chuyển dịch:** Do trong năm 2015, Công ty vay nợ ngắn hạn nhiều để tài trợ cho hoạt động kinh doanh nên cơ cấu Nợ/Vốn chủ sở hữu tăng từ 171,10% lên 222,52%.
- **Chỉ tiêu về khả năng sinh lời duy trì tốt:** Công ty đã cải thiện được biên lợi nhuận ròng trong năm 2015 từ 4,04% lên 4,37% và duy trì được hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu là 25,88%.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN

Số cổ phiếu đã phát hành: 11.690.330 cổ phần

Số cổ phiếu thường: 11.690.330 cổ phần

Số cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phần

Số cổ phiếu đang lưu hành: 11.641.070 cổ phần

Số cổ phiếu quỹ: 49.260 cổ phần

Mệnh giá: 10.000

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

Tên Tổ chức/ Cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/ VĐL
Lâm Quang Thái	023930608	4C/2 Yên Thế, Phường 2, Q.Tân Bình, TP.HCM	1.826.996	15,63
Công ty TNHH Một Thành Viên Dệt May Gia Định	0300744507	10-12-14-16 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.NTB, Q.1, TP.HCM	1.173.289	10,04
Trần Cảnh Thông	023324942	351/53 Lê Văn Sĩ, Phường 13, Quận 3 TP. HCM	773.511	6,62
Nhóm Cổ đông				
Lâm Tử Thanh	VSDGMC021 841229	Số 6 Trần Quang Diệu, Phường 13, Quận 3, TP.HCM	392.070	3,35
Công ty TNHH thương mại Á Châu	46810	Số 6 Trần Quang Diệu, Phường 13, Quận 3, TP.HCM	436.810	3,74
Công ty TNHH Tân Á	49523	90 Quốc lộ 1A, Xã Mỹ Yên, Huyện Bến Lức, Long An	436.810	3,74

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng cộng	
	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
Cổ đông sở hữu trên 5%	5.099.486	43,2	-	-	5.099.486	44
Cổ đông sở hữu từ 1 đến 5%	2.586.270	22,12	1.162.406	9,94	3.748.676	32
Cổ đông sở hữu dưới 1 %	2.216.326	18,96	625.842	5,35	2.842.168	24
Tổng cộng	9.902.082	84,70	1.788.248	15,30	11.690.330	100

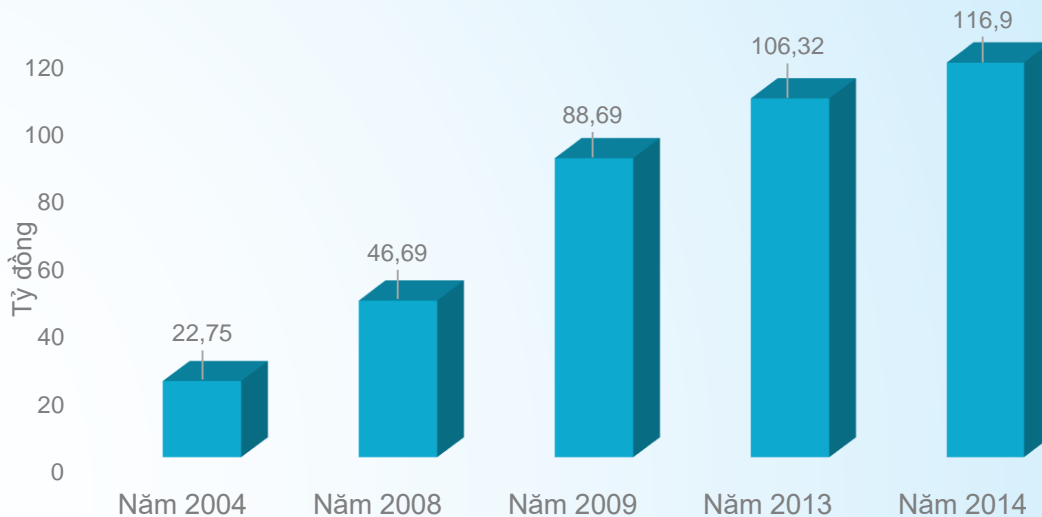
Cơ cấu cổ đông theo loại hình sở hữu

Đối tượng	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/ VDL
Cổ đông trong nước	9.902.082	84,70
Cá nhân	6.449.691	55,17
Tổ chức	3.452.391	29,53
Cổ đông nước ngoài	1.788.248	15,30
Cá nhân	760.284	6,50
Tổ chức	1.027.964	8,79
Tổng cộng	11.690.330	100

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Từ khi hoạt động dưới hình thức là Công ty cổ phần đến nay, quá trình tăng vốn của GMC như sau:

QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ CỦA GMC



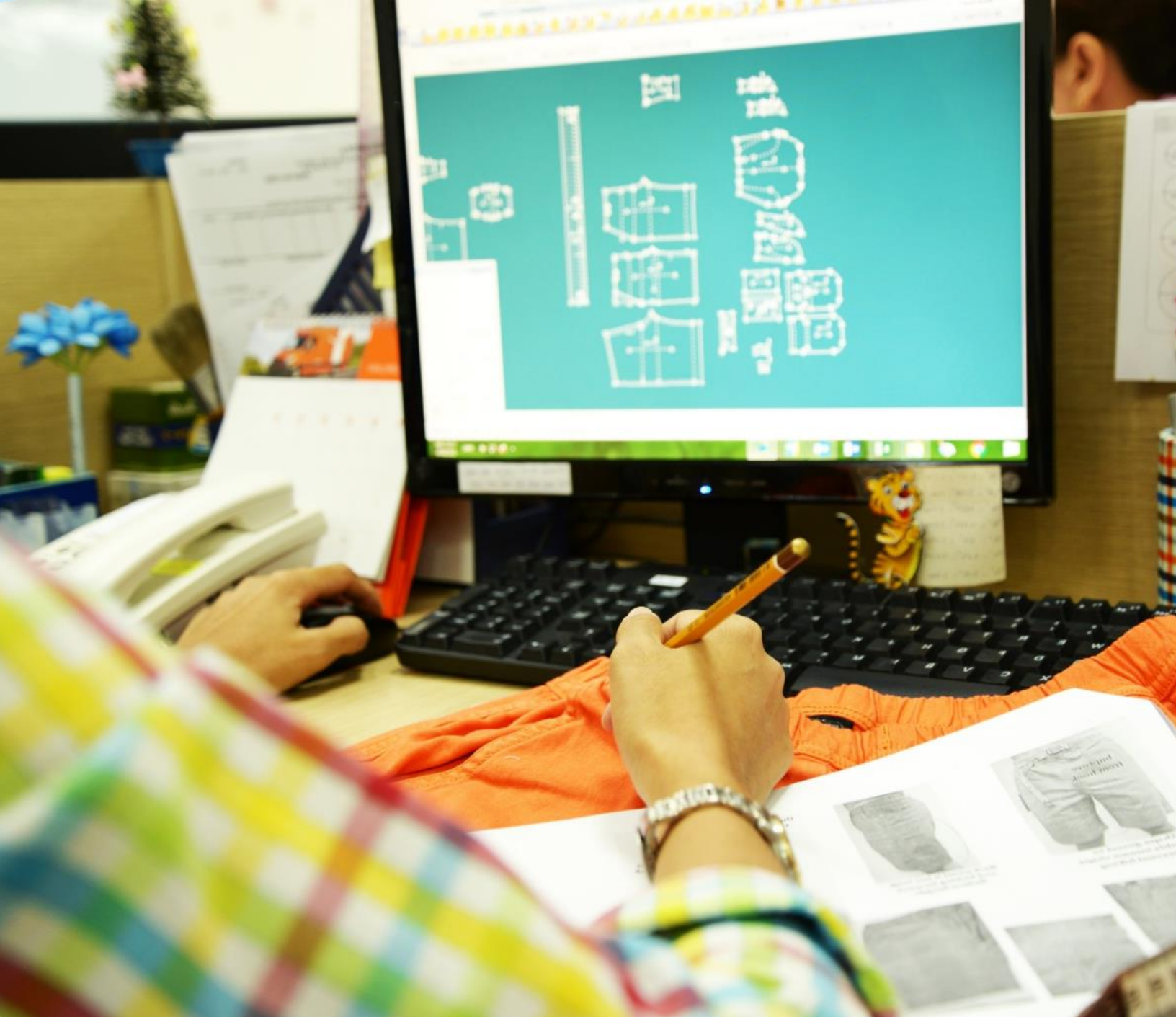
Trong năm 2015, Công ty không tiến hành tăng vốn. Vốn điều lệ của công ty tại thời điểm 31/12/2015 là 116.903.300.000 VNĐ.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Trong năm Công ty không thực hiện bất cứ một giao dịch mua/bán cổ phiếu quỹ nào. Hiện nay số lượng cổ phiếu quỹ của Công ty là 49.260 cổ phần.

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Không có.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



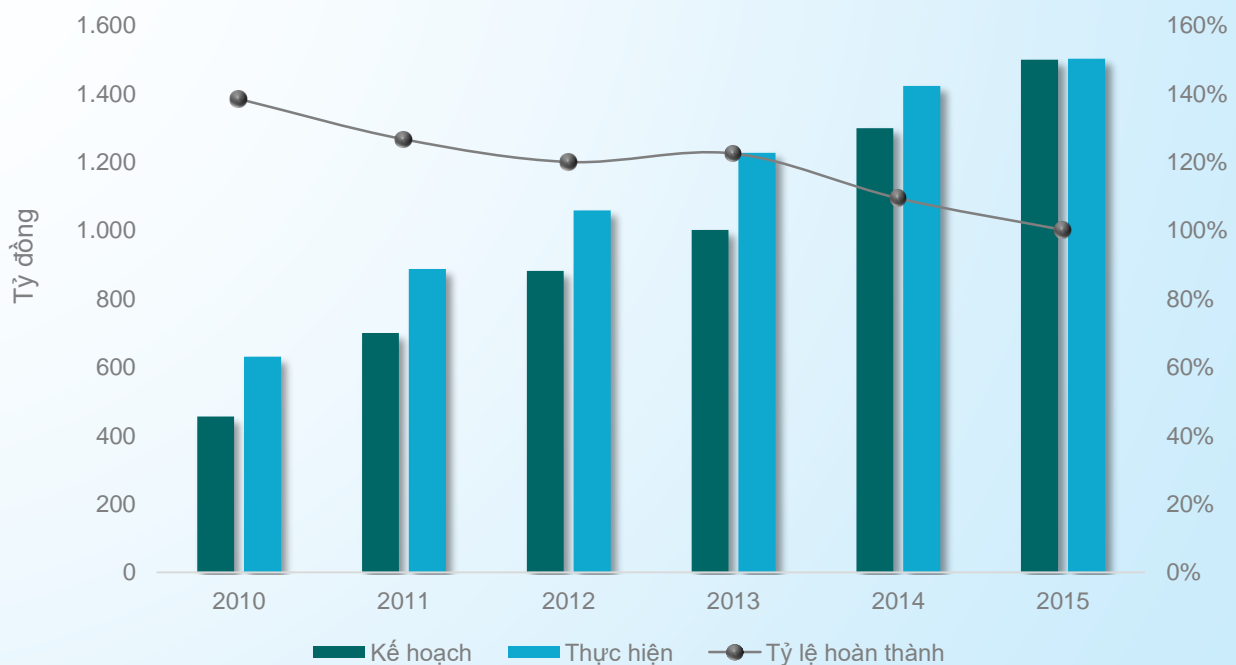
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2015, GDP tăng trưởng 6,68% cao hơn gần 0,5% so với kế hoạch, kinh tế vĩ mô khá ổn định với mức tăng trưởng cao nhất trong vòng 5 năm trở lại đây. Tuy nhiên tình hình thế giới bất ổn do xung đột địa chính trị ở nhiều khu vực và nền kinh tế Trung quốc giảm tốc độ tăng trưởng cũng có ảnh hưởng đến môi trường kinh doanh trong nước. Vượt lên những khó khăn và chuẩn bị cho những cơ hội và thách thức trong tương lai, tập thể cán bộ công nhân viên Garmex đã tiếp tục đạt được những thành tựu đáng ghi nhận.

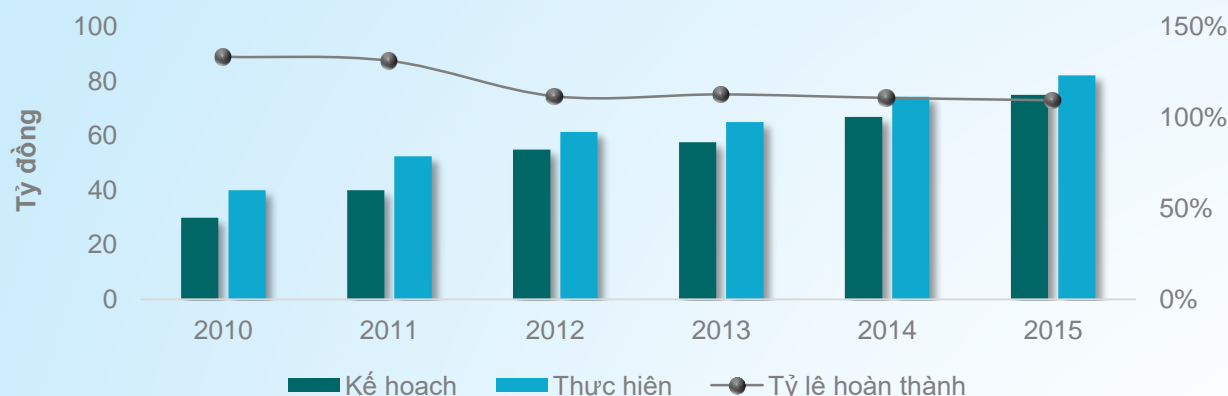
Trong năm 2015, bất chấp sự cạnh tranh gay gắt của các doanh nghiệp dệt may nội địa và FDI, Garmex đã hoàn thành kế hoạch kinh doanh trong năm 2015 với một số kết quả đáng chú ý như sau:

- Doanh thu và lợi nhuận vẫn tăng trưởng ổn định: Tốc độ tăng trưởng kép bình quân doanh thu trong 5 năm gần đây đạt 14%, trong khi tốc độ tăng trưởng kép bình quân của lợi nhuận trước thuế đạt 12%. Kết quả này cho thấy hiệu quả của những nỗ lực đảm bảo duy trì ổn định hoạt động kinh doanh của GMC trong thời gian vừa qua.
- Tiếp tục đầu tư và mở rộng quy mô hoạt động của Công ty, phấn đấu hoàn thành những chỉ tiêu dài hạn đã đạt được trong tương lai.
- Garmex Sài Gòn đã thực hiện mua lại phần vốn góp từ Công ty TNHH Sài Gòn Xanh và nhận nhượng quyền thương hiệu Gramicci của Mỹ, Đây là bước đi nền tảng chuẩn bị cho kế hoạch tăng trưởng trong tương lai của Garmex.

KẾ HOẠCH VÀ THỰC HIỆN DOANH THU CỦA GMC GIAI ĐOẠN 2010-2015



KẾ HOẠCH VÀ THỰC HIỆN LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ CỦA GMC GIAI ĐOẠN 2010-2015

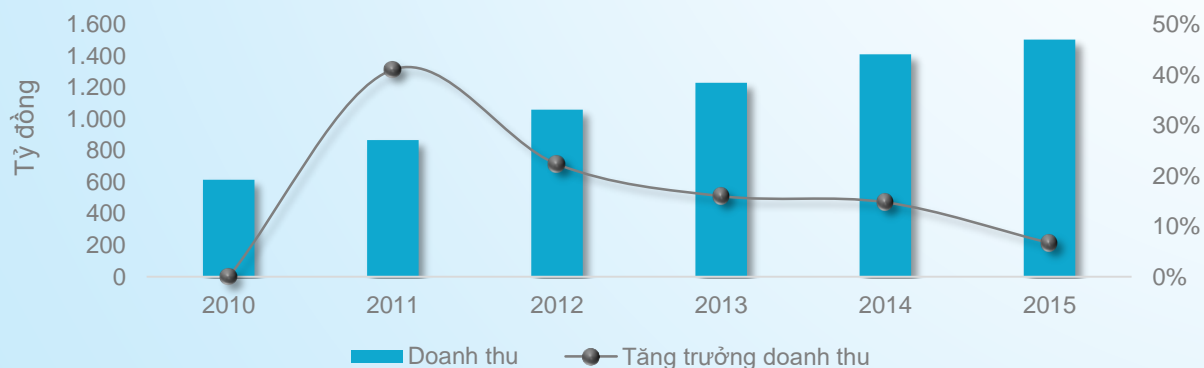


Trong những năm gần đây, kế hoạch đề ra của công ty đều được thực hiện và hoàn thành vượt mức chỉ tiêu so với kế hoạch đề ra. Cụ thể, trong năm 2015, công ty đạt mức doanh thu 1.504 tỷ đồng, vượt 0,3% so với kế hoạch đề ra, trong khi lợi nhuận trước thuế đạt 82,2 tỷ, vượt 9,6% so với kế hoạch.

LỢI NHUẬN SAU THUẾ VÀ TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN SAU THUẾ CỦA GMC GIAI ĐOẠN 2010-2015



DOANH THU VÀ TĂNG TRƯỞNG DOANH THU CỦA GMC GIAI ĐOẠN 2010-2015



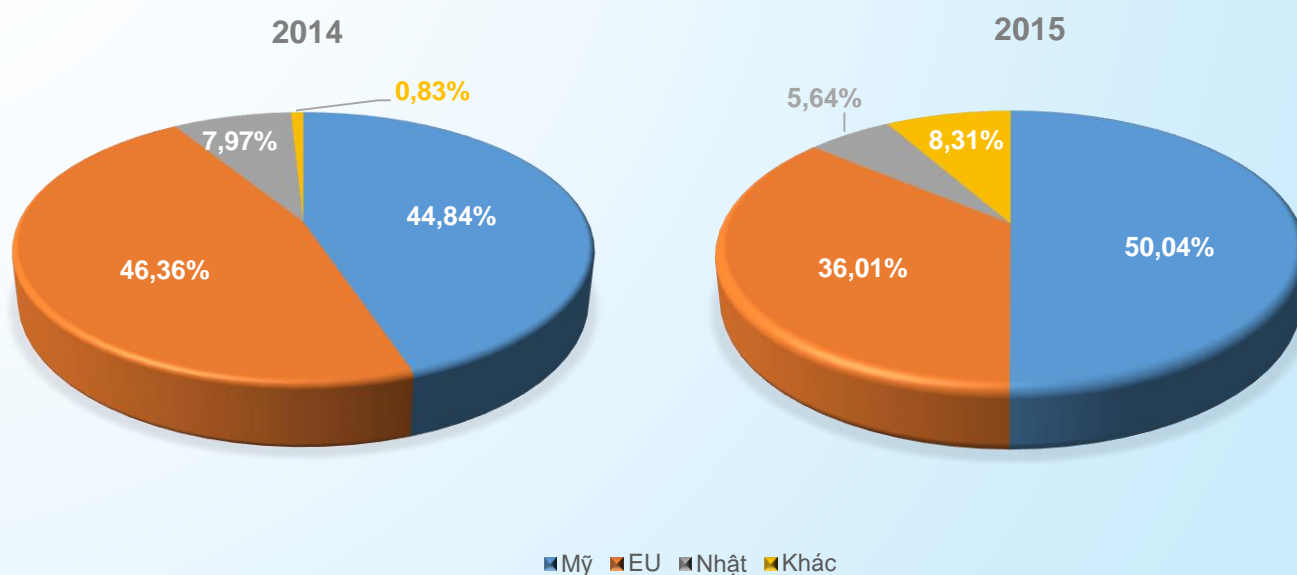
KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH CỤ THỂ GIAI ĐOẠN 2011 – 2015

(Đơn vị tính: Tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
Cơ cấu doanh thu	865	1.055	1.227	1.410	1.502
Doanh thu xuất khẩu FOB	793	922	1.135	1.364	1.371
Doanh thu xuất khẩu CM	5.2	12	4	1	0
Doanh thu ở thị trường nội địa	67.3	122	87	39	131
Lợi nhuận gộp	183	169	166	208	252
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.871	5.870	6.124	5.435	6.196

Doanh thu xuất khẩu hàng FOB trong giai đoạn 2011-2015 ngày càng tăng dần. Tính đến năm 2015, cơ cấu doanh thu xuất khẩu của GMC chỉ bao gồm hàng FOB. Về thị trường hoạt động, xuất khẩu vẫn là thị trường đóng góp doanh thu chủ yếu cho Garmex, trong đó khu vực Mỹ, EU, Nhật Bản là các khu vực mà Công ty xuất khẩu chính, trong đó thị trường châu Mỹ là thị trường đóng góp doanh thu lớn nhất, với 50,04%, thị trường EU chiếm 36,01%. Trong năm, do sức cầu yếu từ thị trường châu Âu cùng với cạnh tranh từ thị trường này mà Garmex Saigon đã chuyển dịch thị trường sang Mỹ và một số thị trường khác.

Cơ cấu doanh thu theo thị trường của GMC như sau:



NHỮNG TIẾN BỘ ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM

Trong thời gian qua, Garmex Saigon đã tích cực áp dụng mô hình sản xuất tinh gọn LEAN. Công tác đào tạo nghiệp vụ liên quan được đẩy mạnh để nâng cao năng lực sản xuất, vận hành và quản lý sao cho đồng bộ và có hiệu quả. Đồng thời, trang thiết bị cũng được bảo dưỡng, đầu tư thêm nhằm đáp ứng nhu cầu của quá trình sản xuất. Nhờ vậy, trình độ quản lý sản xuất và năng suất lao động được nâng cao, mang lại lợi thế cho Công ty trong bối cảnh cạnh tranh trong ngành dệt may ngày một trở nên gay gắt.

Cùng với yêu cầu không ngừng mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã tiến hành mua lại Công ty TNHH Sài Gòn Xanh và nhượng quyền Gramicci.

Garmex Saigon là hiện là đối tác chiến lược của Columbia Sportswear (Mỹ) đang phát triển bền vững trong những năm gần đây. Nhóm Chuyên gia cao cấp phụ trách QE (Công nghệ Chất lượng) từ trụ sở chính của Columbia Sportswear đã đến thăm Xí nghiệp An Phú trực thuộc Garmex Saigon trong chuyến công tác của họ đến Việt Nam. Mặt bằng sản xuất được bố trí lại và hệ thống quản lý chất lượng trực quan bằng công nghệ thông tin được áp dụng tại Xí nghiệp đã để lại ấn tượng tốt đẹp với khách tham quan. Khách cũng thích thú tìm hiểu cách thức Xí nghiệp sử dụng hiệu quả trang thiết bị trong công đoạn ép nhiệt và cắt laser. Điểm sáng của hoạt động Xí nghiệp là rạp cải tiến và gá lắp giúp cho việc sản xuất thuận tiện và nâng cao năng suất cũng như hiệu năng. Các kỹ sư sản xuất từ trụ sở chính của Columbia Sportswear mong muốn tìm hiểu về khả năng cải tiến của cán bộ kỹ thuật tại chỗ khi họ đưa ra nhiều loại rạp và gá lắp đã được sử dụng khi sản xuất các đơn hàng của thương hiệu thể thao Mỹ nổi tiếng toàn cầu này. Cởi mở và hợp tác, các chuyên gia kỹ thuật Mỹ thậm chí còn khuyến khích công nhân và cán bộ kỹ thuật xí nghiệp có nhận xét về mẫu được phát triển tại Mỹ, ứng dụng các rạp cải tiến để cải thiện về mỹ quan, công năng và hiệu quả về giá thành của các thành phẩm.





TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

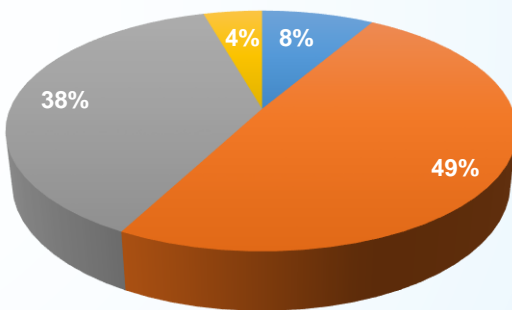
TÌNH HÌNH TÀI SẢN

(Đơn vị: Tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2014	% so với 2014	Cơ cấu Tài sản 2015	Cơ cấu Tài sản 2014
Tài sản ngắn hạn	616	426	44,6%	74%	67%
Tài sản dài hạn	221	211	4,7%	26%	33%
Tổng tài sản	837	637	31,4%	100%	100%

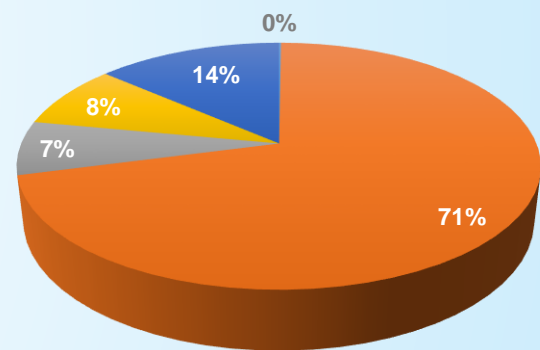
Trong năm 2015, tổng tài sản của Công ty tăng mạnh 31,4% từ 637 tỷ đồng lên 837 tỷ đồng. Trong đó, tài sản dài hạn tăng nhẹ 4,7%, trong khi tài sản ngắn hạn tăng mạnh từ 426 tỷ đồng lên 612 tỷ đồng, tăng 44,6%.

CƠ CẤU TÀI SẢN NGẮN HẠN



- Tiền và tương đương tiền
- Hàng tồn kho
- Khoản phải thu ngắn hạn
- Tài sản ngắn hạn khác

CƠ CẤU TÀI SẢN DÀI HẠN



- Các khoản phải thu dài hạn
- Tài sản cố định
- Tài sản dở dang dài hạn
- Đầu tư tài chính dài hạn
- Tài sản dài hạn khác

Đối với tài sản ngắn hạn: Khoản phải thu chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, đạt 49%, so với cuối năm 2014, khoản phải thu của Công ty tăng mạnh từ 183 tỷ đồng lên 303 tỷ đồng. Khoản phải thu tăng mạnh trong giai đoạn này vì Garmex đang phải chịu sự cạnh tranh gay gắt ở các thị trường quốc tế. Hàng tồn kho chiếm tỷ trọng 39% trong cơ cấu tài sản ngắn hạn cũng tăng so với năm 2014 từ 187 tỷ đồng lên 234 tỷ đồng. Tiền và tài sản ngắn hạn khác lần lượt chiếm tỷ trọng 8% và 4% trong cơ cấu tài sản ngắn hạn của Garmex.

Đối với tài sản dài hạn: Tài sản cố định chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu tài sản dài hạn của Công ty, đạt 71%. Giá trị và cơ cấu tài sản dài hạn không có nhiều biến động trong năm 2015.

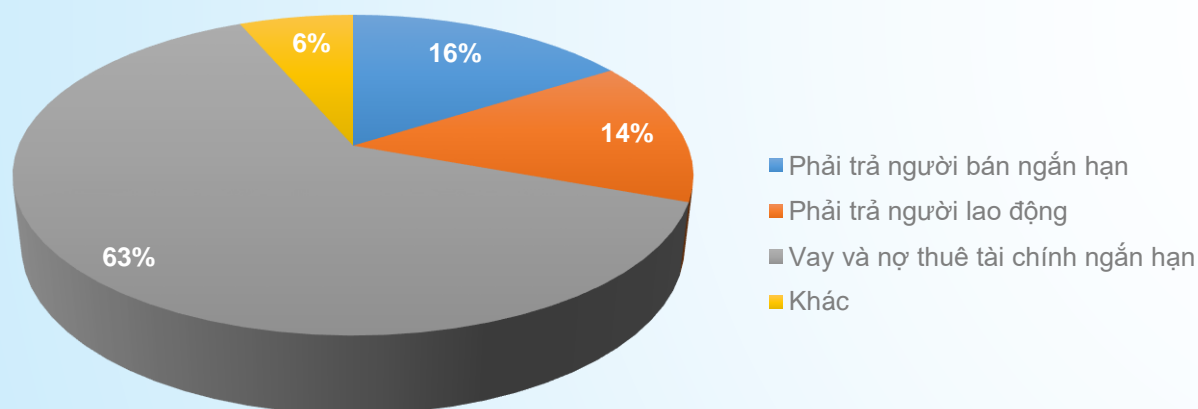
TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

(Đơn vị: Tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2014	% so với 2014	Cơ cấu Nợ 2015	Cơ cấu Nợ 2014
Nợ ngắn hạn	576	390	47,7%	100%	100%
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	576	390	47,7%	100%	100%

Công ty vẫn duy trì cơ cấu nợ lớn hơn 60% trên tổng nguồn vốn tài trợ hằng năm để tài trợ cho hoạt động kinh doanh chính. Trong đó, nợ ngắn hạn vẫn được dùng để tài trợ hoàn toàn cho hoạt động kinh doanh. So với năm 2014, nợ ngắn hạn của Garmex đã tăng 186 tỷ, cao hơn 47,7%.

CƠ CẤU NỢ NGẮN HẠN



Xét trong cơ cấu nợ ngắn hạn của Garmex, vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn vẫn là khoản mục chiếm tỷ trọng chủ yếu, với tỷ trọng 63% trong cơ cấu nợ ngắn hạn. Trong những năm gần đây, Garmex luôn duy trì mức vay nợ ngắn hạn cao để tài trợ cho vốn lưu động của mình. Ngoài ra, 2 khoản mục chiếm tỷ trọng đáng kể là phải trả người bán ngắn hạn và phải trả người lao động, chiếm lần lượt là 16% và 14% cơ cấu nợ ngắn hạn.

3

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Về cơ cấu tổ chức: Garmex Saigon đã hoàn thiện bảng mô tả công việc ở tất cả các chức danh, trong đó phân công trách nhiệm, quyền hạn rõ ràng cho từng vị trí. Đây là một trong những công tác quan trọng giúp tạo nền tảng rõ ràng cho từng hoạt động của mỗi cá nhân ở những vị trí khác nhau, hỗ trợ tích cực trong việc quản lý, giám sát và đánh giá hiệu quả trong suốt quá trình sản xuất kinh doanh của từng bộ phận cũng như toàn Công ty.

Về chế độ, chính sách: Hiện nay, Công ty đã áp dụng cơ chế lương mềm và có chính sách thưởng cho những nhân viên có thành tích nổi trội ở tất cả các công tác: sản xuất, bán hàng, hoạt động phong trào... Điều này một mặt góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, quan trọng hơn là khuyến khích tinh thần hăng say lao động và tham gia xây dựng văn hóa Garmex Saigon cho Cán bộ Công nhân viên.

Năm 2015, Công ty cũng đã tiến hành chuyển đổi dần cơ cấu thị trường từ Châu Âu sang Châu Mỹ nhằm hạn chế rủi ro tiêu thụ. Việc nhượng quyền thương hiệu Gramicci được xem là một quyết định táo bạo nhưng đầy tiềm năng, khi thương hiệu này đã có mạng lưới tiêu thụ tại 7 tiểu bang ở Mỹ và trên Amazon. Bên cạnh đó, Garmex Saigon còn tăng cường mối liên kết với đối tác Columbia Sportswear tại Mỹ, được đơn vị này đánh giá cao về hệ thống quản lý chất lượng và trình độ công nghệ.





KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Trước bối cảnh kinh tế thế giới vẫn còn diễn tiến phức tạp, không bền vững, kinh tế trong nước dù có khả quan nhưng vẫn còn nhiều rủi ro tiềm tàng và bất cập, từ thực tiễn năng lực của Garmex Sài Gòn trong những năm qua, Ban điều hành Công ty đã nhận thức rõ những thuận lợi, khó khăn trong chặng đường tiếp theo để vạch ra định hướng, mục tiêu cụ thể để cùng hướng tới:

THUẬN LỢI

- Tình hình chính trị ổn định
- Chính sách rõ ràng
- Thị trường tiềm năng
- Nguồn lao động có tay nghề
- Nguồn lao động giá rẻ
- Cơ hội mở rộng thị trường từ TPP và các FTA

TRỞ NGẠI

- Phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu từ các thị trường bên ngoài (Trung Quốc, Đài Loan...)
- Nguồn vốn bị thiếu thốn, hoạt động quản lý còn kém.
- Chi phí tài trợ cho hoạt động kinh doanh cao.
- Hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp còn nhỏ lẻ, manh mún nên chưa tạo được sức ép cạnh tranh.
- Cạnh tranh gay gắt với các mặt hàng dệt may Trung Quốc.
- Chi phí lao động có xu hướng gia tăng trong tương lai khi lương cơ bản tăng và luật bảo hiểm xã hội về cách tính bảo hiểm tăng.
- Công nghệ ngành dệt may có xu hướng thay đổi nhanh.

KẾ HOẠCH CỦA GMC TRONG NĂM 2016

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2015 (Tỷ đồng)	Kế hoạch 2016 (Tỷ đồng)	2016/ 2015 (%)
Tổng doanh thu	1.500	1.550	103,3%
Tổng lợi nhuận sau thuế	75	60	80%
Cổ tức	30%	20%-30%	-

Các giải pháp thực hiện

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác chiều sâu để phát triển hình thức dệt may cao hơn từ hoạt động M&A các thương hiệu thời trang. Cụ thể, nâng cao năng lực sản xuất và số chuyên may để đáp ứng nhu cầu của khách hàng lớn Columbia, hoàn thiện mô hình chuyên Lean chữ U và nâng cấp tiêu chí đánh giá 5S.
- Mở rộng thị trường khách hàng ở các khu vực Mỹ, Nga... và tiếp nhận nhiều đơn hàng hơn để hạn chế rủi ro mùa vụ và rủi ro phụ thuộc vào một nhóm khách hàng hoặc một vài thị trường, làm nền tảng để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Garmex. Phối hợp hoạt động bán hàng và tổ chức quản lý để tăng tính phối hợp, liên kết giữa các phòng ban.
- Cân đối nguồn vốn đầu tư tài chính cả trong ngắn và dài hạn, đồng thời theo sát diễn biến thị trường để chuẩn bị ứng phó trước những bất trắc.
- Tăng cường ứng dụng IT trong quản lý, đơn giản hóa các nghiệp vụ giản đơn và đẩy mạnh hợp tác với các công ty tư vấn để xây dựng và vận hành hệ thống quản lý qua phần mềm ERP (phần mềm quản lý nguồn lực).



GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Không có.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ VỀ TÁC ĐỘNG CỦA TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI ĐẾN VIỆT NAM

- Tình hình kinh tế thế giới vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp và khó lường, các tổ chức quốc tế liên tục hạ mức dự báo tăng trưởng và đưa ra cảnh báo về rủi ro kinh tế toàn cầu ngày càng rõ nét, như nguy cơ bất ổn của các dòng vốn trước khả năng FED có thể tăng lãi suất, suy giảm nhu cầu của Trung Quốc, các nền kinh tế đang phát triển tăng trưởng chậm lại, khủng hoảng nhập cư, biến động chính trị sau các cuộc bầu cử tại Châu Âu, sự phát triển nhanh chóng của lực lượng hồi giáo cực đoan...
- Diễn biến một số nền kinh tế lớn trên thế giới:
 - Kinh tế Hoa Kỳ tiếp tục phục hồi và tăng trưởng, khả năng tăng lãi suất của FED sẽ phá giá đồng tiền các nước, và có khả năng bất lợi khi tỷ giá đồng tiền VND không thay đổi nhiều so với các nước cung hàng cho thị trường này.
 - Tỷ lệ thất nghiệp ở mức cao hơn 10%, sức mua kém, nhiều khả năng Ngân hàng Trung ương Châu Âu tiếp tục nới lỏng chính sách tiền tệ, đồng Euro được dự báo sẽ mất giá. Điều này tác động tiêu cực đến lợi thế cạnh tranh của ngành may Việt Nam khi tỷ giá VND không thay đổi kịp với các nước khác;
 - Trung Quốc tiếp tục chìm trong khủng hoảng với sự lao dốc của thị trường chứng khoán, tăng trưởng GDP giảm so với những năm trước đây sẽ thúc đẩy chính phủ Trung Quốc tiếp tục phá giá, giảm lãi suất đồng Nhân dân tệ để gia tăng năng lực cạnh tranh và điều này sẽ gián tiếp làm cho lợi thế hội nhập từ các hiệp định thương mại của nước ta đã ký kết sụt giảm.

ĐÁNH GIÁ VỀ TÌNH HÌNH NGÀNH DỆT MAY NĂM 2015

- Xuất khẩu hàng dệt may vẫn đạt tăng trưởng 2 con số, đạt mức 27 tỷ USD, tăng 10,2% so với năm 2014 bất kể cạnh tranh của ngành dệt may diễn ra ngày càng gay gắt. Dù kết quả này không như mong đợi nhưng đây là sự cố gắng của một tập thể doanh nghiệp sau một năm đầy thăng trầm;
- Mặc dù kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam vẫn tăng trưởng tại các thị trường truyền thống như Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản và Hàn Quốc nhưng đà tăng đã có phần chững lại do giá đầu vào giảm mạnh khiến giá đầu ra duy trì ở mức thấp và tỷ giá giữa USD/VND liên tục tăng trong năm qua;
- Ngành dệt may đón làn sóng đầu tư của các doanh nghiệp FDI từ Hàn Quốc, Trung Quốc, Đài Loan,.. nhằm đón đầu các hiệp định thương mại TPP và FTA. Điều này cũng đồng nghĩa các doanh nghiệp dệt may Việt Nam sẽ phải cạnh tranh ngay trên sân nhà và lợi thế vẫn đang nghiêng về các doanh nghiệp FDI.
- Ảnh hưởng bởi sự giảm tốc của các nền kinh tế lớn trên thế giới, đồng nhân dân tệ phá giá mạnh khiến hàng hóa dệt may Trung Quốc cạnh tranh rất mạnh với hàng hóa của Việt Nam.
- Các doanh nghiệp dệt may Việt Nam đang gấp rút đầu tư chiều sâu để đáp ứng các yêu cầu khắt khe từ các hiệp định thương mại quốc tế.

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2015

Về hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong bối cảnh kinh tế năm 2015 còn nhiều khó khăn tại các thị trường truyền thống của Garmex Saigon: Nền kinh tế Mỹ phục hồi chậm, Châu Âu vẫn đang phải vật lộn với những trục trặc tài chính, Nhật Bản trì trệ khiến người tiêu dùng không mạnh tay chi tiêu. Thêm vào đó, các đơn hàng số lượng lớn không nhiều, kiểu dáng đơn hàng thì nhiều và phức tạp, việc cung cấp nguyên phụ liệu bị trì hoãn, và thời gian sản xuất buộc phải ngắn hơn so với trước đây – là những rào cản, thách thức cho các đơn vị sản xuất của Garmex Saigon.

Kết quả hoạt động SXKD Hợp nhất năm 2015 của GMC như sau:

Chỉ tiêu kế hoạch	KH2015 (Tỷ đồng)	TH2015 (Tỷ đồng)	TH/ KH (%)
Tổng doanh thu	1.500	1.504	100,3%
Tổng lợi nhuận sau thuế	75	82,2	109,6%

Kết quả thực hiện trong năm 2015 trên có thể được xem là nỗ lực lớn của Garmex Saigon sau khi tiến hành nhiều biện pháp để chăm sóc người lao động, thực hiện nhiều đơn hàng và đẩy mạnh vận hành phương pháp sản xuất tinh gọn (lean manufacturing) để nâng cao năng suất và khả năng cạnh tranh.

Một số thành quả nổi bật trong năm 2015

Garmex Saigon tìm hướng đi mới: Sau một thời gian khá dài thăm dò thị trường Mỹ, lên phương án khai thác và báo cáo giải trình trong các kỳ họp đại hội đồng cổ đông, đến tháng 7-2015, HĐQT đã đưa ra một quyết định táo bạo: ký hợp đồng nhượng quyền khai thác thương hiệu Gramicci. So với nhiều thương hiệu thời trang khác tại thị trường Mỹ, Gramicci là một thương hiệu nhỏ nhưng đang có hệ thống phân phối ở 7 tiểu bang và trên mạng Amazon.

Công ty TNHH May Saigon Xanh bắt đầu sinh lãi: Blue Saigon - Công ty con được thành lập bởi GMC và Công ty Blue Exchange – Quý I/2015 bắt đầu có lợi nhuận hơn 1,7 tỷ đồng (Lợi nhuận này đã được đưa vào Báo cáo tài chính hợp nhất quý I năm 2015 của GMC):

- ✓ Cơ sở sản xuất của Blue Saigon, Xí nghiệp May Hà Lam (Hà Lam) được đặt tại huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, đang sản xuất quần jeans cho Perry Ellis (Mỹ), và áo jacket nỉ cho Columbia Sportswear (Mỹ) cũng đã khởi sắc. Nhiều nỗ lực trong quản lý sản xuất và giám sát chất lượng cùng với việc được đánh giá đạt chuẩn trách nhiệm xã hội WRAP đã giúp cho Hà Lam nhận được đơn hàng của Columbia Sportswear bên cạnh giao dịch với Perry Ellis. Hiện Hà Lam đang vận hành 8 chuyền may và sẵn sàng mở rộng thêm trong tương lai.
- ✓ Ngoài ra, Công ty con của Công ty TNHH May Saigon Xanh - Blue Saigon LLC có trụ sở tại LA, Mỹ – cũng đã chuyển lợi nhuận 2014 về Việt Nam hơn \$30.000 và hạch toán lãi 1,5 tỷ đồng trong Báo cáo tài chính Quý I năm 2015 của May Saigon Xanh. Thông qua hoạt động tiếp thị và kinh doanh của Blue Saigon LLC, Công ty May Saigon Xanh đã phát triển thêm hai khách hàng mới trong năm 2015, nâng tổng số khách hàng trực tiếp xúc tiến lên 5 công ty.



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Hội đồng Quản trị đánh giá cao những nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc công ty trong công tác điều hành, tổ chức sản xuất kinh doanh trong năm 2015 theo đúng kế hoạch của ĐHĐCĐ và định hướng của HĐQT. Thành viên trong Ban Tổng giám đốc đều có năng lực quản trị doanh nghiệp và kinh nghiệm lâu năm trong ngành. Đây là điều kiện cần thiết để Ban Tổng giám đốc định hình tầm nhìn chiến lược trong kinh doanh cũng như dẫn dắt hoạt động công ty đi theo đúng phương hướng ban đầu. Bên cạnh đó, mỗi một thành viên đều có tư duy sáng tạo cũng như ý thức tự cải tiến, đổi mới trong suy nghĩ, trong công tác quản trị, từ đó có thể tổng hợp, phân tích để tìm ra những mặt tích cực cần phát huy, những mặt hạn chế cần khắc phục nhằm tạo hiệu quả tối ưu cho công tác quản lý, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh luôn được duy trì ổn định.

Trong quá trình chỉ đạo và điều hành, Ban Tổng giám đốc luôn lấy hiệu quả kinh tế và lợi nhuận làm mục tiêu hành động, luôn theo dõi sâu sát hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm nắm bắt tình hình cụ thể để có những điều chỉnh phù hợp trong chiến lược. Đồng thời, quan điểm của Ban Tổng Giám đốc về nguồn nhân lực là nhân tố quyết định sự thành công của mỗi doanh nghiệp. Do vậy, Gamex Saigon luôn quan tâm đến việc phát triển nguồn nhân lực phục vụ cho sự lớn mạnh không ngừng của Công ty. Bằng các biện pháp cụ thể như tích cực tìm kiếm và đào tạo tài năng trẻ, xây dựng quy chế trả lương thưởng công bằng và hợp lý, chất lượng nguồn lao động trong công ty đang ngày một nâng cao, đáp ứng nhu cầu của quá trình sản xuất kinh doanh.

Trong thời gian tới, Hội đồng Quản trị kiến nghị Ban Tổng Giám đốc nỗ lực hơn nữa trong việc nâng cao năng lực quản lý chi phí của công ty bằng cách tích cực tìm kiếm và mở rộng mối quan hệ hợp tác lâu dài với các đối tác cung cấp nguyên liệu với giá cả cạnh tranh những vẫn đảm bảo chất lượng, đồng thời có biện pháp đầu tư hoàn thiện và nâng cấp dây chuyền sản xuất nhằm nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm. Bên cạnh đó, Công ty cần chú trọng công tác tiếp thị, bán hàng và chăm sóc khách hàng, sao cho vừa tiết kiệm chi phí, vừa tìm kiếm và bồi dưỡng được những khách hàng tiềm năng, vừa không ngừng củng cố uy tín với những khách hàng cũ, hướng đến mục tiêu phát triển thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong ngành dệt may Việt Nam.





CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

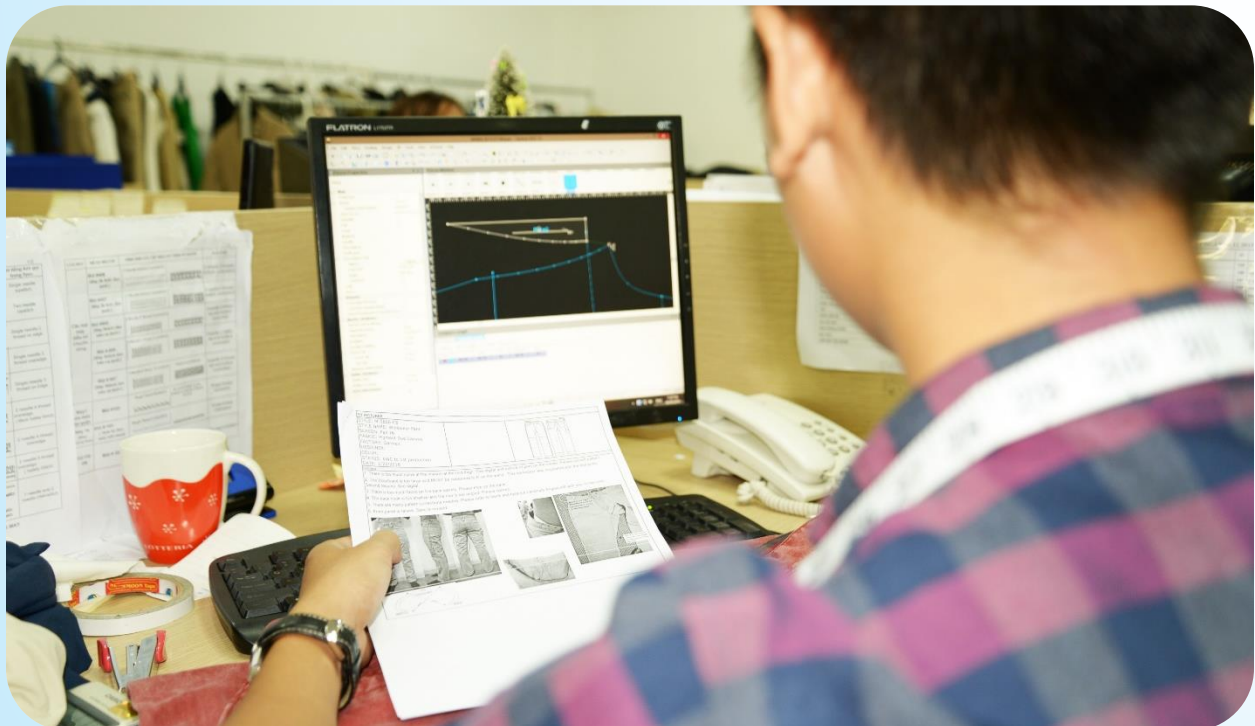
ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ TRIỂN VỌNG NĂM 2016

Năm 2016 cũng là năm đầu tiên Garmex SaiGon chuẩn bị nguồn lực để đón đầu cơ hội từ các hiệp định thương mại quốc tế. Cần phải thấy rằng, chúng ta phải tái cơ cấu mô hình sản xuất kinh doanh, tái cơ cấu khách hàng và thị trường, củng cố hệ thống quản lý, nâng cao kỹ năng lao động của người dân, điều hành phương thức sản xuất OBM sau khi nhượng quyền thương hiệu Gramicci.

Thế nhưng, Garmex Saigon cũng cần xem xét kỹ lưỡng trước những thách thức, rủi ro trong vận hội mới khi các yêu cầu khắt khe từ các hiệp định thương mại sắp có hiệu lực.

Nỗ lực đưa Công ty thoát 'bẫy phát triển trung bình', tụt hậu, vươn lên thành một trong những Công ty dẫn đầu ngành May. Thật sự làm chủ "vận mệnh" của mình, giảm thiểu lệ thuộc vào quyết định của các Công ty khác. Điều này rất cần sự đồng thuận trong xác định tư duy "chấp nhận qui mô hiện trạng hay tận dụng cơ hội, vượt qua thách thức để đột phá phát triển, đồng hành trong hoạt động và đồng lòng trong hành xử trên cơ sở "lòng tin chiến lược", vừa hợp tác, vừa đấu tranh vì lợi ích của Công ty.

Trước viễn cảnh kinh tế thế giới 2016 được nhận định sẽ khởi sắc nhưng vẫn còn bấp bênh, triển vọng kinh tế trong nước tiếp tục đà tăng trưởng của năm 2015 nhưng vẫn còn tiềm ẩn không ít rủi ro, và thực tiễn năng lực của Garmex Saigon trước làn sóng các hiệp định thương mại sắp có hiệu lực, Hội đồng quản trị Công ty đã và đang nhận thức kỹ lưỡng những cơ hội cũng như thách thức từ môi trường xung quanh để lập kế hoạch, chiến lược phát triển, chọn hướng đi phù hợp cho Công ty.



Cơ hội

- Gia tăng đầu tư từ FDI: Với đặc điểm của Việt Nam đang ở giai đoạn dân số vàng, kinh tế và chính trị được đánh giá là ổn định...Việc gia tăng đầu tư sẽ góp phần thúc đẩy tái cơ cấu nền kinh tế, có tác động đến Công nghiệp hỗ trợ và nhân lực ngành may.
- Giảm thuế nhập khẩu nhiều nhất khi hàng hoá vào các nước thành viên TPP và cả EU do đây là các thị trường mà Việt Nam xuất khẩu hàng dệt may nhiều. Điều này sẽ thúc đẩy kinh tế Việt Nam phát triển vượt bậc, trong đó có ngành May vì các nước thành viên đều là thị trường chính;
- Đổi mới thể chế quản lý kinh tế mạnh mẽ theo hướng minh bạch và dễ đoán định cho phù hợp các điều khoản đã thỏa thuận, trong đó tập trung cải cách thể chế, thúc đẩy doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh và xem kinh tế tư nhân là động lực phát triển đất nước.

Thách thức

- Ngành may phát triển mạnh trong khi nguồn cung nguyên phụ liệu chưa phát triển tương ứng, dẫn đến những thách thức trong kiểm soát kế hoạch, chất lượng và giá cả, ảnh hưởng trực tiếp đến giá thành, thời gian chờ hàng và cả chất lượng sản phẩm. Đồng thời các hiệp định quốc tế đều có những yêu cầu gắt gao là nguyên tắc xuất xứ nguyên liệu.
- Tình hình năm 2016 dù được dự báo khởi sắc nhưng nhưng khó khăn vẫn còn lớn, các đơn hàng nhỏ tiếp tục phổ biến, lại yêu cầu thời gian rất ngắn. Do vậy, nếu muốn duy trì mức doanh thu đã có như năm 2015, Garmex SaiGon phải phát triển thêm nhiều hơn các đơn hàng nhỏ, nhưng đồng thời phải duy trì được các khách hàng hiện có.
- Nhiều Công ty xuyên quốc gia FDI đã và đang đầu tư khép kín (từ sợi, dệt và may thành phẩm) để tạo lợi thế cạnh tranh sẽ gây áp lực cạnh tranh rất lớn đối với các doanh nghiệp dệt may nội địa.
- Phát triển công nghiệp dệt may đi đôi với bảo vệ môi trường bền vững đòi hỏi các doanh nghiệp trong ngành phải thay đổi, nâng cao chất lượng kinh doanh cũng là một thách thức lớn hiện nay.

PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Mục tiêu

- ✓ Mục tiêu dài hạn: "Tận dụng cơ hội, vượt qua thách thức, vươn lên Top đầu"
- ✓ Mục tiêu nhiệm kỳ 3 "Tạo cơ sở hạ tầng, nền tảng để Công ty phát triển bền vững trong nhiệm kỳ 4"
- ✓ Chỉ tiêu phấn đấu đến năm 2018:
 - ◆ Doanh thu: 3.000 tỷ/năm.
 - ◆ Lợi nhuận 3~5%/Doanh thu, ước đạt 90~150 tỷ đồng /năm.
 - ◆ Cổ tức duy trì 20-30%/năm.

Chương trình hành động của Garmex Saigon

- (1) Nâng cao năng lực sản xuất lên trên 85 chuyền may, chuyển đổi chiến lược sản phẩm bằng nhiều phương thức và theo từng vùng, cụ thể như sau:
 - ✓ Khu vực Hồ Chí Minh và Vũng Tàu sản xuất các mặt hàng có hàm lượng kỹ thuật cao. Khu vực miền Trung sản xuất các mặt hàng đơn giản, số lượng lớn, cạnh tranh về giá để duy trì ổn định doanh thu và dòng tiền.
 - ✓ Đổi mới công tác xúc tiến theo phương châm "Đa phương hóa thị trường, đa dạng hóa sản phẩm" nhằm ổn định cường độ sản xuất, cân đối "mùa vụ", gia tăng thời gian lao động hữu ích, giảm thiểu chi phí ẩn.
- (2) Định hình phương thức kinh doanh OBM từ "thiết kế, phát triển mẫu mã, nguyên phụ liệu đến sản xuất, phân phối" bằng nhãn hiệu do Công ty làm chủ. Mục tiêu chương trình là tạo lợi thế cạnh tranh mới cho Garmex khi phương thức kinh doanh FOB đã trở nên phổ biến khi hội nhập cũng như tạo tiền đề phát triển dịch vụ thương mại.
 - ✓ Trực tiếp quản lý, điều hành chuỗi kinh doanh qua hệ thống sẵn có của Gramicci. Xây dựng mô hình quản lý, phối hợp, phát triển lực lượng kỹ thuật, nghiệp vụ (lượng và chất) trong thiết kế phát triển mẫu và hệ thống phân phối nhằm gia tăng biên lợi nhuận tại thị trường Hoa Kỳ bên cạnh nhiệm vụ cân đối nguồn hàng cho Garmex Saigon.
 - ✓ Xây dựng và phát triển thị trường xuất khẩu khác từ kinh nghiệm thực tiễn tại Hoa Kỳ, như Úc, Nga, AEC.



(3) Nâng cao tính chuyên nghiệp của bộ máy quản trị, điều hành: Qui mô mở rộng trong điều kiện diễn biến tình hình thế giới phức tạp, chi phí đầu vào gia tăng theo cam kết... HĐQT cần quan tâm kiểm soát, phòng chống rủi ro, ảnh hưởng đến hiệu quả Công ty.

- ✓ **Quản triệt các nguyên tắc xây dựng hệ thống phòng chống rủi ro**, không chỉ trong hoạt động HĐQT mà ở tất cả các cấp, trong mọi quyết sách, hành động. Tăng cường công tác kiểm soát trên cơ sở hoàn thiện qui chế quản trị trong tình hình mới. Quản trị rủi ro cần tập trung vào 4 nhóm:
 - ◆ Rủi ro về chiến lược trong hoạch định lẫn trong thực thi, bao gồm các lĩnh vực thị trường, sản phẩm, năng lực phát triển và cân đối mùa vụ...
 - ◆ Rủi ro về hoạt động (quản trị nội bộ).
 - ◆ Rủi ro về tài chính (đòn cân nợ, đầu tư và nguồn...).
 - ◆ Rủi ro về pháp lý khi hệ thống luật pháp Việt Nam sẽ thay đổi, về cách làm luật lẫn nội dung cho phù hợp các cam kết; luật pháp các nước nhập khẩu (phòng chống gian lận, hàng rào tự vệ...) và cả các qui định theo cam kết hội nhập.
- ✓ **IT hóa công tác quản lý, vận hành**: Với qui mô hơn 100 chuyền may, hơn 5.000 lao động, mỗi năm sản xuất hơn 500 mẫu theo phương thức FOB và OBM, công tác quản lý, kiểm soát không thể phụ thuộc vào công cụ thủ công, nhiều rủi ro, sai sót. Garmex Saigon cần IT hóa quản lý, điều hành, tác nghiệp trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để nâng cao hiệu năng công việc, minh bạch trong hoạt động và hạn chế những sai sót chủ quan.
- ✓ **Xây dựng và vận hành Hệ thống**: IT là công cụ, còn hệ thống để xác lập các mối quan hệ, phân định trách nhiệm và quyết định sự phát triển bền vững của Công ty. Mục tiêu của chương trình là hoàn thiện, nâng cao tính thực tiễn với trọng tâm là tăng cường công tác kiểm soát, phòng ngừa rủi ro thông qua việc đảm bảo duy trì và tuân thủ nghiêm túc các qui định trong qui trình, hướng dẫn.

Tài chính:

Có kế hoạch tài chính chu đáo, cẩn trọng, cân đối Cung - Cầu vốn phải bảo đảm an toàn và hiệu quả. Không chỉ phát hành cổ phiếu theo phương thức truyền thống mà có thể xem xét đến xúc tiến, phát triển cổ đông chiến lược. Kết hợp các phương thức huy động vốn với tín dụng.

Thị trường và hợp tác, phát triển nguồn cung:

Thị trường sẽ thuận lợi hơn, nhưng cũng cạnh tranh gay gắt hơn khi nền kinh tế đất nước chuyển dịch sẽ kéo theo cơ cấu lại lao động cũng như hình thành nhiều doanh nghiệp may mặc có tiềm lực mạnh, đẳng cấp, đầu tư khép kín, gia tăng lợi thế cạnh tranh. Do đó, công tác xúc tiến thị trường là giải pháp quan trọng đảm bảo tiền đề phát triển sản xuất của Công ty.

- ✓ Phát triển thị trường/khách hàng phục vụ chiến lược sản phẩm, phù hợp hoạch định vùng sản xuất của Công ty;
- ✓ Gia tăng hiệu quả và chủ động phòng chống rủi ro “mùa vụ”;
- ✓ Cơ cấu thị trường linh hoạt dựa trên diễn biến tình hình kinh tế toàn cầu, tuân thủ nguyên tắc "không bỏ hết trứng vào một rổ";
- ✓ Chủ động xúc tiến tạo nguồn khách hàng phong phú. giảm thiểu rủi ro phụ thuộc vào số ít khách hàng.
- ✓ Chủ động xúc tiến, tìm cơ hội mở rộng hợp tác đầu tư chiều sâu, gia tăng hiệu quả trong sản xuất may mặc và nguyên, phụ liệu.

Quản trị:

Đây là giai đoạn xây dựng cơ sở hạ tầng “cứng” (xây dựng nhà xưởng, đầu tư thiết bị, trang bị công cụ quản lý, lao động, nhân lực,...) lẫn “mềm” (hệ thống quản lý, TNXH, qui chế, chính sách chế độ, cho đến kỹ năng, tư duy, thái độ ứng xử,...). Do đó cần kiểm soát chặt chẽ từ hoạch định đến triển khai thực hiện, hạn chế việc phát triển không cân đối giữa nhu cầu với nguồn nhân lực, tài lực, đặc biệt là “an toàn tài chính” trong sử dụng nguồn vốn đầu tư dài hạn và vốn vay ngắn hạn với vốn chủ sở hữu.

Hoạch định, phát triển nguồn nhân lực sẵn sàng cho nhu cầu phát triển trung và dài hạn của Công ty:

- ✓ Quản lý các cấp: Nhân lực quản lý các cấp quyết định sự thành bại của chiến lược Cty bên cạnh việc xác lập mô hình quản lý, kiểm soát theo lộ trình phát triển. Cần xác định quản lý, điều hành Công ty trên cơ sở củng cố hệ thống là giải pháp trong điều kiện qui mô sản xuất kinh doanh mở rộng về mặt địa lý và cả nội dung, giá trị, câu hỏi về nhân sự CEO kế thừa chưa có đáp án thì Chất lượng GD ngành/nhà máy (quản lý cấp trung) là lời giải đảm bảo mọi hoạt động của Công ty đều được kiểm soát và phát triển bền vững.
- ✓ Lao động: Là lực lượng quyết định doanh thu, hiệu quả hoạt động của Công ty. Do đó, cần có kế hoạch đáp ứng lộ trình tăng trưởng.
 - Nâng cao kỹ năng lao động cho phù hợp chiến lược phát triển (hàm lượng kỹ thuật cao, phát triển OBM...) và vùng sản phẩm của Công ty.
 - Tôn trọng kỷ cương trong làm việc thông qua tuân thủ nội qui, qui trình, hướng dẫn của hệ thống và tiêu chí chuyên lean.
 - Xây dựng môi trường làm việc thân thiện, xanh, sạch, tương thân, tương trợ, giảm thiểu tăng ca, tăng giờ và cả chính sách chăm sóc, bồi dưỡng nguồn lực.
- ✓ Định hình mô hình quản lý theo quá trình phát triển của Công ty trong từng giai đoạn. Qui mô hoạt động của Garmex Saigon không còn bó gọn trong phạm vi Thành phố hay các vùng lân cận, không chỉ quản lý mà còn phát triển mở rộng ra các Công ty con và không chỉ trong hoạt động thuần túy FOB, mà nay đã phát triển thêm OBM, chủ động phát triển khách hàng trực tiếp tại thị trường trọng điểm,... do đó cần phải xây dựng mô hình quản lý thích hợp, vừa đáp ứng yêu cầu phát triển, vừa nâng cao chất lượng hợp tác giữa các đơn vị để đạt hiệu quả cao nhất và rủi ro về quản lý thấp nhất.

Chúc Mừng Năm Mới



Xuân Ất Mùi 2015

ĐI KẾT, KỶ LUẬT, BỀN VỮNG, QUYẾT TÂM



BÁO CÁO

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



NỖ LỰC NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH

Để chuẩn bị tận dụng lợi thế do các Hiệp định thương mại mang lại như FTA giữa Việt Nam và EU, TPP... Garmex Saigon đã tiến hành nhiều biện pháp cải tổ bộ phận kỹ thuật và kinh doanh của Công ty. Hai bộ phận này sẽ được tổ chức theo hướng hình thành của chuỗi, gắn kết chặt chẽ khâu thiết kế và khâu triển khai sản xuất đơn hàng trong bộ phận kỹ thuật tại Công ty và ở Xí nghiệp cũng như tăng cường sự kết nối hoạt động kinh doanh và hoạt động sản xuất trong bộ phận kinh doanh. Những chuyển biến này hướng đến mục tiêu giúp hoạt động của các bộ phận nghiệp vụ thành một thể thống nhất, nâng cao hiệu quả, và khả năng cạnh tranh hiện nay và trong tương lai của Garmex Saigon.

Một trong những nhiệm vụ quan trọng mà Ban Lãnh đạo công ty luôn chú trọng là nâng cao tính cạnh tranh và duy trì sự ổn định trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Garmex Saigon hiện đang tập trung vào các loại sản phẩm khác biệt như áo jacket vải soft shell và biface. Đây là những chủng loại sản phẩm đòi hỏi kỹ thuật cao, nhưng mang lại giá trị đáng kể. Đây là bước đi chiến lược của Garmex Saigon trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình – giảm bớt sản xuất các mặt hàng phổ thông, tập trung vào các sản phẩm sử dụng các loại vải có công năng chuyên dụng, đòi hỏi kỹ thuật may phức tạp, và chất lượng cao. Trước đó, các Xí nghiệp trực thuộc của Garmex Saigon đã bắt đầu sản xuất thành công các sản phẩm sử dụng vải có bản quyền bảo hộ của Columbia Sportswear (Mỹ) như Ominheat và Ominshade. Riêng Xí nghiệp An Phú hiện đang sản xuất khá thành công các loại áo quần trượt tuyết có ép seam phức tạp và cầu kỳ. Những sản phẩm này đều được xuất sang thị trường Mỹ và Châu Âu.



Hiện nay, công ty tiếp tục nhân rộng và phát triển nhiều mô hình hoạt động hiệu quả với mục tiêu toàn bộ các cơ sở sản xuất sẽ có trình độ đồng đều, sản xuất sản phẩm đạt chất lượng cao. Một số biện pháp tiêu biểu của công ty bao gồm:

Áp dụng IT vào kiểm soát chất lượng và năng suất

Garmex Saigon đã thực hiện thí điểm đưa ứng dụng IT vào kiểm soát chất lượng và năng suất tại Xí nghiệp An Nhơn và An Phú, hai xí nghiệp trực thuộc tại Thành phố Hồ Chí Minh. Chương trình được Garmex Saigon phát triển và thiết kế phù hợp với yêu cầu và điều kiện sản xuất tại các xí nghiệp của mình. Hiện nay, các bộ phận quản lý tổ sản xuất và xưởng có thể theo dõi đầy đủ và trực quan thông tin về đơn hàng, năng suất, sản lượng từng giờ để điều phối sản xuất, bảo đảm kịp thời gian giao hàng theo kế hoạch. Thêm vào đó, hệ thống còn thể hiện trên màn hình số lượng hàng bị lỗi, và các loại lỗi trong sản xuất nhằm cảnh báo người quản lý xử lý ngay tức thì các sản phẩm không đạt ngay trên chuyền sản xuất, giảm hẳn thành phẩm xuất khẩu bị lỗi. Dự kiến chương trình kiểm soát chất lượng và năng suất sẽ được nhân rộng tại các xí nghiệp của Công ty trong thời gian tới. Đây được xem là một phần trong toàn bộ kế hoạch thực hiện sản xuất theo phương thức lean ở Công ty, giúp Garmex Saigon nâng cao được năng lực cạnh tranh chuẩn bị cho vận hội từ các hiệp định thương mại giữa Việt Nam và các nước khác.

Tích cực đẩy mạnh sản xuất theo phương thức LEAN

Do thị trường ngày càng đòi hỏi cao về giá, chất lượng và thời gian giao hàng, Garmex Saigon đã nỗ lực vượt khó và chọn LEAN – Oriented Manufacturing như là một trong những giải pháp khả thi. Garmex Saigon đã khích lệ các tổ trưởng sản xuất và nhân viên kỹ thuật tham gia tích cực cuộc thi “Viết Quy trình Sản xuất” - được xem là bước bắt đầu trong quy trình thực hiện lean manufacturing tại các chuyền sản xuất ở xí nghiệp. Garmex Saigon, đơn vị chuyên sản xuất xuất khẩu, cũng tiến hành nhiều biện pháp khác để tạo điều kiện thực hiện lean manufacturing và đảm bảo sự thành công. Màn hình LED cỡ lớn với bộ điều khiển cảm ứng được lắp đặt ở bộ phận KCS ở từng chuyền một để giám sát các loại lỗi và tỷ lệ lỗi, và trên hết, cung cấp thông tin theo giờ thực và dễ nhìn về tình hình đơn hàng đang sản xuất tại chuyền, giúp cho công nhân và tổ trưởng sản xuất cập nhật hiện trạng đơn hàng đang sản xuất và thực hiện những điều chỉnh cần thiết để sửa sai và hoạt động thông suốt. Việc đào tạo cũng được tiến hành thường xuyên để hướng dẫn những kiến thức cơ bản về lean manufacturing cho công nhân và nhân viên. Trang thiết bị hiện đại cũng được đầu tư để nâng cao năng suất và sản xuất ra những sản phẩm có chất lượng. Điều này cũng giúp Garmex Saigon duy trì vị thế cạnh tranh khi mà TPP đang đến gần.

Nhờ kiên trì áp dụng mô hình sản xuất theo định hướng sản xuất LEAN trong một thời gian dài, Garmex Saigon đã đạt được một số thành tựu ban đầu: trình độ quản lý sản xuất được nâng lên một bước và năng suất lao động đạt những thành tựu đáng kể, giúp Công ty duy trì được mức tăng trưởng ổn định và bền vững trong thời gian qua.

Thực hiện chiến lược tập trung vào các sản phẩm đòi hỏi kỹ thuật cao, ít bị cạnh tranh, Garmex Saigon đang không ngừng nỗ lực cải tiến hoạt động quản trị và quản lý sản xuất kinh doanh của mình. Nâng cao mô hình sản xuất LEAN là một bước đi theo định hướng này.

Phát động cuộc thi “Viết Quy trình Công nghệ”

Để thúc đẩy hiệu suất của chuyên sản xuất theo phương thức LEAN, Garmex Saigon đã phát động cuộc thi “Viết Quy trình Công nghệ” đối với các tổ trưởng sản xuất và bộ phận liên quan. Garmex Saigon xác định Quy trình Công nghệ là một bước quan trọng trong toàn bộ chuỗi hoạt động sản xuất, giúp bộ phận quản lý hợp lý hóa quá trình sản xuất, bố trí đúng và đủ nhân sự cho từng bước công việc, nâng cao được năng suất, và kiểm soát được chất lượng sản phẩm ngay trên chuyền, nhờ đó góp phần tăng hiệu quả sản xuất và động viên người lao động với cách trả lương chính xác, công bằng. Cuộc thi đã có tác động tích cực đến suy nghĩ và phương thức quản lý của xí nghiệp, đặc biệt là các tổ trưởng chuyền sản xuất. Hoàn chỉnh quy trình công nghệ, cải tiến thao tác, áp dụng IT vào hệ thống quản lý sản xuất và kiểm soát chất lượng... là những nỗ lực của Garmex Saigon để nâng cao năng lực cạnh tranh trong bối cảnh các thị trường chủ yếu đang gặp khó khăn, có những đòi hỏi gắt gao về giá cả và chất lượng.

Garmex Saigon được Decathlon (Pháp) hỗ trợ trong cải tiến sản xuất

Chuyên gia kỹ thuật từ Pháp của Decathlon, một trong những khách hàng chính của Garmex Saigon, đã cùng phối hợp với phòng nghiệp vụ liên quan của Garmex Saigon tiến hành các chương trình cải tiến trong sản xuất. Hai bên đã vạch ra lộ trình thực hiện cải tiến từng bước trong những lĩnh vực lựa chọn sau khi chuyên gia kỹ thuật giàu kinh nghiệm của Decathlon và các đồng sự tại Garmex Saigon hoàn thành việc khảo sát hiện trạng của Xí nghiệp. Hai bên dự kiến sẽ tập trung vào 6 lĩnh vực cần cải tiến gồm *công đoạn kiểm hóa ở cuối chuyền, kho phụ liệu, phân xưởng cắt, thiết lập chỉ số KPI trong sản xuất, đẩy mạnh phương thức sản xuất lean, và duy trì hoạt động 5S* tại Xí nghiệp.

Đây được xem là những nỗ lực hợp tác của hai bên nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng và hiệu suất hoạt động của các chuyền sản xuất - những mục tiêu mà Garmex Saigon đang tập trung thực hiện với mong muốn xây dựng và duy trì khả năng cạnh tranh trong bối cảnh kinh doanh nhiều thách thức như hiện nay.





TRÁCH NHIỆM VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

TUYỂN DỤNG VÀ ĐÀO TẠO NHÂN LỰC

Chỉ tiêu	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Lao động	2.750	2.964	3.204	3.320	3.557	4.210
Số chuyền sản xuất	36	39	45	47	55	58
Năng suất lao động (USD/người/ngày)	10.16	14,06	14,95	15,89	14,88	15,02
Thu nhập bình quân (Nghìn VNĐ/ người/ tháng)	4.690	6.090	6.614	7.709	7.742	8.176

Với 58 chuyền may đang hoạt động ổn định tại thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, và tỉnh Quảng Nam và dựa theo kế hoạch mở rộng năng lực sản xuất, Garmex Saigon đang có nhu cầu bổ sung cán bộ quản lý và nhân viên nghiệp vụ (kỹ thuật, sản xuất, thiết kế, cơ điện và kinh doanh) cho sự phát triển hiện nay và trong tương lai của Công ty. Lực lượng sinh viên, đặc biệt là sinh viên năm cuối, các trường đại học, cao đẳng trong lãnh vực dệt, may công nghiệp, hoặc các ngành đào tạo khác, nhưng có nguyện vọng làm việc trong ngành dệt may là những đối tượng Garmex Saigon hướng đến nhằm nâng cao trình độ và năng lực đội ngũ quản lý và nghiệp vụ sau này. Chính sách tuyển dụng linh hoạt của Garmex Saigon cho phép các ứng viên có thể lựa chọn địa điểm đào tạo và công tác lâu dài tại các cơ sở sản xuất của Garmex Saigon hay các đối tác của Garmex Saigon ở Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Quảng Nam, Phú Yên, và Bến Tre. Đây là bước đi mới của Garmex Saigon trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực có chất lượng, chuẩn bị cho năng lực cạnh tranh trong thời gian tới một khi các hiệp định thương mại như TPP và FTA Việt Nam-EU có hiệu lực.

Công tác tiêu biểu trong năm 2015:

- Đào tạo, nâng cao tiếng anh cho nhân viên kinh doanh, tiếng anh chuyên ngành cho nhân viên kỹ thuật
- Đào tạo cho các cán bộ quản lý cấp trung.
- Đào tạo nâng cao tay nghề để mỗi công nhân có thể sử dụng được nhiều loại máy.
- **100%** Người lao động mới tuyển dụng được đào tạo.
- **100%** CBCNV được đào tạo lại về quy trình, hướng dẫn công việc.
- Tuyển dụng và đào tạo **30** sinh viên tốt nghiệp cao đẳng – đại học để chuẩn bị lực lượng quản lý sản xuất sau này.



PHỐI HỢP VỚI DECATHLON (PHÁP) ĐÀO TẠO LEAN TRONG CHUỖI CUNG ỨNG

Garmex Saigon đã cùng Decathlon, nhà bán lẻ sản phẩm thể thao hàng đầu của Pháp đã tổ chức nhiều workshop ngắn hạn về áp dụng lean (tinh gọn) trong chuỗi cung ứng. Cán bộ quản lý thuộc các bộ phận sản xuất, kế hoạch, mua hàng, và kinh doanh tại Garmex Saigon đã tham dự buổi đào tạo, xem đây là cơ hội để chia sẻ với đối tác của mình quy trình thường nhật đang thực hiện và cùng tìm cách cải tiến. Các đợt brainstorming đã được tiến hành dưới sự hướng dẫn của chuyên gia Decathlon và các biện pháp cải tiến đã được thảo luận sôi nổi để tìm ra quy trình hiệu quả và hiệu năng hơn, đảm bảo rằng các đơn hàng trong tương lai sẽ được thực hiện và chuẩn bị chu đáo, thời gian sản xuất được tiết giảm đáng kể, và thành phẩm sẽ được đưa ra thị trường trong thời gian ngắn nhất có thể được. Chương trình đào tạo nhấn mạnh đến việc loại bỏ các bước không mang lại giá trị gia tăng, đơn giản hóa các quy trình phức tạp, hoặc kết hợp hai biện pháp này để giúp hoạt động tại chuyên sản xuất và ở văn phòng trôi chảy và có năng suất hơn.

HUẤN LUYỆN SƠ CẤP CỨU

Công tác an toàn cũng thường xuyên được công ty đầu tư. Thời gian qua công ty đã tổ chức nhiều khóa học huấn luyện xử lý y tế cơ bản cho các công nhân phụ trách sơ cấp cứu tại nơi sản xuất. Hoạt động này được tiến hành tại Garmex Saigon như là một phần trong các chuẩn mực Tuân thủ Trách nhiệm Xã hội (CSR). Các học viên được huấn luyện hỗ trợ y tế kịp thời trong trường hợp xảy ra tai nạn tại nơi làm việc trước khi có được sự trợ giúp chuyên nghiệp.

Liên tục tổ chức tự đào tạo tại công ty và xí nghiệp (OJT) và tổ chức đào tạo với sự trợ giúp từ các đối tác bên ngoài, Garmex Saigon không ngừng nâng cao năng lực của nguồn nhân lực của mình, chuẩn bị cho các vận hội và thách thức trong tương lai một khi các hiệp định tự do, trong đó có TPP, bắt đầu được thực hiện.

CHẾ ĐỘ LƯƠNG, THƯỞNG VÀ CÁC CHẾ ĐỘ KHÁC

Garmex Saigon đã tìm cách cải tiến phương pháp tính lương theo hệ số, thay thế dần phương thức trả lương theo sản phẩm đang áp dụng phổ biến ở các Xí nghiệp. Khác với phương thức trả lương theo sản phẩm, phương thức tính lương theo hệ số đưa vào nhiều yếu tố để tính toán với kỳ vọng làm minh bạch và đơn giản việc tính lương, giúp người công nhân có thể biết được thu nhập từng ngày của mình và qua đó có thêm động lực nâng cao tay nghề và năng suất lao động. Công ty cũng kỳ vọng rằng phương thức tính lương theo hệ số sẽ giúp Xí nghiệp điều phối sản xuất thuận lợi hơn và giảm thiểu tình trạng tăng ca vào lúc cao điểm. Để đảm bảo sự thành công cho việc nâng cao mô hình sản xuất LEAN theo phương thức tính lương mới, mỗi Xí nghiệp chỉ chọn 1 chuyên làm thí điểm trước khi nhân rộng mô hình này.

Không chỉ quan tâm đến chất lượng, chế độ lương thưởng cho người lao động, Công ty còn quan tâm đến việc đảm bảo điều kiện làm việc nhằm tạo sự thoải mái cho người lao động. Công đoàn Công ty đã đề xuất với ban giám đốc đầu tư bếp ăn và chịu trách nhiệm quản lý, giám sát việc chuẩn bị bữa ăn cho công nhân. Lo lắng cho sức khỏe của CBCNV, Công đoàn công ty tiếp tục đề xuất với Ban Giám đốc đầu tư hệ thống nhà ăn hiện đại, khép kín ở 4 nhà máy, mỗi nhà ăn có giá 1 tỉ đồng. Hằng ngày, đại diện Công đoàn đều đặn ghé nhà ăn kiểm tra chất lượng bữa ăn, xem công nhân dùng có hết phần hay không. Mỗi tháng, Công đoàn còn tiến hành phát phiếu thăm dò ý kiến của CBCNV nhằm đa dạng hóa thực đơn hằng ngày. Sự quan tâm của công ty cùng với sự chu đáo của các thành viên Ban chấp hành công đoàn đã giúp công nhân ngon miệng hơn với những bữa ăn bảo đảm dinh dưỡng và an toàn.

Những con số tiêu biểu trong năm 2015:

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ 6 tháng/1 lần cho 100% CBCNV: **712 triệu đồng**
- Đóng bảo hiểm tai nạn cho 100% CBCNV: **138 triệu đồng**
- Đóng bảo hiểm sức khỏe cho 72 CBCNV: **265 triệu đồng**



CHĂM LO ĐỜI SỐNG TINH THẦN

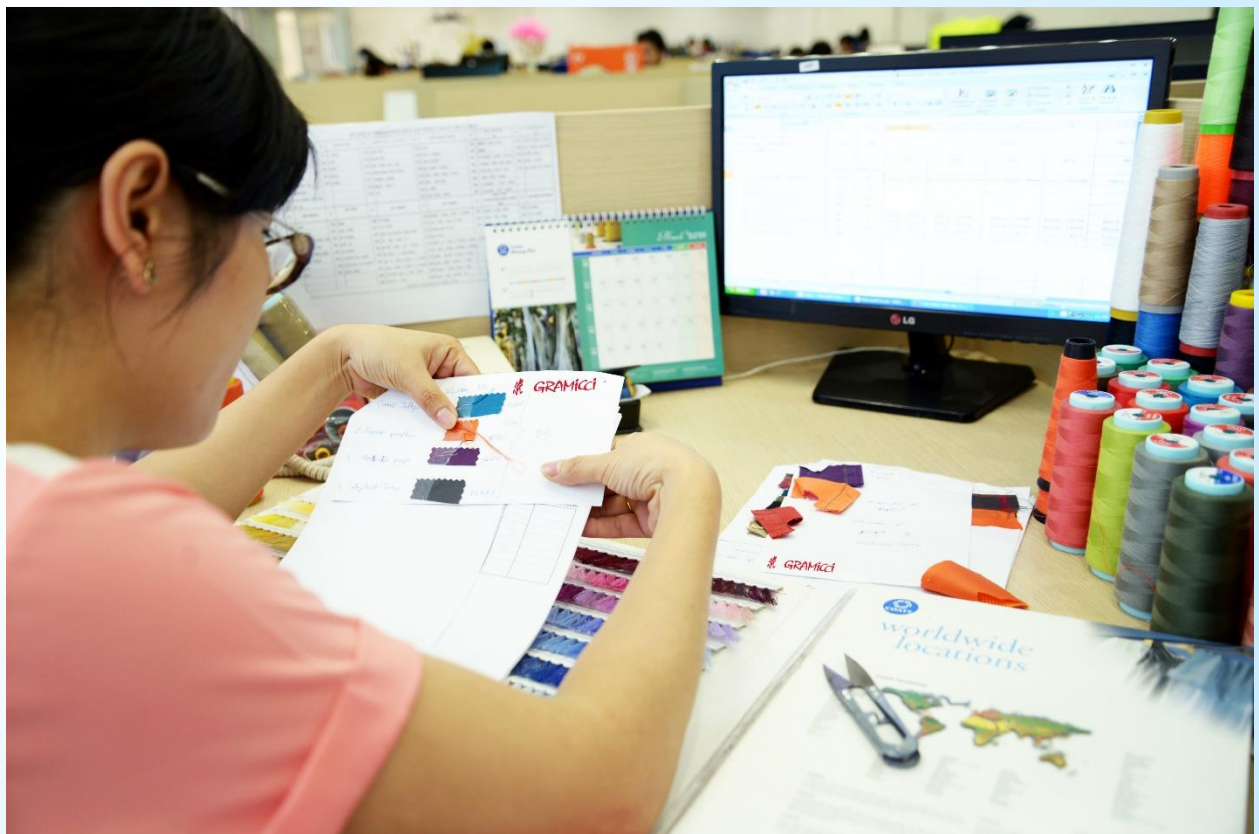
Bên cạnh công tác đào tạo, nâng cao chất lượng, đảm bảo đời sống vật chất cho người lao động, Gamex Saigon còn quan tâm chăm lo đến đời sống tinh thần của người lao động với nhiều biện pháp thiết thực. Vào các dịp lễ, Tết, ngày hội trong năm, Công đoàn Công ty đều tổ chức rất nhiều hội thi, khuyến khích tinh thần tham gia hoạt động tập thể, văn nghệ, thể dục thể thao cho CBCNV. Các hoạt động này góp phần không nhỏ vào việc tạo nên không khí trong toàn công ty, mà còn tạo sự chia sẻ trong tập thể người lao động. Bên cạnh đó, các cuộc thi nâng cao tay nghề cũng thường xuyên được tổ chức với mục tiêu tìm ra lao động giỏi, và góp phần xây dựng một môi trường làm việc mà tất cả mọi người đều hăng say lao động. Trong đợt tết Nguyên Đán vừa qua, Công ty cũng đã sắp xếp xe đưa CBCNV về quê ăn tết, giúp công nhân giảm bớt gánh nặng giao thông mỗi dịp tết đến xuân về, đảm bảo công nhân được đón tết sum vầy và ấm áp cùng gia đình. Các buổi đối thoại và tham vấn trực tiếp giữa cấp quản lý và người lao động có sự phối hợp với tổ Công đoàn được thực hiện để công nhân có thể bày tỏ nguyện vọng của mình về các khía cạnh khác nhau trong việc làm và cuộc sống và cùng tìm cách giải quyết.

Với triết lý “Lao động là vốn quý của Công ty”, GMC đã thực hiện nhiều biện pháp để mang lại môi trường lao động an toàn và thân thiện cho người lao động cũng như điều chỉnh nhiều chính sách an sinh khác. Điều này giúp tỷ lệ bỏ việc ở Garmex Saigon ở mức thấp, thu hút được thêm lao động để bổ sung năng lực sản xuất đang mở rộng, và đáp ứng yêu cầu của khách hàng.

Một số công tác chăm lo người lao động do Công đoàn thực hiện năm 2015:

- Tổ chức tặng cho NLD sữa chua vào các ngày lễ trong năm: tết dương lịch, 08/03, 10/03 âm lịch, 30/4-01/05, 28/06, 28/07, 02/09, 20/10 (bình quân 1 tháng sẽ tặng sữa chua 1 lần) tổng số tiền **214.326.405đ**
- Tổ chức họp mặt Công nhân ăn tết xa nhà với sự tham gia của 274 đoàn viên: **8.220.000đ**
- Tặng quà tết cho Đoàn viên Công đoàn: **565.581.100đ**
- Tham công nhân khó khăn nhân dịp Tết Nguyên Đán: **37.800.000đ**
- Khen thưởng tổng kết Công đoàn 2015: **142.400.000đ**
- Tổ chức xe về quê ăn tết /2015 cho 160 người lao động: **320.000.000đ**
- Hỗ trợ tiền xăng: **1.837.592.670đ** (50.000đ/người/ tháng), Tiền giữ trẻ: **351.290.000đ** (50.000đ/cháu/tháng)
- Đề xuất Ban lãnh đạo mua bảo hiểm tai nạn cho Người lao động: **134.164.800đ** (mức đóng 56.000đ/1 năm)
- Quỹ tương trợ cho Công nhân mượn: **448.000.000đ/ 116 người**
- Trợ cấp khó khăn: **22.000.000đ/ 16 người**
- Hiện có **58** CBNCV vay quỹ CEP tổng số tiền: **1.695.000.000đ**
- Hỗ trợ công nhân đơn thân nuôi con: **291.900.000đ/ 477lđ/658 cháu**







TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI

Trong suốt quá trình hình thành và phát triển của mình, Garmex Saigon luôn nhận thức được vai trò của việc giữ gìn bảo vệ môi trường và đóng góp cho cộng đồng trong chiến lược phát triển bền vững của công ty. Thời gian qua, Công ty đã liên tục thực hiện nhiều biện pháp nhằm cải tạo môi trường, vệ sinh phong quang, cũng như đóng góp sức mình phát triển địa phương.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ MÔI TRƯỜNG

Trong thời gian qua, Công ty đã:

- Chú trọng công tác đầu tư, dây chuyền sản xuất đảm bảo an toàn và đạt các tiêu chuẩn chất lượng.
- Xử lý tốt chất thải trước khi thải ra môi trường, trong đó phân loại kỹ trước khi xử lý.
- Hệ thống nước đã được xử lý lọc có thể uống ngay được từ vòi nước và căng-tin do xí nghiệp tự vận hành trong 4 nhà máy thuộc Garmex Saigon.

Bên cạnh đó, Công ty luôn đảm bảo tuân thủ chặt chẽ các quy định có liên quan đến vấn đề bảo vệ môi trường. Nhờ vậy trong thời gian qua Garmex Saigon chưa vi phạm bất kỳ quy định nào của Pháp luật liên quan đến vấn đề này. Ngoài ra, Bộ phận Đánh giá sự Tuân thủ Trách nhiệm Xã hội (CR) của nhãn hàng nổi tiến toàn cầu đã tiến hành đợt đánh giá không báo trước và hài lòng về sự tuân thủ của Xí nghiệp An Nhơn trực thuộc Garmex Saigon. Xí nghiệp này được đánh giá mức “Acceptable” sau đợt đánh giá – mức liền kề mức đỉnh “Best in Class” trong hệ thống phân loại của Columbia Sportswear. Đơn hàng của Columbia Sports theo nguyên tắc sẽ được đổ vào các xí nghiệp có kết quả tuân thủ đạt yêu cầu. Kết quả đợt đánh giá đã chứng minh được những nỗ lực của Garmex Saigon nói chung và Xí nghiệp An Nhơn nói riêng trong việc tạo ra môi trường làm việc an toàn và thoải mái cho người lao động, đồng thời đảm bảo các tiêu chuẩn bảo vệ môi trường.



ĐÓNG GÓP XÂY DỰNG CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI

- Cử 5 em thiếu nhi học giỏi tham gia trại hè thanh đa: **6.250.000đ**
- Tổ chức lớp chuyên đề về dinh dưỡng, tiềm chủng ngừa
- Tổ chức thi cắm hoa, thi nấu món mặn, thi đua năng suất chào mừng ngày 08/03: **12.300.000 đ**, kết hợp tặng quà cho 3.363 nữ lao động: **320.415.000đ**
- Đề xuất chính quyền tặng quà 01/06 cho các cháu thiếu nhi: **148.155.000đ**
- Tổ chức thi đá bóng Garmex năm 2015, tham gia giải bóng đá của Công Đoàn – ĐTN CS với tổng chi phí **52.660.000đ**
- Trao quà cho các em thiếu nhi con của CB-CNV Công ty: **867** Học sinh giỏi cấp I, cấp II, cấp III: **54.880.000đ** và trao học bổng Nguyễn Đức Cảnh: **22.000.000đ/44suất**.
- Thăm trung tâm nuôi trẻ khuyết tật Gò Vấp, Bệnh viện ung bướu khoa nhi, Bệnh viện nhi đồng 2 với tổng số tiền: **43.480.000đ**.
- Cán bộ chủ chốt công ty trích tiền thưởng 2015 ủng hộ quỹ tương trợ của Công ty do Công Đoàn Công ty quản lý để chăm lo cho người **1.050.000.000đ**.
- Công ty phụng dưỡng **02** mẹ Việt Nam Anh Hùng.





QUẢN TRỊ CÔNG TY





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu/ VĐL	TV độc lập/ điều hành
1	Ông Lê Quang Hùng	Chủ tịch HĐQT	329.755	2,82%	
2	Ông Nguyễn Ân	Phó CT HĐQT	285.441	2,44%	
3	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên HĐQT	19.247	0,16%	
4	Bà Nguyễn Minh Hằng	Thành viên HĐQT	9.079	0,08%	
5	Bà Phan Thị Phượng	Thành viên HĐQT	-	0,00%	
6	Ông Lâm Tử Thanh	Thành viên HĐQT	392.070	3,35%	TV độc lập
7	Ông Lâm Quang Thái	Thành viên HĐQT	1.826.996	15,63%	



Ông Lê Quang Hùng – Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1957

Trình độ chuyên môn: Đại học Kinh tế Công nghiệp

Số cổ phần nắm giữ: 329.755 cổ phần, chiếm 2,82% VĐL

Quá trình công tác:

- Năm 1973 – 1990: Cán bộ Đoàn Thanh niên chuyên trách thuộc Đoàn ủy Học sinh Khu Sài Gòn – Gia Định, sau là Thành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh.
- Năm 1990 – 1995: Giám đốc Xí nghiệp Len Sài Gòn.
- Năm 1995 – 2003: Giám đốc Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu May Sài Gòn.
- Năm 2004 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần SX – TM May Sài Gòn

(*) Xem Sơ yếu lý lịch của Ông Nguyễn Ân, Bà Nguyễn Thị Thu Hương và Bà Nguyễn Minh Hằng tại phần Thành viên Ban Tổng Giám đốc.



Bà Phan Thị Phượng – Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1969

Trình độ chuyên môn: Thạc Sĩ Tài Chính

Đại diện sở hữu Công ty Dệt may Gia Định: 1.173.289 cổ phần, chiếm 10,04% VĐL

Quá trình công tác:

- 07/1991 – 08/1992: Nhân viên kinh doanh Xí nghiệp Thủy tinh thuộc Bộ Công Nghiệp.
- 08/1992 – 08/1998: Nhân viên kế toán Công ty Dệt May Gia Định.
- 08/1998 – 05/1999: Phó phòng Kế toán – Công ty Dệt May Gia Định.
- 05/1999 – 11/2001: Phó phòng Kinh doanh – Công ty Dệt May Gia Định.
- 11/2001 – 12/2004: Phó phòng Kế toán – Công ty Dệt May Gia Định.
- 12/04 đến nay: Kế toán trưởng Công ty Dệt May Gia Định.



Ông Lâm Từ Thanh – Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1958

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản Trị kinh Doanh

Số lượng cổ phần nắm giữ: 392.070 cổ phần, chiếm 3,35% VĐL

- Đại diện sở hữu Công ty TNHH Tân Á: 436.810 cổ phần, chiếm 3,74% VĐL
- Đại diện sở hữu Công ty TNHH Thương mại Á Châu: 436.810 cổ phần, chiếm 3,74% VĐL

Quá trình công tác:

- Năm 1992 đến nay: Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Á Châu.
- Năm 1995 đến nay: Giám đốc Công ty TNHH Tân Á.
- 05/2009 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần SX – TM May Sài Gòn.



Ông Lâm Quang Thái – Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1970

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Khoa học tự nhiên

Số lượng cổ phần nắm giữ: 1.826.996 cổ phần, chiếm 15,63% VĐL

Quá trình công tác:

- Trước năm 2001: Chủ doanh nghiệp SX may mặc B&O.
- Năm 2001 – 2014: Chủ tịch các Công ty: Blue Exchange, Công ty TNHH B&O, Công ty TNHH Con Đường Xanh.

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đến nay, Công ty đã thành lập 04 tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị. Thành phần của từng tiểu ban như sau:

- Tiểu ban Đầu tư – Tài chính: Ông Lê Quang Hùng
- Tiểu ban Chiến lược – Phát triển: Ông Lâm Quang Thái
- Tiểu ban Nhân sự – Lương thưởng: Bà Nguyễn Thị Thu Hương
- Tiểu ban Kiểm toán nội bộ: Bà Phan Thị Phương

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2015, Hội đồng Quản trị Công ty đã thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của mình, phát huy vai trò là cơ quan hoạch định chiến lược của Gamex Saigon. Hoạt động của HĐQT luôn đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty đồng thời bám sát các chỉ tiêu kế hoạch của ĐHCĐ. Năm qua, HĐQT đã tổ chức 08 cuộc họp để nghe Ban Tổng Giám đốc báo cáo tình hình hoạt động của Công ty trong kỳ và những đề xuất phương án hoạt động trong thời gian tới. Bên cạnh đó, thành viên HĐQT đều có những chuyến thăm định kỳ và bất thường cơ sở sản xuất nhằm nắm rõ hơn tình hình thực tế và lắng nghe ý kiến của người lao động cùng các cán bộ quản lý cấp dưới. Từ đó, HĐQT đề ra những phương án hành động, khai thác có hiệu quả nguồn lực nội bộ và những thuận lợi từ bên ngoài công ty.

Hội đồng quản trị thực hiện việc giám sát công tác điều hành, tổ chức sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc với các nội dung công việc cụ thể như sau:

- Thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014 và chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2015 trình Đại hội đồng Cổ đông.
- Thông qua Phân bổ lợi nhuận năm 2014; Phân bổ quỹ thưởng của HĐQT cho các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát và các bộ chủ chốt của Công ty.
- Giám sát chi trả cổ tức đợt 2 năm 2014 tỷ lệ 15% bằng tiền mặt theo mệnh giá 10.000đ/CP.
- Thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh Quý 1 năm 2015 và kế hoạch còn lại so với Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2015.
- Thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2015 hợp nhất (chưa soát xét) và kế hoạch còn lại so với Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2015.
- Giám sát chi trả cổ tức đợt 1 năm 2015 tỷ lệ 15% bằng tiền mặt theo mệnh giá 10.000đ/CP.
- Giám sát việc nhượng quyền kinh doanh Thương hiệu Gramicci (Mỹ) trong thời hạn 5 năm.
- Thông qua thay đổi Người đại diện theo pháp luật công ty con Công ty TNHH may tân Mỹ.
- Thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2015 hợp nhất và kế hoạch còn lại so với Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2015.
- Giám sát hoạt động Văn phòng Blue SaiGon LLC (tại Mỹ) trong thời gian qua và kế hoạch phát triển Thương hiệu Gramicci từ năm 2016 đến 2018.

Trong năm 2015, Hội đồng quản trị đã tiến hành họp vào các ngày 31/01, 24/03, 04/04, 15/05, 20/07, 08/09, 25/09 và 03/11. Thành phần tham dự họp như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
01	Ông Lê Quang Hùng	Chủ tịch HĐQT	08/08	100,0%
02	Ông Nguyễn Ân	Phó CT HĐQT	08/08	100,0%
03	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên HĐQT	08/08	100,0%
04	Bà Nguyễn Minh Hằng	Thành viên HĐQT	08/08	100,0%
05	Bà Phan Thị Phượng	Thành viên HĐQT	08/08	100,0%
06	Ông Lâm Tử Thanh	Thành viên HĐQT	08/08	100,0%
07	Ông Lâm Quang Thái	Thành viên HĐQT	07/08 (*)	87,5%

(*) Lý do ông Lâm Quang Thái chỉ tham gia 07/08 cuộc họp HĐQT:

Trong số 08 cuộc họp HĐQT trong năm, phiên họp ngày 04/04/2015 bàn về việc mua lại phần vốn góp 49% của Công ty TNHH MTV Blue Exchange trong Công ty TNHH May Sài Gòn Xanh. Theo điểm b khoản 9 điều 27 Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty có hiệu lực từ ngày 12/04/2014, Ông Lâm Quang Thái “có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích Công ty” nên không tham gia thảo luận và biểu quyết trong phiên họp ngày 04/04.



Phương hướng và kế hoạch của Hội đồng Quản trị thể hiện rõ trong các Nghị quyết, Quyết định, được các thành viên thông qua bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại các cuộc họp hoặc thực hiện lấy ý kiến bằng văn bản.

Những Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị trong năm 2015:

STT	Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	Số 04/NQ-HĐQT	09/02/2015	Nghị quyết của Hội đồng Quản trị: 1. Trả cổ tức đợt 2 năm 2014 cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 15% bằng tiền theo mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu, ngày đăng ký cuối cùng là 18/03/2015, thanh toán cổ tức vào ngày 15/04/2015. 2. Tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm tài chính 2014 vào ngày 18/04/2015, ngày đăng ký cuối cùng là 18/03/2015.
2	Số 09/NQ-HĐQT	14/05/2015	Nghị quyết của Hội đồng Quản trị: Mua toàn bộ phần vốn thực góp của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Blue Exchange trong Công ty Trách nhiệm hữu hạn May Sài Gòn Xanh, là Công ty con của Công ty Cổ phần Sản xuất – Thương mại May Sài Gòn.
3	Số 12A/NQ-HĐQT	10/08/2015	Nghị quyết của Hội đồng Quản trị: Trả cổ tức đợt 1 năm 2015 cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 15% bằng tiền theo mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu, ngày đăng ký cuối cùng là 31/08/2015, thanh toán cổ tức vào ngày 25/09/2015.

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Công ty có 01 thành viên Hội đồng Quản trị độc lập là Ông Lâm Tử Thanh. Trong năm 2015, Ông đã cùng với các thành viên khác tích cực tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến tại các cuộc họp Hội đồng Quản trị, đồng thời góp sức vào công tác giám sát Ban Tổng Giám đốc trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm, Tiểu ban Chiến lược – Phát triển phối hợp với các Tiểu ban Đầu tư – Tài chính và Tiểu ban Kiểm toán nội bộ thảo luận, thông qua các vấn đề sau:

- Nội dung chương trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 tổ chức vào ngày 18/4/2015.
- Chủ trương mở rộng, nâng cao năng lực sản xuất tại các đơn vị trực thuộc trong năm 2015.
- Chủ trương vay vốn trung, dài hạn của các ngân hàng thương mại nhằm tái cơ cấu nguồn vốn, phục vụ đầu tư tăng cường năng lực sản xuất theo lộ trình Chiến lược phát triển Công ty nhiệm III (2014 - 2018).
- Mua toàn bộ phần vốn thực góp của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Blue Exchange trong Công ty TNHH May Sài Gòn Xanh là Công ty con của Công ty Cổ phần Cổ phần Sản xuất – Thương mại May Sài Gòn.
- Tìm hiểu, thăm dò và đàm phán với chủ Thương hiệu Gramicci (Mỹ) để đi đến quyết định đồng ý hay không đồng ý tiếp nhận vận hành thử nghiệm hệ thống Gramicci trong thời gian 02 năm hoặc sớm hơn trước khi quyết định mua thương hiệu.
- Thống nhất nguyên tắc đàm phán với trường Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh trong việc hợp tác đối với dự án 213 Hồng Bàng, Q5 và tiến hành thủ tục thực hiện dự án theo trình tự quy định.
- Thống nhất lộ trình tăng năng lực sản xuất, thực hiện mục tiêu doanh thu 2.800 tỷ - 3000 tỷ vào cuối nhiệm kỳ III (2018).
- Xây dựng chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2016 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.
- Thảo luận Phương án tài chính từ nay đến năm 2018 nhằm thực hiện Chiến lược phát triển Công ty nhiệm kỳ III (2014 – 2018).
- Thống nhất Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY VÀ CÁC THÀNH VIÊN THAM GIA CÁC CHƯƠNG TRÌNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY TRONG NĂM

Đến nay, Hội đồng Quản trị Công ty chỉ có Ông Lâm Tử Thanh đã được cấp chứng chỉ đào tạo về quản trị vào năm 2012, các thành viên khác vẫn chưa có chứng chỉ này. Trong năm 2015, Garmex Saigon đã tích cực tổ chức khóa đào tạo quản trị nội bộ nhằm nâng cao trình độ cho cán bộ quản lý đối với lĩnh vực này. Hướng tới mục tiêu hoàn thiện đội ngũ quản trị vừa có trình độ chuyên môn, vừa có năng lực lãnh đạo, trong thời gian tới, các thành viên Hội đồng Quản trị sẽ tiếp tục tham gia các khóa đào tạo do các cơ sở bên ngoài tổ chức.



BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu/Vốn điều lệ
1	Lê Thị Chín	Trưởng BKS		
2	Lâm Quan Kiều Phương	Thành viên BKS		
3	Nguyễn Thị Hồng Liên	Thành viên BKS	81	0,00%

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM

Thời gian	Nội dung
31/01/2015	Ban Kiểm soát tham dự họp Hội đồng Quản trị mở rộng, nghe báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ năm 2014, kế hoạch 2015 và các vấn đề khác, tham gia ý kiến cùng Hội đồng Quản trị đối với các vấn đề liên quan.
24/03/2015	Họp Hội đồng Quản trị Công ty về: <ul style="list-style-type: none">- Đề xuất kế hoạch sản xuất kinh doanh và giải pháp điều hành năm 2015- Đầu tư 213 Hồng Bàng.- Phương án đầu tư vốn năm 2015.
29/05/2015	Trưởng Ban kiểm soát thông tin về <ul style="list-style-type: none">- Garmex mua lại 49% Sài Gòn Xanh- Mua Gramicci.- Thực hiện doanh thu tháng 1/2015.- Kế hoạch về 213 Hồng Bàng.- Xem sổ sách thu chi và công nợ.
20/07/2015	Ban Kiểm soát tham dự họp Hội đồng Quản trị mở rộng: <ul style="list-style-type: none">- Kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2015- Báo cáo hoạt định năng lực sản xuất đến cuối nhiệm kỳ III.- Báo cáo chuyển nhượng Gramacchi.- Thông tin hợp nhất Công ty TNHH May Sài Gòn Xanh.- Chủ trương dự án 213 Hồng Bàng.
27/07/2015	Ban Kiểm soát làm công văn gửi Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam về việc soát xét một số nội dung trong báo cáo tài chính năm 2015

Thời gian	Nội dung
09/09/2015	<p>Ban Kiểm soát kiểm tra 6 tháng đầu năm vì mới có báo cáo kiểm toán:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thu chi và hồ sơ ngân hàng. - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất niên độ. - Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ. - Doanh thu hoạt động tài chính. - Thu nhập khác, lợi nhuận trước thuế. - Phát hành báo cáo Ban kiểm soát 6 tháng đầu năm 2015.
06/10/2015	Nhận được công văn kiểm tra số liệu của CT TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
12/11/2015	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả kinh doanh 9 tháng. - Phương Án sử dụng quỹ khen thưởng HĐQT và thù lao 2015. - Hoạt động Blue Sai Gon LLC. - Doanh thu Công nợ (Garmex , Tân Mỹ). - Số liệu góp vốn SGX (NQ109/NQHĐQT 14/5/2015 May SGX là Công ty con của Garmex. - Cần lưu ý các công nợ có kế hoạch thu hồi tránh rủi ro cho Công ty. - Đặt vấn đề về Công ty Phú Mỹ.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2015, Ban Kiểm soát đã xây dựng kế hoạch hoạt động và bố trí thời gian hợp đúng định kỳ, kiểm tra số liệu thực tế tại công ty, đồng thời còn được tham gia các cuộc họp HĐQT và tham gia kiến nghị kịp thời. Qua công tác giám sát, Ban Kiểm soát nhận thấy:

- Nhìn chung các số liệu kiểm tra thực tế đều minh bạch rõ ràng, HĐQT và Ban TGD đã chú trọng xây dựng các biện pháp phòng tránh rủi ro, xây dựng chiến lược hoạt động có chiều sâu, luôn hướng đến mục tiêu thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông,
- Công ty đã có chính sách chăm lo cho người lao động, kết hợp khen thưởng động viên tinh thần cán bộ công nhân viên.
- Tham gia các công tác xã hội từ thiện trong nội bộ Công ty và bên ngoài, xây dựng thương hiệu tốt.
- Tỷ lệ chi trả cổ tức hợp lý và mang lại sự hài lòng, tin tưởng cho cổ đông Công ty.
- Tuy nhiên, Công ty cần lưu ý về Công nợ của Khách hàng, có kế hoạch thu hồi sớm phòng tránh rủi ro.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG, THƯỜNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tổng thù lao trong năm (VNĐ)
1	Hội đồng quản trị		
	Ông Lê Quang Hùng	Chủ tịch HĐQT	1.474.150.417
	Ông Nguyễn Ân	Phó Chủ tịch HĐQT	2.160.112.993
	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên HĐQT	1.246.960.178
	Bà Nguyễn Minh Hằng	Thành viên HĐQT	1.175.215.686
	Bà Phan Thị Phượng	Thành viên HĐQT	269.713.250
	Ông Lâm Tử Thanh	Thành viên HĐQT	292.155.420
	Ông Lâm Quang Thái	Thành viên HĐQT	269.713.250
2	Ban kiểm soát		
	Bà Lê Thị Chín	Trưởng Ban Kiểm soát	153.793.050
	Bà Nguyễn Thị Hồng Liên	Thành viên Ban Kiểm soát	522.910.718
	Bà Lâm Quan Kiêu Phương	Thành viên Ban Kiểm soát	70.977.170
3	Ban điều hành		
	Ông Nguyễn Ân	Tổng Giám đốc	2.160.112.993
	Bà Đỗ Thị Kim Nhân	Phó Tổng Giám đốc	915.646.759
	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc	1.246.960.178
	Bà Nguyễn Minh Hằng	Kế toán trưởng	1.175.215.686

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Trong năm, cổ đông nội bộ của công ty đã thực hiện 01 giao dịch, cụ thể như sau:

Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	
Lâm Quang Thái	Cổ đông lớn – TV HĐQT	2.112.686	18,07%	1.826.996	15,63%	Bán cổ phiếu

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

- Giao dịch với Công ty Blue Saigon LLC - Giám đốc Blue Saigon LLC là người có liên quan với Tổng Giám đốc Nguyễn Ân:
 - HĐ số 10-15/GASN-BLUE LLC ngày 24/3/2015, GMC bán 100.000 cái/bộ đơn giá từ 2 - 30 USD, trị giá 1.000.000 USD.
 - HĐ số 11-15/GASN-GRAMICCI(LLC) ngày 15/5/2015 GMC bán 100.000 cái/bộ đơn giá từ 5 - 50 USD, trị giá 1.000.000 USD.
- Giao dịch với các Công ty thuộc sở hữu của Ông Lâm Quang Thái – Thành viên HĐQT với tổng giá trị các hợp đồng là 149.758.956.879 đồng.

STT	NGÀY KÝ	NỘI DUNG	TỔNG TRỊ GIÁ	GHI CHÚ
1	02/02/2015	HĐ:01-15/GMC-BLUE		HĐ mua bán hàng hóa
2	10/03/2015	PL1 HĐ:01-15/GMC-BLUE	1.516.302.276	
3	28/03/2015	PL2A HĐ:01-15/GMC-BLUE	984.772.782	
4	11/03/2015	PL2 HĐ:01-15/GMC-BLUE	43.924.643.336	
5	30/03/2015	PL3 HĐ:01-15/GMC-BLUE	340.298.182	
6	25/03/2015	PL3A HĐ:01-15/GMC-BLUE	3.381.229.332	
7	01/04/2015	PL4A HĐ:01-15/GMC-BLUE	3.322.128.411	
8	10/04/2015	PL4 HĐ:01-15/GMC-BLUE	2.031.834.600	

STT	NGÀY KÝ	NỘI DUNG	TỔNG TRỊ GIÁ	GHI CHÚ
9	25/04/2015	PL5 HĐ:01-15/GMC-BLUE	1.256.430.000	
10	27/04/2015	PL6 HĐ:01-15/GMC-BLUE	1.123.720.000	
11	05/05/2015	PL7 HĐ:01-15/GMC-BLUE	1.850.565.000	
12	15/05/2015	PL8 HĐ:01-15/GMC-BLUE	3.386.673.670	
13	25/05/2015	PL9 HĐ:01-15/GMC-BLUE		Điều chỉnh đơn giá
14	05/08/2015	PL10 HĐ:01-15/GMC-BLUE	829.510.608	
15	02/11/2015	PL11 HĐ:01-15/GMC-BLUE	6.899.235.136	
16	15/06/2015	HĐ:02-15/GMC-CĐXQN		HĐ mua bán hàng hóa
17	17/06/2015	HĐ:03-15/GMC-CĐXQN		HĐ mua bán hàng hóa
18	17/06/2015	PL1 HĐ:03-15/GMC-CĐXQN	4.919.024.740	
19	27/08/2015	PL2 HĐ:03-15/GMC-CĐXQN	3.606.790.680	
20	04/09/2015	PL3 HĐ:03-15/GMC-CĐXQN	6.923.846.268	
21	12/10/2015	PL4 HĐ:03-15/GMC-CĐXQN	1.823.067.048	
22	30/07/2015	HĐ:04-15/GMC-CĐXQN	8.146.820.000	HĐ mua bán vải Jeans
23	31/07/2015	HĐ:05-15/GMC-CĐXQN	5.280.330.000	HĐ mua bán vải Jeans
24	31/03/2015	HĐ:07-2015/GMC-BLUE	2.872.518.000	HĐ mua bán vải Jeans
25	25/06/2015	HĐ:08-2015/GMC-CĐXQN		HĐ mua bán NPL
26	08/07/2015	PL1 HĐ:08-2015/GMC-CĐXQN	3.695.850.358	Phụ lục mua bán vải Jeans
27	07/08/2015	PL2 HĐ:08-2015/GMC-CĐXQN	3.845.160.000	Phụ lục mua bán vải Jeans
28	29/09/2015	PL3 HĐ:08-2015/GMC-CĐXQN		Điều chỉnh đơn giá
29	30/09/2015	PL4 HĐ:08-2015/GMC-CĐXQN		Điều chỉnh đơn giá

STT	NGÀY KÝ	NỘI DUNG	TỔNG TRỊ GIÁ	GHI CHÚ
30	29/06/2015	HĐ:09-2015/GMC-B&O	3.449.908.000	HĐ mua bán vải Jeans
31	30/07/2015	HĐ:10-2015/GMC-BLUE		HĐ mua bán hàng hóa
32	20/08/2015	HĐ:11-2015/GMC-CDBT	3.449.908.000	HĐ mua bán vải Jeans
33	07/09/2015	HĐ:12-2015/GMC-CDBT	6.225.450.000	HĐ mua bán vải Jeans
34	31/07/2015	HĐ:13-2015/GMC-CĐXQN	15.246.000.000	HĐ mua bán vải Jeans
35	20/10/2015	HĐ:14-2015/GMC-CDBT	6.225.450.000	HĐ mua bán vải Jeans
36	02/02/2015	PL7 HĐ:01-14/GMC-BLUE	1.824.911.304	
37	14/03/2015	PL8 HĐ:01-14/GMC-BLUE	1.376.579.148	

VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công ty cũng xây dựng quy trình quản lý, giám sát, thực hiện công việc để tăng hiệu quả công việc. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc cùng theo đuổi mục tiêu vì lợi ích của công ty và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện cho việc giám sát hoạt động của công ty một cách hiệu quả, sử dụng các nguồn lực một cách tốt nhất, nâng cao hiệu quả kinh doanh, khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí vốn cũng như tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	81 – 84
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	85 – 86
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	87 – 90
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	91
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	92 – 93
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	94 – 136
Đính chính báo cáo tài chính hợp nhất	137 – 139



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại May Sài Gòn và các công ty con (gọi tắt là “Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại May Sài Gòn (“Công ty Mẹ”) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Sản Xuất - Xuất Nhập Khẩu May Sài Gòn theo quyết định số 1663/QĐ-UB ngày 05 tháng 5 năm 2003 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Công ty mẹ hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký công ty cổ phần số 0300742387, đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 01 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 13 tháng 8 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2015 và 01/01/2015 như sau:

Cổ đông	31/12/2015			01/01/2015		
	Số CP sở hữu	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số CP sở hữu	Số tiền	Tỷ lệ (%)
Cổ đông Nhà nước (Công ty TNHH MTV Dệt may Gia Định)	1.173.289	11.732.890.000	10,03	1.173.289	11.732.890.000	10,03
Các cổ đông khác	10.517.041	105.170.410.000	89,97	10.517.041	105.170.410.000	89,97
Cộng	11.690.330	116.903.300.000	100,00	11.690.330	116.903.300.000	100,00

Cổ phiếu của Công ty mẹ đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ ngày 22 tháng 12 năm 2006 với mã chứng khoán là GMC.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty mẹ là:

- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú). Chi tiết: Công nghiệp may, sản phẩm chính: quần áo may sẵn các loại;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Môi giới thương mại;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Kinh doanh vật tư, máy móc thiết bị ngành may;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Đầu tư kinh doanh siêu thị và dịch vụ cho thuê văn phòng, cửa hàng. Kinh doanh nhà. Cho thuê xưởng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Kinh doanh nguyên phụ liệu phục vụ ngành may;
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Tư vấn quản lý kinh doanh; Kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng xuất khẩu, nhập khẩu;
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác. Chi tiết: Công nghiệp dệt len các loại;
- Hoàn thiện sản phẩm dệt. Chi tiết: Dịch vụ giặt, tẩy (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất vải dệt thoi. Chi tiết: Công nghiệp dệt vải và các loại;

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Dịch vụ vận tải;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chi tiết: Bán lẻ quần áo, giày dép, đồ dùng, hàng ngũ kim, mỹ phẩm, đồ trang sức, đồ chơi, đồ thể thao;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh.

Trong năm, hoạt động chính của Công ty mẹ là gia công, sản xuất các sản phẩm may mặc.

Trụ sở chính của Công ty mẹ được đặt tại 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, Công ty mẹ có các đơn vị trực thuộc như sau:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Xí Nghiệp May Bình Tiên	55E Minh Phụng, Phường 5, Quận 6, TP. HCM
2	Xí Nghiệp May Tân Phú	332 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP.HCM
3	Xí Nghiệp May An Phú	14/5 Ấp Chánh 2, Xã Tân Xuân, Huyện Hóc Môn, TP. HCM
4	Xí Nghiệp May An Nhơn	252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. HCM

CÁC THÀNH VIÊN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Quang Hùng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	31/12/2003
Ông Nguyễn Ân	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị	31/12/2003
Ông Lâm Tử Thanh	Thành viên Hội đồng Quản trị	15/04/2009
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên Hội đồng Quản trị	04/08/2010
Bà Nguyễn Minh Hằng	Thành viên Hội đồng Quản trị	12/04/2014
Ông Lâm Quang Thái	Thành viên Hội đồng Quản trị	12/04/2014
Bà Phan Thị Phượng	Thành viên Hội đồng Quản trị	12/04/2014

Ban Kiểm soát

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Lê Thị Chín	Trưởng Ban Kiểm soát	15/04/2009
Bà Nguyễn Thị Hồng Liên	Thành viên Ban Kiểm soát	15/04/2009
Bà Lâm Quang Kiều Phương	Thành viên Ban Kiểm soát	12/04/2014

Ban Tổng Giám đốc

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Ân	Tổng Giám đốc	31/12/2003
Bà Đỗ Thị Kim Nhân	Phó Tổng Giám đốc	31/12/2003
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc	31/12/2003
Bà Nguyễn Minh Hằng	Giám đốc tài chính	17/06/2014

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty mẹ trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và Tên	Chức vụ	Quốc tịch
Ông Nguyễn Ân	Tổng Giám đốc	Việt Nam

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH KINH DOANH

Kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Tập đoàn.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



LÊ QUANG HÙNG

Chủ tịch

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2016



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam

AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Số: 138/2016/BCKTHN-HCM.00630.01



Accountants &
business advisers

**Kính gửi: Quý Cổ đông,
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại Sài Gòn và các công ty con (gọi tắt là "Tập đoàn"), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2016, từ trang 6 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



TRANG ĐẮC NHA

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2013-009-1

A blue ink signature of Phạm Thị Ngọc Liên, written in a cursive style.

PHẠM THỊ NGỌC LIÊN

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1180-2014-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2016

Ho Chi Minh City Head Office - Tel: +84 82 2200 237 - Fax: +84 82 2200 265 - Email: pkf.afchcm@pkf.afcvietnam.vn

2/F Indochina Park Tower - No.4 Nguyen Dinh Chieu Street - Dakao Ward - District 1 - Ho Chi Minh City - Vietnam - Website: www.pkf.afcvietnam.vn

AFC Vietnam is a member firm of the PKF International Limited network of legally independent firms and does not responsibility or liability for the actions or inactions on the part of any other individual member firm or firms.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mẫu B 01 – DN/HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
TÀI SẢN				
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		615.643.774.120	425.851.487.842
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	51.781.890.649	39.968.106.554
1. Tiền	111		51.781.890.649	38.968.106.554
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	1.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		302.905.875.100	183.327.755.079
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	239.154.405.097	164.531.345.349
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	18.141.534.173	13.265.779.345
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	45.609.935.830	5.491.009.878
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	39.620.507
IV. Hàng tồn kho	140	5.5	233.854.327.383	187.398.302.850
1. Hàng tồn kho	141		233.854.327.383	187.398.302.850
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		27.101.680.988	15.157.323.359
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		999.516.206	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.15	26.093.428.782	14.954.698.180
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.15	8.736.000	202.625.179
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		221.069.752.190	211.218.045.578
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		305.108.361	330.040.361
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.2	25.728.361	25.728.361
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	279.380.000	304.312.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		156.477.415.861	149.050.213.043
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	150.742.468.031	148.960.722.129
- Nguyên giá	222		281.520.334.733	262.086.492.962
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(130.777.866.702)	(113.125.770.833)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	5.734.947.830	89.490.914
- Nguyên giá	228		6.153.653.855	173.320.965
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(418.706.025)	(83.830.051)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		15.605.652.407	11.868.165.000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.8	15.605.652.407	11.868.165.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		18.509.757.800	17.968.865.400
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.9	4.341.000.000	4.341.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.10	17.314.330.000	17.314.330.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5.10	(3.145.572.200)	(3.686.464.600)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		30.171.817.761	32.000.761.774
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	30.000.273.565	31.597.788.181
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		171.544.196	402.973.593
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		836.713.526.310	637.069.533.420

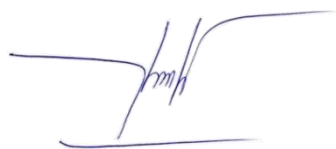
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
NGUỒN VỐN				
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		576.477.711.036	389.932.430.540
I. Nợ ngắn hạn	310		576.477.711.036	389.346.525.740
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	93.928.426.264	71.315.087.172
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	6.147.808.506	536.543.688
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	6.083.142.898	5.559.424.290
4. Phải trả người lao động	314		83.236.916.982	94.421.270.541
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	6.780.390.905	3.736.577.828
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	1.891.210.580	263.467.312
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	362.044.331.925	197.977.070.660
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.18	16.365.482.976	15.537.084.249
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	585.904.800
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	-	585.904.800
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		260.235.815.274	247.137.102.880
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.19	260.235.815.274	247.137.102.880
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		116.903.300.000	116.903.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		116.903.300.000	116.903.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.138.322.370	9.138.322.370
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(863.138.686)	(863.138.686)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		37.827.601	78.827.213
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		56.863.245.987	59.702.657.933
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		50.666.081.217	42.532.721.458
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		2.767.904.072	3.567.077.156
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		47.898.177.145	38.965.644.302
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		27.490.176.785	19.644.412.592
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		836.713.526.310	637.069.533.420



TRẦN THỊ THU TRÂM
Người lập biểu



NGUYỄN MINH HẰNG
Kế toán trưởng



NGUYỄN ÂN
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mẫu B 02 – DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	Thuyết Minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.504.057.829.976	1.409.984.011.385
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.992.553.765	505.431.352
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	1.502.065.276.211	1.409.478.580.033
Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.249.640.731.601	1.201.404.440.645
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		252.424.544.610	208.074.139.388
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	21.562.847.866	12.753.147.230
Chi phí tài chính	22	6.4	24.039.661.530	10.006.291.834
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.324.168.678	5.277.265.591
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
Chi phí bán hàng	25	6.5	35.648.681.130	21.509.592.579
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	136.581.571.152	115.432.422.301
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		77.717.478.664	73.878.979.904
Thu nhập khác	31	6.7	4.450.116.262	458.472.689
Chi phí khác	32		9.244.475	11.213.107
Lợi nhuận khác	40		4.440.871.787	447.259.582
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		82.158.350.451	74.326.239.486
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.8	16.283.488.834	17.786.178.530
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		231.429.397	(367.928.788)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		65.643.432.220	56.907.989.744
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		68.971.708.027	60.496.563.413
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	5.19	(3.328.275.807)	(3.588.573.669)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	6.196	5.435

TRẦN THỊ THU TRÂM
Người lập biểu

NGUYỄN MINH HẰNG
Kế toán trưởng



NGUYỄN ÂN
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Mẫu B 03 – DN/HN

(Theo Phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	82.158.350.451	74.326.239.486
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	19.671.339.221	16.646.754.935
- Các khoản dự phòng, (hoàn nhập)	03	(540.892.400)	(129.950.400)
- (Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	649.441.651	123.356.599
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.262.749.588)	(840.636.823)
- Chi phí lãi vay	06	6.324.168.678	5.277.265.591
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	106.999.658.013	95.403.029.388
- (Tăng)/ Giảm các khoản phải thu	09	(123.250.223.522)	(27.960.794.361)
- (Tăng), giảm hàng tồn kho	10	(46.456.024.533)	53.378.543.069
- Tăng/ (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	24.936.601.026	(15.796.868.047)
- (Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	597.998.410	(1.575.503.661)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(6.324.168.678)	(5.277.265.591)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(17.132.333.901)	(24.399.332.960)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	833.247.500
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(27.897.095.587)	(11.658.935.116)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(88.525.588.772)	62.946.120.221
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(39.907.413.206)	(32.067.012.436)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	531.452.273	178.727.273
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	731.297.315	637.499.550
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(38.644.663.618)	(31.250.785.613)

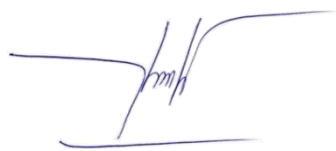
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

(Theo Phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	11.174.040.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	954.853.435.641	725.149.568.777
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(792.099.253.168)	(741.204.772.980)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(34.911.436.650)	(28.027.265.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	139.016.785.823	(44.082.469.803)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM (50 = 20 + 30 + 40)	50	11.846.533.433	(12.387.135.195)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60	39.968.106.554	52.374.491.958
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(32.749.338)	(19.250.209)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50 + 60 + 61)	70	51.781.890.649	39.968.106.554



TRẦN THỊ THU TRÂM
Người lập biểu



NGUYỄN MINH HẰNG
Kế toán trưởng



NGUYỄN ÂN
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại May Sài Gòn (“Công ty Mẹ”) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Sản Xuất - Xuất Nhập Khẩu May Sài Gòn theo Quyết định số 1663/QĐ-UB ngày 05 tháng 05 năm 2003 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Công ty Mẹ hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300742387, đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 01 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 13 tháng 8 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

- Vốn điều lệ: 116.903.300.000 VND. Số lượng cổ phiếu: 11.690.330 cổ phiếu. Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phiếu.
- Trụ sở hoạt động của Công ty Mẹ được đặt tại 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của công ty Mẹ là sản xuất.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của công ty Mẹ như sau:

- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú). Chi tiết: Công nghiệp may, sản phẩm chính: quần áo may sẵn các loại;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Môi giới thương mại;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Kinh doanh vật tư, máy móc thiết bị ngành may;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Đầu tư kinh doanh siêu thị và dịch vụ cho thuê văn phòng, cửa hàng. Kinh doanh nhà. Cho thuê xưởng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Kinh doanh nguyên phụ liệu phục vụ ngành may;
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Tư vấn quản lý kinh doanh; Kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng xuất khẩu, nhập khẩu;
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác. Chi tiết: Công nghiệp dệt len các loại;
- Hoàn thiện sản phẩm dệt. Chi tiết: Dịch vụ giặt, tẩy (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất vải dệt thoi. Chi tiết: Công nghiệp dệt vải và các loại;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Dịch vụ vận tải;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chi tiết: Bán lẻ quần áo, giày dép, đồ dùng, hàng ngũ kim, mỹ phẩm, đồ trang sức, đồ chơi, đồ thể thao;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh.

Trong năm, hoạt động chính của Công ty Mẹ là gia công, sản xuất các sản phẩm may mặc.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty Mẹ không quá 12 tháng.

1.5. Mã chứng khoán niêm yết

Cổ phiếu của Công ty Mẹ đã được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh từ ngày 22 tháng 12 năm 2006 với mã chứng khoán là GMC.

1.6. Cấu trúc của Tập Đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty Mẹ, hai công ty con và một công ty liên kết, cụ thể như sau:

Công ty Mẹ

Công ty Mẹ có bốn đơn vị trực thuộc với thông tin chi tiết như sau:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Xí Nghiệp May Bình Tiên	55E Minh Phụng, Phường 5, Quận 6, TP.Hồ Chí Minh
2	Xí Nghiệp May Tân Phú	332 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
3	Xí Nghiệp May An Phú	14/5 Ấp Chánh 2, Xã Tân Xuân, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh
4	Xí Nghiệp May An Nhơn	252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Công ty con

Công ty TNHH May Tân Mỹ (“Tân Mỹ”), trong đó công ty Mẹ nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu, được thành lập tại Việt Nam, là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500816433 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 29 tháng 08 năm 2007 và các giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 4 ngày 26 tháng 12 năm 2013. Trụ sở đăng ký của Tân Mỹ đặt tại Cụm Công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp Hắc Dịch, ấp Trắng Cát, xã Hắc Dịch, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Hoạt động chính của Tân Mỹ là may mặc.

Công ty TNHH MTV May Sài Gòn Xanh (“Sài Gòn Xanh”) được thành lập tại Việt Nam, là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được chuyển đổi từ loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311908926 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 08 năm 2012, và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ hai ngày 13 tháng 01 năm 2016. Trụ sở đăng ký của Sài Gòn Xanh đặt tại số 332 Lũy Bán Bích, Phường Hoà Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh. Hoạt động chính của Sài Gòn Xanh là may mặc.

Vào ngày 13 tháng 01 năm 2016, Công ty TNHH MTV Blue Exchange đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng toàn bộ phần vốn đã góp chiếm 49% so với vốn điều lệ cho Công ty cổ phần sản xuất thương mại May Sài Gòn. Công ty TNHH MTV May Sài Gòn Xanh trở thành công ty con 100% vốn của Công ty Cổ phần Sản Xuất Thương Mại May Sài Gòn.

Sài Gòn Xanh có một chi nhánh trực thuộc và một công ty con hoạt động tại nước ngoài chi tiết như sau:

- Đơn vị trực thuộc: Xí nghiệp may Hà Lam tọa lạc tại Lô B/B2 Cụm CN Hà Nam – Chợ Được, xã Bình Phục, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, Việt Nam.
- Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy phép thành lập	Tỷ lệ sở hữu
Công ty kinh doanh hàng dệt may tại Hoa Kỳ	Số 11100 đường Valley Boulevard, Phòng 222, thành phố E1 Monte, tiểu bang California, mã số bưu điện CA91731, Hoa Kỳ	Hoạt động theo giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 564/BKHĐT-ĐTRNN ngày 02 tháng 11 năm 2012 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, thay đổi lần thứ nhất số 201500059 ngày 09 tháng 11 năm 2015, Công ty đầu tư 100% vốn để thành lập Công ty kinh doanh hàng dệt may tại Hoa Kỳ (Blue Saigon L.L.C) với vốn đầu tư 600.000 USD tương đương 13.706.058.000 VND.	100%

Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Phú Mỹ (“Phú Mỹ”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000177 ngày 13 tháng 07 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Công ty Mẹ đầu tư vào Phú Mỹ là 4.341.000.000 VND, tương đương 32,47% vốn điều lệ. Hoạt động chính của Phú Mỹ là kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và cụm công nghiệp.

1.7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Tập đoàn đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp (gọi tắt là “thông tư số 200/2014/TT-BTC”) và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (gọi tắt là “Thông tư số 202/2014/TT-BTC”). Thông tư số 200/2014/TT-BTC thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư số 202/2014/TT-BTC thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 không so sánh được với số liệu tương ứng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng các thông tư này trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

1.8. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tổng số nhân viên của Tập đoàn là 4.372 người (31/12/2014: 4.250 người).

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC, thông tư số 202/2014/TT-BTC và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tập đoàn áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC. Các thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, các thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty Mẹ kiểm soát cho đến ngày lập báo cáo hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty Mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty Mẹ và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu thuộc phần vốn chủ sở hữu của bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông

không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu khi có thông tin tài chính đáng tin cậy. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tập đoàn vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tập đoàn tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tập đoàn tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm kết thúc năm tài chính, số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi ra VND theo tỷ giá chuyển khoản do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh công bố vào ngày này (31/12/2015: 22.450 VND/USD).

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Để lập báo cáo tài chính hợp nhất, tài sản và công nợ của Công ty con tại nước ngoài được chuyển đổi sang đơn vị tiền tệ của báo cáo theo tỷ giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của kỳ báo cáo và chỉ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, được ghi nhận vào khoản chênh lệch tỷ giá trong phần vốn chủ sở hữu của Tập đoàn. Chênh lệch tỷ giá này được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi công ty con chấm dứt hoạt động hoặc được thanh lý.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng,
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong báo cáo tài chính hợp nhất và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

	Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	25 – 50
Máy móc, thiết bị	05 – 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

4.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 03 - 04 năm.

Giấy phép và giấy nhượng quyền

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị giấy phép triển khai hệ thống an ninh mạng và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản này được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 04 năm.

4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành và không được tính khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được kết chuyển ghi tăng tài sản cố định khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản cố định được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.12 Tiền lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong năm được căn cứ vào mức lương, các khoản lương khoán theo năng suất và phụ cấp đã được thỏa thuận trên Hợp đồng lao động và Thỏa ước lao động tập thể.

4.13 Các khoản trích theo lương

Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương căn bản theo hợp đồng lao động vào chi phí là 18% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 8%.

Bảo hiểm y tế được trích trên lương căn bản vào chi phí là 3% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương căn bản vào chi phí là 1% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%.

Kinh phí công đoàn được trích trên lương căn bản vào chi phí là 2%.

4.14 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm trừ khi chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.15 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty Mẹ phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

4.16 Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty Mẹ như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty Mẹ	(*)	
Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	(*)	

(*) Các quỹ này được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

4.17 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty Mẹ cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế (trước khi trích lập các quỹ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty Mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty Mẹ (trước khi trích lập các quỹ và sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của

số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

4.19 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tập đoàn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận khi hàng hoá đã được gia công xong và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở:

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ;
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

4.20 Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.21 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.22 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.23 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Công ty Cổ phần Phú Mỹ	Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Blue exchange	Việt Nam	Công ty có chủ sở hữu là cổ đông góp vốn
Công ty TNHH Con đường xanh Quảng Nam	Việt Nam	Công ty có chủ sở hữu là cổ đông góp vốn
Công ty TNHH B&O	Việt Nam	Công ty có chủ sở hữu là cổ đông góp vốn

4.24 Trình bày lại

Sau ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, Ban Tổng Giám đốc đã quyết định trình bày lại báo cáo này để điều chỉnh một số sai sót, việc trình bày lại được thực hiện cho các tài khoản sau:

Tại ngày 31/12/2014	Số đã phát hành	Trình bày lại	Chênh lệch
Tài sản cố định vô hình			
Nguyên giá	173.320.965	173.320.965	-
- Phần mềm máy tính	54.120.965	22.302.783	(31.818.182)
- Giấy phép nhượng quyền	119.200.000	151.018.182	31.818.182
Giá trị hao mòn lũy kế	(83.830.051)	(83.830.051)	-
- Phần mềm máy tính	(29.196.722)	(22.302.783)	6.893.939
- Giấy phép nhượng quyền	(54.633.329)	(61.527.268)	(6.893.939)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	1.302.895.466	1.154.392.609
Tiền gửi ngân hàng	50.478.995.183	37.813.713.945
- VND	3.987.347.251	1.302.767.318
- USD	46.413.329.251	36.422.562.778
- EUR	78.318.681	88.383.849
Các khoản tương đương tiền	-	1.000.000.000
	51.781.890.649	39.968.106.554

Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ vào ngày 31 tháng 12 năm 2015:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng		
USD	2.067.410,14	46.413.329.251
EUR	3.207,81	78.318.681

5.2 Phải thu ngắn hạn, dài hạn của khách hàng

5.2.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải thu các bên liên quan		
- Công ty TNHH MTV Blue Exchange	52.144.115.501	19.332.249.904
- Công ty TNHH Con Đường Xanh Quảng Nam	38.573.373.681	5.074.596.361
- Công ty TNHH May mặc Cây dứa	16.495.818.565	-
Phải thu các khách hàng khác		
- Công ty Columbia Sportswear Company	48.902.041.631	34.208.563.748
- Công ty Promiles S.N.C	70.104.491.921	73.318.207.687
Các khoản phải thu khách hàng khác	12.934.563.799	32.597.727.649
	239.154.405.098	164.531.345.349
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	-
Giá trị thuần	239.154.405.098	164.531.345.349

Khoản phải thu trị giá 1.000.000 USD đã được thế chấp tại Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) để đảm bảo cho khoản vay (xem thuyết minh 5.17).

5.2.2 Phải thu dài hạn của khách hàng

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Các tổ chức và cá nhân khác	25.728.361	25.728.361

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Trả trước người bán khác		
Các nhà cung cấp trong nước	15.060.665.024	7.372.294.753
Các nhà cung cấp nước ngoài	3.080.869.149	5.893.484.592
	18.141.534.173	13.265.779.345

5.4 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác**5.4.1 Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải thu các bên liên quan		
Công ty TNHH MTV Blue Exchange	42.140.000.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác		
Thuế nhập khẩu chờ hoàn	2.754.141.908	4.733.862.605
Phải thu khác	429.549.750	417.419.799
Tạm ứng cho nhân viên	286.244.172	339.727.474
	45.609.935.830	5.491.009.878

5.4.2 Phải thu dài hạn khác

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	279.380.000	304.312.000

5.5 Hàng tồn kho

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Nguyên liệu, vật liệu	137.289.574.129	106.011.489.339
Công cụ, dụng cụ	1.848.156.897	1.508.743.268
Giá trị sản phẩm dở dang	1.955.632.565	1.199.158.907
Thành phẩm	78.493.654.736	75.922.184.066
Hàng hóa	14.267.309.056	2.756.727.270
Cộng giá gốc hàng tồn kho	233.854.327.383	187.398.302.850
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần	233.854.327.383	187.398.302.850

Một số hàng tồn kho trị giá 1.000.000 USD đã được thế chấp tại Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) để đảm bảo cho khoản vay (xem thuyết minh 5.17).

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.6 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà xưởng vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại 01/01/2015	138.774.247.871	104.906.826.934	8.734.479.715	9.670.938.442	262.086.492.962
Mua mới	3.830.448.345	14.304.639.898	1.260.909.091	1.277.064.821	20.673.062.155
Chuyển từ XDCCB dở dang	438.803.717	-	-	-	438.803.717
Thanh lý	-	(1.686.171.328)	-	-	(1.686.171.328)
Chênh lệch tỷ giá				8.147.227	8.147.227
Tại 31/12/2015	143.043.499.933	117.525.295.504	9.995.388.806	10.956.150.490	281.520.334.733
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại 01/01/2015	39.741.813.859	61.779.459.510	5.659.187.717	5.945.309.747	113.125.770.833
Khấu hao	3.680.458.807	12.912.573.149	999.682.072	1.727.666.331	19.320.380.359
Thanh lý	-	(1.686.171.328)	-	-	(1.686.171.328)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	1.803.950	1.803.950
Tại 31/12/2015	43.422.272.666	73.021.944.219	6.658.869.789	7.674.780.028	130.777.866.702
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2015	99.032.434.012	43.127.367.424	3.075.291.998	3.725.628.695	148.960.722.129
Tại 31/12/2015	99.621.227.276	44.503.351.285	3.336.519.017	3.281.370.462	150.742.468.031

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31/12/2015 có các tài sản có nguyên giá là 67.395.979.688 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng (01/01/2015: 62.225.005.525 VND).

Như trình bày tại Thuyết minh số 5.17, Công ty đã thế chấp một số máy móc thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 4.971.983.265 VND (01/01/2015: 4.947.824.590 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

5.7 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND	Giấy phép nhượng quyền VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	22.302.783	151.018.182	173.320.965
Mua mới	5.980.332.890	-	5.980.332.890
Tại ngày 31/12/2015	6.002.635.673	151.018.182	6.153.653.855
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	22.302.783	61.527.268	83.830.051
Khấu hao trong năm	298.712.342	36.163.632	334.875.974
Tại ngày 31/12/2015	321.015.125	97.690.900	418.706.025
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2015	-	89.490.914	89.490.914
Tại ngày 31/12/2015	5.681.620.548	53.327.282	5.734.947.830

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31/12/2015 có các tài sản có nguyên giá 22.302.783 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng (01/01/2015: 22.302.783 VND).

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Công trình	Số dư tại ngày 01/01/2015 VND	Chi phí phát sinh trong năm VND	Kết chuyển vào TSCĐ, chi phí VND	Số dư tại ngày 31/12/2015 VND
Tiền đất tại 213 Hồng Bàng	10.020.000.000	-	-	10.020.000.000
Chi phí thực hiện dự án Xí nghiệp May Tân Mỹ tại Cụm Công nghiệp Hắc Dịch	1.843.383.000	-	-	1.843.383.000
Chi phí sửa chữa, cải tạo tại An Nhơn	4.782.000	154.963.897	(12.132.000)	147.613.897
Chi phí xây dựng mở rộng tại văn phòng Công ty	-	898.866.127	(557.127.873)	341.738.254
Chi phí xây dựng mở rộng Xưởng May An Phú	-	3.164.612.711	-	3.164.612.711
Chi phí xây dựng xưởng may Hà Lam Giai đoạn 2	-	88.304.545	-	88.304.545
	11.868.165.000	4.306.747.280	(569.259.873)	15.605.652.407

5.9 Đầu tư vào công ty liên kết

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Công ty cổ phần Phú Mỹ	4.341.000.000	4.341.000.000
	4.341.000.000	4.341.000.000

Công ty Cổ phần Phú Mỹ hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000177 ngày 13/07/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Phú Mỹ là 4.341.000.000 VND, tương đương 32,47% vốn điều lệ. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.

5. 10 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2015				01/01/2015			
	Số cổ phiếu	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số cổ phiếu	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư cổ phiếu		17.314.330.000	(3.145.572.200)	14.168.757.800		17.314.330.000	(3.686.464.600)	13.627.865.400
Công ty Cổ Phần da giày Sagoda	98.155	1.919.150.000	-	1.919.150.000	98.155	1.919.150.000	-	1.919.150.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á	196.855	3.998.050.000	(3.013.775.000)	984.275.000	196.855	3.998.050.000	(3.013.775.000)	984.275.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	18.716	1.269.730.000	(131.797.200)	1.137.932.800	18.716	1.269.730.000	(672.689.600)	597.040.400
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát Triển Gia Định	843.950	10.127.400.000	-	10.127.400.000	843.950	10.127.400.000	-	10.127.400.000
	1.157.676	17.314.330.000	(3.145.572.200)	14.168.757.800	1.157.676	17.314.330.000	(3.686.464.600)	13.627.865.400

5. 11 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	3.469.774.137	4.931.951.553
Tiền thuê đất	15.860.172.738	16.227.501.578
Máy móc thiết bị không đủ điều kiện TSCĐ	9.471.330.580	8.136.623.365
Chi phí khác	1.198.996.110	2.301.711.685
	30.000.273.565	31.597.788.181

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải trả người bán là các bên liên quan		
- Công ty Cổ Phần Phú Mỹ	4.341.000.000	4.341.000.000
- Công ty TNHH MTV Blue exchange	514.647.000	566.848.000
- Công ty TNHH Con Đường Xanh Quảng Nam	1.099.394.082	-
- Công ty TNHH Trà Lân	103.361.207	-
- Công ty TNHH Con đường xanh	109.903.705	-
Các nhà cung cấp trong nước	35.279.955.502	27.305.252.783
Các nhà cung cấp nước ngoài		
- Desipro Pte. Ltd.	15.987.939.469	-
- Teijin Frontier Co.,	21.318.818.587	8.756.673.619
- Khác	15.173.406.712	30.345.312.770
	93.928.426.264	71.315.087.172

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Các khách hàng trong nước	93.407.420	93.407.420
Các khách hàng nước ngoài	6.054.401.086	443.136.268
	6.147.808.506	536.543.688

5.14 Thuế**5.14.1 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	01/01/2015	Số phát sinh trong năm		31/12/2015
	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp/ Kết chuyển VND	Phải thu VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	14.954.698.180	63.231.153.818	52.092.423.216	26.093.428.782
Thuế tài nguyên	8.736.000	10.192.000	10.192.000	8.736.000
	14.963.434.180	63.241.345.818	52.102.615.216	26.102.164.782

5. 14.2 Thuế và các khoản phải trả Nhà nước

	01/01/2015		Số phát sinh trong năm		31/12/2015
	Phải thu VND	Phải nộp	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng	-	92.969.131	32.329.098.851	30.778.774.079	1.643.293.903
Thuế nhập khẩu	-	-	820.820.774	820.820.774	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	193.889.179	2.985.028.576	16.301.584.780	17.132.333.901	1.960.390.276
Thuế thu nhập cá nhân	-	2.454.958.929	5.355.245.869	5.618.070.369	2.192.134.429
Thuế tài nguyên	-	-	3.744.000	3.744.000	-
Tiền thuê đất	-	-	1.201.427.175	937.249.567	264.177.608
Thuế môn bài	-	-	15.000.000	15.000.000	-
Thuế nhà thầu	-	26.467.654	780.606.478	783.927.450	23.146.682
	193.889.179	5.559.424.290	56.807.527.927	56.089.920.140	6.083.142.898

5. 15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Chi phí phải trả hàng FOB	518.982.516	156.162.890
Tiền lương phép năm	4.408.618.240	3.499.233.055
Phải trả khác	1.852.790.149	81.181.883
	6.780.390.905	3.736.577.828

5. 16 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Kinh phí công đoàn ,các loại bảo hiểm	1.521.637.051	263.467.312
Phải trả khác	369.573.529	-
	1.891.210.580	263.467.312

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

5. 17 Vay và nợ thuê tài chính

5. 17.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Vay ngắn hạn		
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)	87.461.762.012	68.342.367.499
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	235.535.591.132	116.605.317.829
Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) - Chi nhánh Hồ Chí Minh	16.327.076.576	7.321.067.376
Ngân hàng First Commercial - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	22.211.502.105	3.332.160.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội - Chi nhánh Bắc Sài Gòn	-	812.819.556
Cộng: vay dài hạn đến hạn trả	508.400.100	1.563.338.400
	362.044.331.925	197.977.070.660

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) nhằm bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số khoản phải thu cũng như hàng hóa trong kho trị giá 2.000.000 USD (xem thuyết minh 5.2 và 5.5).

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh, Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) - Chi nhánh Hồ Chí Minh và Ngân hàng First Commercial - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Các khoản vay này không áp dụng biện pháp đảm bảo.

5.17.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Ngân hàng First Commercial - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	508.400.100	2.149.243.200
Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả	(508.400.100)	(1.563.338.400)
	-	585.904.800

Khoản vay trung hạn Ngân hàng First Commercial - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh nhằm mua máy móc thiết bị nhập khẩu. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số máy móc thiết bị (xem thuyết minh 5.6).

5. 18 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Tại ngày 01/01	15.537.084.249	9.571.038.944
Số quỹ được trích lập	7.720.745.970	11.675.899.169
Số quỹ đã sử dụng	(6.892.347.243)	(5.709.853.864)
Tại ngày 31/12	16.365.482.976	15.537.084.249

5.19 Vốn chủ sở hữu (“CSH”)

5.19.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đồng không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại 01/01/2014	106.324.310.000	9.178.322.370	(863.138.686)	(8.058.000)	41.286.294.154	8.868.571.000	47.775.186.845	23.232.986.261	235.794.473.944
Tăng do phát hành cổ phiếu	10.578.990.000	-	-	-	-	-	(10.578.990.000)	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	60.496.563.413	(3.588.573.669)	56.907.989.744
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	7.783.932.779	1.763.860.000	(21.223.691.948)	-	(11.675.899.169)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(28.027.265.600)	-	(28.027.265.600)
Chi khen thưởng, thù lao HĐQT	-	-	-	-	-	-	(5.909.081.252)	-	(5.909.081.252)
Chi phí thực hiện quyền chọn	-	(40.000.000)	-	-	-	-	-	-	(40.000.000)
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	-	-	-	86.885.213	-	-	-	-	86.885.213
Số dư tại 31/12/2014	116.903.300.000	9.138.322.370	(863.138.686)	78.827.213	49.070.226.933	10.632.431.000	42.532.721.458	19.644.412.592	247.137.102.880
Trình bày lại theo thông tư 200	-	-	-	-	10.632.431.000	(10.632.431.000)	-	-	-
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-	11.174.040.000	11.174.040.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	68.971.708.027	(3.328.275.807)	65.643.432.220
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	7.793.019.054	-	(14.972.900.039)	-	(7.179.880.985)
Trích bổ sung cổ tức của cá nhân chưa đến nhận	-	-	-	-	-	-	(33.287.250)	-	(33.287.250)
Chi trả cổ tức đợt 2 năm 2014	-	-	-	-	-	-	(17.457.373.650)	-	(17.457.373.650)
Chi trả cổ tức đợt 1 năm 2015	-	-	-	-	-	-	(17.461.605.000)	-	(17.461.605.000)
Hoàn trả ngân sách theo Quyết định số 12/QĐ-CT-XP ngày 13/01/2015 của UBND .TP	-	-	-	-	(10.632.431.000)	-	(6.176.509.091)	-	(16.808.940.090)
Chi khen thưởng, thù lao HĐQT	-	-	-	-	-	-	(3.613.473.238)	-	(3.613.473.238)
Chi thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2015	-	-	-	-	-	-	(1.123.200.000)	-	(1.123.200.000)
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	-	-	-	(40.999.612)	-	-	-	-	(40.999.612)
Số dư tại 31/12/2015	116.903.300.000	9.138.322.370	(863.138.686)	37.827.601	56.863.245.987	-	50.666.081.217	27.490.176.785	260.235.815.274

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.19.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Cổ đông	31/12/2015			01/01/2015		
	Số CP sở hữu	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số CP sở hữu	Số tiền	Tỷ lệ (%)
Cổ đông Nhà nước (Công ty TNHH MTV Dệt may Gia Định)	1.173.289	11.732.890.000	10,03	1.173.289	11.732.890.000	10,03
Các cổ đông khác	10.517.041	105.170.410.000	89,97	10.517.041	105.170.410.000	89,97
	11.690.330	116.903.300.000	100,00	11.690.330	116.903.300.000	100,00

5.19.3 Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.690.330	11.690.330
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.690.330	11.690.330
Cổ phiếu phổ thông	11.690.330	11.690.330
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	49.260	49.260
Cổ phiếu phổ thông	49.260	49.260
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.641.070	11.641.070
Cổ phiếu phổ thông	11.641.070	11.641.070

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu.

5.19.4 Cổ tức đã chi

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Trả cổ tức năm trước	17.490.660.900	10.581.982.000
Trả cổ tức năm trước bằng cổ phiếu	-	10.578.990.000
Trả cổ tức năm nay	17.461.605.000	17.445.283.600
	34.952.265.900	38.606.255.600

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT ngày 09/02/2015 và Nghị quyết số 12A/NQ-HĐQT ngày 10/08/2015 như sau:

	VND
Chi trả cổ tức bằng tiền	34.952.265.900
Khen thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	3.613.473.238
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	1.123.200.000
Trích quỹ đầu tư phát triển	7.793.019.054
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	7.179.880.985

5.19.5 Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của Sài Gòn Xanh.

Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại Sài Gòn Xanh được xác định như sau:

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Vốn điều lệ của công ty con (Sài Gòn Xanh)	86.000.000.000	86.000.000.000
<i>Trong đó:</i>		
<i>Vốn phân bổ cho công ty Mẹ</i>	43.860.000.000	43.860.000.000
<i>Vốn phân bổ cho cổ đông không kiểm soát</i>	42.140.000.000	42.140.000.000
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát	49%	49%

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 01 tháng 01 năm 2015 như sau:

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tổng tài sản	88.788.584.915	80.469.301.615
Tổng nợ phải trả	(32.648.355.712)	(28.669.713.193)
Tài sản thuần	56.140.229.203	51.799.588.422

Chi tiết như sau:	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Vốn điều lệ	86.000.000.000	74.825.960.000
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo	37.827.601	78.827.213
Lợi nhuận chưa phân phối	(29.897.598.398)	(23.105.198.791)
	56.140.229.203	51.799.588.422

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.19.5 Lợi ích của cổ đông không kiểm soát (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Chi tiết như sau:		
Vốn điều lệ	42.140.000.000	30.965.960.000
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo	-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	(14.649.823.215)	(11.321.547.408)
	27.490.176.785	19.644.412.592

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát từ kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014:

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận/(lỗ) trong năm của Sài Gòn Xanh	(6.792.399.607)	(7.323.619.732)
Lợi nhuận/(lỗ) của cổ đông không kiểm soát	(3.328.275.807)	(3.588.573.669)

5. 19 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Tài sản nhận giữ hộ

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	-	1.791.165.064
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi	2.435.217.000	8.250.977.000

Ngoại tệ các loại

	31/12/2015 Ngoại tệ	01/01/2015 Ngoại tệ
Đô la Mỹ (USD)	2.067.410,14	1.705.176,16
Euro (EUR)	3.207,81	3.415,53

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu bán hàng	1.503.215.218.899	1.403.539.196.969
<i>Doanh thu xuất khẩu FOB</i>	<i>1.372.502.869.010</i>	<i>1.364.945.800.972</i>
<i>Doanh thu nội địa</i>	<i>130.718.271.889</i>	<i>38.593.395.997</i>
Doanh thu cung cấp dịch vụ	836.689.077	6.444.814.416
	1.504.057.829.976	1.409.984.011.385
Các khoản giảm trừ		
Hàng bán bị trả lại	(5.922.000)	(502.998.580)
Giảm giá hàng bán	(1.986.631.765)	(2.432.772)
Doanh thu thuần	1.502.065.276.211	1.409.478.580.033

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giá vốn của hàng bán	1.249.640.731.601	1.201.404.440.645
	1.249.640.731.601	1.201.404.440.645

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi	260.913.056	126.277.050
Lãi thu được từ hoạt động liên kết với Bệnh viện Đại học Y dược	7.373.749.090	7.610.760.000
Cổ tức được chia	195.395.000	535.632.500
Lãi chênh lệch tỷ giá	13.457.801.461	4.436.734.264
Doanh thu tài chính khác	274.989.259	43.743.416
	21.562.847.866	12.753.147.203

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí lãi vay	6.324.168.678	5.277.265.591
Lỗi chênh lệch tỷ giá	17.600.499.870	4.735.620.044
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	655.885.382	123.356.599
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(540.892.400)	(129.950.400)
	24.039.661.530	10.006.291.834

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.252.139.968	2.778.410.610
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.547.587.739	17.143.878.566
Chi phí bằng tiền khác	848.954.423	1.587.303.403
	35.648.681.130	21.509.592.579

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nhân viên	99.637.482.129	87.490.503.882
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.822.419.107	4.373.996.670
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.645.393.516	7.368.140.227
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.048.356.894	9.200.454.344
Chi phí bằng tiền khác	13.427.919.506	6.999.327.178
	136.581.571.152	115.432.422.301

6.7 Thu nhập khác

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi từ thanh lý nhượng bán TSCĐ	531.452.273	178.727.273
Thu nhập khác	3.918.663.989	279.745.416
	4.450.116.262	458.472.689

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận trước thuế	82.158.305.451	74.326.239.486
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	3.406.230.648	1.411.603.533
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(633.013.839)	(1.955.774.728)
Thu nhập chịu thuế	84.931.567.260	73.782.068.291
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	16.517.150.844	18.159.810.172
Giảm trừ thuế (50%)	(233.662.010)	(373.631.642)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	16.283.488.834	17.786.178.530
Trong đó		
- Công ty Mẹ	16.049.826.824	17.167.298.039
- Công ty TNHH MTV Sài Gòn Xanh	-	245.248.850
- Công ty TNHH May Tân Mỹ	233.662.010	373.631.641

Công ty Mẹ có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 10 năm (2004 đến 2013) kể từ khi doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế (năm 2004) theo Công văn số 1467/CT-TTHT ngày 11 tháng 3 năm 2010 của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh; đối với thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp theo thuế suất phổ thông 25%. Đến năm 2015, Công ty Mẹ có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất phổ thông là 22% (hoặc 20% kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016) trên thu nhập chịu thuế theo quy định của luật thuế TNDN hiện hành.

Công ty Sài Gòn Xanh có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất phổ thông là 22% trên thu nhập chịu thuế (hoặc 20% kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016) trên thu nhập chịu thuế theo quy định của luật thuế TNDN hiện hành).

Công ty Tân Mỹ có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 15% tính trên thu nhập chịu thuế trong mười hai (12) năm từ năm đầu tiên hoạt động và áp dụng thuế suất phổ thông cho các năm tiếp theo. Theo giấy chứng nhận đầu tư số 49121000077 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 04 tháng 02 năm 2008, Công Ty Tân Mỹ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong ba (03) năm kể từ năm có thu nhập chịu thuế (năm 2010) và giảm 50% trong bảy (07) năm tiếp theo.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty Mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của công ty Mẹ	68.971.708.027	60.496.563.413
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	68.971.708.027	60.496.563.413
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm	11.130.960	11.130.960
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.196	5.435

Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm 2015	Năm 2014
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	11.130.960	10.583.171
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	547.789
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	11.130.960	11.130.960

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	839.305.354.664	836.560.996.486
Chi phí nhân công	491.215.270.394	464.367.275.356
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.671.339.221	16.646.754.935
Chi phí dịch vụ mua ngoài	235.733.651.675	201.051.205.109
Chi phí khác	30.166.764.873	30.797.803.954
	1.616.092.380.827	1.549.424.035.840

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỀN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác trong năm bao gồm số tiền 7.717.807.500 đồng giá trị tài sản mua sắm trong năm đã trả trước cho nhà cung cấp. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Tập đoàn có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Tập đoàn. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Tập đoàn.

Tập đoàn chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Tập đoàn đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Tập đoàn. Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Tập đoàn chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Tập đoàn có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn, chủ yếu bằng VND, và ngoài ra, bằng Đô la Mỹ (USD) và Đồng Euro (EUR). Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là VND, USD, và EUR.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Rủi ro ngoại tệ (tiếp theo)

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Tập đoàn được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn có các khoản tài sản/ nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.067.410,14	3.207,81
Phải thu khách hàng	5.602.715,32	-
Phải trả người bán	2.295.133,99	-
Trả trước cho người bán	269.683,79	-
Vay ngắn hạn	16.126.696,30	-
Đặt cọc	12.400,00	-

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tập đoàn có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và phải trả cho các bên liên quan.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Tập đoàn xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Tập đoàn tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Tập đoàn chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Tập đoàn theo chính sách của Tập đoàn. Rủi ro tín dụng tối đa của Tập đoàn đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Tập đoàn sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tập đoàn và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Tập đoàn dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

VND

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng
Ngày 31 tháng 12 năm 2015			
Các khoản vay	362.044.331.925	-	362.044.331.925
Phải trả người bán – đối tượng khác	87.760.120.271	-	87.760.120.271
Phải trả người bán - bên liên quan	6.168.305.994	-	6.168.305.994
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	4.262.983.245	-	4.262.983.245
	460.235.741.434	-	460.235.741.434
Ngày 01 tháng 01 năm 2015			
Các khoản vay	197.977.070.660	585.904.800	198.562.975.460
Phải trả người bán – đối tượng khác	66.407.239.172	-	66.407.239.172
Phải trả người bán - bên liên quan	4.907.848.000	-	4.907.848.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	500.812.085		500.812.085
	269.792.969.917	585.904.800	270.378.874.717

Tập đoàn cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

Tài sản đảm bảo

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn đã cầm cố khoản nợ phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định của mình vào các khoản vay (xem thuyết minh số 5.2, 5.5, 5.6).

Tập đoàn không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

iv. Giá trị hợp lý

(1) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Bảng sau đây thể hiện tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Tập đoàn:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tài sản tài chính				
Phải thu khách hàng – tổ chức và cá nhân khác	131.941.097.351	140.124.499.084	131.941.097.351	140.124.499.084
Phải thu khách hàng – Bên liên quan	107.213.307.747	24.406.846.265	107.213.307.747	24.406.846.265
Phải thu khác – tổ chức và cá nhân khác	3.469.935.830	5.491.009.878	3.469.935.830	5.491.009.878
Phải thu khác – bên liên quan	42.140.000.000	-	42.140.000.000	-
Đầu tư dài hạn	17.314.330.000	17.314.330.000	14.168.757.800	13.627.865.400
Tiền và các khoản tương đương tiền	51.781.890.649	39.968.106.554	51.781.890.649	39.968.106.554
	353.860.561.577	227.304.791.781	350.714.989.377	223.618.327.181
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	362.044.331.925	198.562.975.460	362.044.331.925	198.562.975.460
Phải trả người bán – tổ chức và cá nhân khác	87.760.120.271	66.407.239.172	87.760.120.271	66.407.239.172
Phải trả người bán – Bên liên quan	6.168.305.994	4.907.848.000	6.168.305.994	4.907.848.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	4.141.049.210	237.344.773	4.141.049.210	237.344.773
	460.113.807.400	270.115.407.405	460.113.807.400	270.115.407.405

(1) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính được xác định dựa trên giá gốc trừ cho chi phí dự phòng đã trích lập mà không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 01 tháng 01 năm 2015. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và nợ phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

(2) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, không bao gồm các khoản phải thu và phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, được ước tính theo giá trị hiện tại của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày báo cáo. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Nợ phải trả tài chính phi phái sinh

Giá trị hợp lý, xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin, được tính dựa trên giá trị hiện tại của dòng tiền tương lai trả gốc và lãi, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Đối với cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi, lãi suất thị trường được xác định bằng cách tham chiếu các khoản nợ phải trả tương tự không có quyền lựa chọn chuyển đổi. Đối với các khoản nợ thuê tài chính, lãi suất thị trường được xác định bằng cách tham khảo các hợp đồng thuê tương tự.

v. Phòng ngừa rủi ro

Tập đoàn không áp dụng chính sách kế toán phòng ngừa rủi ro.

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC

9.1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
	<hr/>	<hr/>
Lương, thưởng	6.972.086.033	6.957.384.963

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

9.1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Trong năm, Tập đoàn có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2015	Năm 2014
		VND	VND
Công ty Cổ phần Phú Mỹ	Phí duy trì hạ tầng, xử lý nước thải, nước sinh hoạt	913.904.472	620.006.614
Công ty TNHH MTV Blue Exchange	Mua hàng	14.240.684.907	2.897.612.168
	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	65.381.794.034	21.237.349.989
	Nhận góp vốn	11.174.040.000	-
Công ty TNHH Con Đường Xanh Quảng Nam	Phí gia công, in, wash	999.449.165	2.223.687.296
	Bán hàng	33.909.090.333	7.939.494.856
Công ty TNHH B&O	Mua nguyên phụ liệu và phí gia công	-	2.272.727.273

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, số dư các khoản phải thu/ phải trả với các bên có liên quan như sau:

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải thu khách hàng		
Công ty TNHH MTV Blue Exchange	52.144.115.501	19.332.249.904
Công ty TNHH MTV Con Đường Xanh Quảng Nam	38.573.373.681	5.074.596.361
Công ty TNHH May mặc cây dứa	16.495.818.565	-
	107.213.307.747	24.406.846.265
Phải thu khác		
Công ty TNHH MTV Blue Exchange	42.140.000.000	-
	42.140.000.000	-
Trả trước cho người bán		
Công ty cổ phần Phú Mỹ	2.037.626.437	2.037.626.437
	2.037.626.437	2.037.626.437
Phải trả người bán		
Công ty Cổ phần Phú Mỹ	4.341.000.000	4.396.168.435
Công ty TNHH MTV Blue Exchange	514.647.000	566.848.000
Công ty TNHH Con Đường Xanh Quảng Nam	1.099.394.082	-
Công ty TNHH Trà Lân	103.361.207	-
Công ty TNHH Con đường xanh	109.903.705	-
	6.168.305.994	4.963.016.435

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

9.2. Thông tin bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh sản phẩm trong ngành may mặc và chủ yếu là xuất khẩu (hơn 90%). Công ty không tiến hành lập báo cáo tài chính bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận".

Bộ phận theo khu vực địa lý

Tập đoàn hiện nay chủ yếu hoạt động tại Việt Nam, đơn vị kinh doanh ngoài Việt Nam (Công ty con của Công ty TNHH MTV May Sài Gòn Xanh được thành lập tại Hoa Kỳ) có tài sản, doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh chiếm không trọng yếu (dưới 10%) trong tổng tài sản, doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Do đó, Ban Tổng Giám đốc quyết định không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận".

9.3. Số liệu so sánh

9.3.1 Áp dụng quy định mới

Như đã trình bày tại thuyết minh số 3.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Tập đoàn đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC. Tập đoàn đã trình bày lại các số liệu so sánh theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

9.3.2 Ảnh hưởng của việc áp dụng quy định kế toán mới, thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh

Số dư đầu năm Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được trình bày lại theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư 202/2014/TT-BTC hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Ảnh hưởng của việc áp dụng quy định kế toán mới, thay đổi trong chính sách kế toán đến số liệu so sánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

Tại ngày 01/01/2015	Mã số	Số liệu đã phát hành	Trình bày lại	Thay đổi thuần
		VND	VND	VND
Bảng cân đối kế toán hợp nhất				
Phải thu ngắn hạn khác	136	-	5.491.009.878	5.491.009.878
Các khoản phải thu khác	135	5.151.282.404	-	(5.151.282.404)
Tài sản ngắn hạn khác	158	379.347.981	-	(379.347.981)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139	-	39.620.507	39.620.507
Phải thu dài hạn khác	216	-	304.312.000	304.312.000
Tài sản dài hạn khác	268	304.312.000	-	(304.312.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	49.070.226.933	59.702.657.933	10.632.431.000
Quỹ dự phòng tài chính		10.632.431.000	-	(10.632.431.000)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	42.532.721.458	42.532.721.458	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	-	3.567.077.156	3.567.077.156
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b	-	38.965.644.302	38.965.644.302

Năm 2014	Mã số	Số liệu đã phát hành	Trình bày lại	Thay đổi thuần
		VND	VND	VND
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất				
Doanh thu hoạt động tài chính	21	13.728.526.797	12.753.147.230	(975.379.567)
Chi phí tài chính	22	10.981.671.401	10.006.291.834	(975.379.567)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

9.4. Thông tin khác

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất chi tiết như sau:

Năm 2015	CTCP Sản Xuất Thương Mại May Sài Gòn	Công ty TNHH MTV May Sài Gòn Xanh	Công ty TNHH May Tân Mỹ	Loại trừ giao dịch nội bộ	Cộng
	VND	VND	VND	VND	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.438.125.615.350	100.388.129.656	171.723.880.778	(208.432.993.410)	1.502.065.276.211
Giá vốn hàng bán	1.236.879.641.264	78.478.848.716	141.099.902.561	(206.817.660.940)	1.249.640.731.601
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	201.245.974.086	22.169.924.777	30.623.978.217	(1.615.332.470)	252.424.544.610
Chi phí tài chính	38.472.252.101	528.032.330	287.152.282	(15.247.775.183)	24.039.661.530
Chi phí bán hàng	25.559.770.650	7.400.702.886	2.689.731.632	(1.524.038)	35.648.681.130
Chi phí quản lý doanh nghiệp	91.478.944.093	21.675.950.717	25.277.668.416	(1.850.992.074)	136.581.571.152
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	66.113.885.378	(6.907.480.590)	3.026.115.051	15.484.958.825	77.717.478.664

9.5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất (ngày 31 tháng 12 năm 2015) cho đến thời điểm lập Báo cáo này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

9.6. Sự kiện khác

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày lập Bảng cân đối kế toán (ngày 31 tháng 12 năm 2015) cho đến thời điểm lập Báo cáo này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính, ngoại trừ việc Công ty TNHH MTV Blue Exchange đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng toàn bộ phần vốn đã góp chiếm 49% so với vốn điều lệ cho Công ty cổ phần sản xuất thương mại May Sài Gòn. Kể từ ngày 13 tháng 01 năm 2016, Công ty TNHH MTV May Sài Gòn Xanh trở thành công ty con 100% vốn của Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại May Sài Gòn.



TRẦN THỊ THU TRÂM

Người lập biểu

NGUYỄN MINH HẰNG

Kế toán trưởng



NGUYỄN ÂN

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2016

ĐÍNH CHÍNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY CP SX-TM MAY SÀI GÒN

Số: 51 /CV.TGD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc
-o0o-

TP.Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 04 năm 2016

KÍNH GỬI: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC - SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM

V/v: *Đính chính Thuyết minh mục 9.4 - thông tin khác trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015*

Sau khi kiểm tra báo cáo riêng lẻ, hợp nhất kiểm toán năm 2015 đã được công bố thông tin. Nay Công ty xin đính chính mục 9.4 - Thông tin khác của phần thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất như sau :

1.Đính chính doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công Ty TNHH MTV May Sài Gòn Xanh :

- Số liệu đã công bố thông tin : **100.388.129.656** đồng
- Số liệu đính chính lại : **100.648.773.493** đồng

2. Bổ sung doanh thu hoạt động tài chính cho các công ty: Công Ty Cổ Phần SX-TM May Sài Gòn; Công Ty TNHH MTV May Sài Gòn Xanh; Công Ty TNHH May Tân Mỹ và loại trừ giao dịch nội bộ.

Do vậy, Công ty xin trình bày lại mục 9.4-Thông tin khác của phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất như sau :

Năm 2015	Công ty Cổ phần Sản Xuất Thương Mại May Sài Gòn VND	Công ty TNHH MTV May Sài Gòn Xanh VND	Công ty TNHH May Tân Mỹ VND	Loại trừ giao dịch nội bộ VND	Cộng VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.438.125.615.350	100.648.773.493	171.723.880.778	(208.438.915.410)	1.502.059.354.21
Giá vốn hàng bán	1.236.879.641.264	78.478.848.716	141.099.902.561	(206.817.660.940)	1.249.640.731.60
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	201.245.974.086	22.169.924.777	30.623.978.217	(1.615.332.470)	252.424.544.61
Doanh thu tài chính	20.378.878.136	527.280.566	656.689.164		21.562.847.86
Chi phí tài chính	38.472.252.101	528.032.330	287.152.282	(15.247.775.183)	24.039.661.53
Chi phí bán hàng	25.559.770.650	7.400.702.886	2.689.731.632	(1.524.038)	35.648.681.13
Chi phí quản lý doanh nghiệp	91.478.944.093	21.675.950.717	25.277.668.416	(1.850.992.074)	136.581.571.15
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	66.113.885.378	(6.907.480.590)	3.026.115.051	15.484.958.825	77.717.478.66

Việc trình bày lại mục 9.4-Thông tin khác nêu trên không làm ảnh hưởng đến các số liệu và thông tin khác của Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 đã được kiểm toán của Công Ty Cổ Phần SX- TM May Sài Gòn.

(Đính kèm văn bản số 138/2016/CVĐC/BCKTHN/AFCVN ngày 08 tháng 04 năm 2016 của Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam về việc đính chính Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015)

Trân Trọng kính báo./.

Nơi gửi:

- Như trên
- HĐQT, BKS,
- Lưu



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ân

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 04 năm 2016

Số: 138/2016/CVĐC/BCKTHN/AFCVN

V/v: Định chính Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Kính gửi: **CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam, trân trọng cảm ơn Quý Công ty đã tin nhiệm và bổ nhiệm chúng tôi là Kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Quý Công ty. Bằng công văn này, chúng tôi đính chính các số liệu, các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty Cổ phần Sản Xuất Thương Mại May Sài Gòn đã được kiểm toán và phát hành số 138/2016/BCKTHN-HCM.00630.01 ngày 30 tháng 03 năm 2016 như sau:

* Số liệu trước đính chính:

9.4. Thông tin khác

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, chi tiết như sau:

Năm 2015	Công ty Cổ phần Sản Xuất Thương Mại May Sài Gòn VND	Công ty TNHH MTV May Sài Gòn Xanh VND	Công ty TNHH May Tân Mỹ VND	Loại trừ giao dịch nội bộ VND	VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.438.125.615.350	100.388.129.656	171.723.880.778	(208.432.993.410)	1.502.065.276.211
Giá vốn hàng bán	1.236.879.641.264	78.478.848.716	141.099.902.561	(206.817.660.940)	1.249.640.731.601
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	201.245.974.086	22.169.924.777	30.623.978.217	(1.615.332.470)	252.424.544.610
Chi phí tài chính	38.472.252.101	528.032.330	287.152.282	(15.247.775.183)	24.039.661.530
Chi phí bán hàng	25.559.770.650	7.400.702.886	2.689.731.632	(1.524.038)	35.648.681.130
Chi phí quản lý doanh nghiệp	91.478.944.093	21.675.950.717	25.277.668.416	(1.850.992.074)	136.581.571.152
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	66.113.885.378	(6.907.480.590)	3.026.115.051	15.484.958.825	77.717.478.664



ĐÍNH CHÍNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

* Số liệu sau đính chính:

9.4. Thông tin khác

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, chi tiết như sau:

Năm 2015	Công ty Cổ phần Sản Xuất Thương Mại May Sài Gòn VND	Công ty TNHH MTV May Sài Gòn Xanh VND	Công ty TNHH May Tân Mỹ VND	Loại trừ giao dịch nội bộ VND	Cộng VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.438.125.615.350	100.648.773.493	171.723.880.778	(208.432.993.410)	1.502.065.276.211
Giá vốn hàng bán	1.236.879.641.264	78.478.848.716	141.099.902.561	(206.817.660.940)	1.249.640.731.601
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	201.245.974.086	22.169.924.777	30.623.978.217	(1.615.332.470)	252.424.544.610
Doanh thu tài chính	20.378.878.136	527.280.566	656.689.164	-	21.562.847.866
Chi phí tài chính	38.472.252.101	528.032.330	287.152.282	(15.247.775.183)	24.039.661.530
Chi phí bán hàng	25.559.770.650	7.400.702.886	2.689.731.632	(1.524.038)	35.648.681.130
Chi phí quản lý doanh nghiệp	91.478.944.093	21.675.950.717	25.277.668.416	(1.850.992.074)	136.581.571.152
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	66.113.885.378	(6.907.480.590)	3.026.115.051	15.484.958.825	77.717.478.664

Chúng tôi cam kết số liệu trên đây là trung thực, hợp lý.

Bản đính chính này được đính kèm, không tách rời Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty Cổ phần Sản Xuất Thương Mại May Sài Gòn đã được kiểm toán và phát hành số 138/2016/BCKTHN-HCM.00630.01 ngày 30 tháng 03 năm 2016.

Trân trọng.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Phó Tổng Giám đốc

TRANG ĐẮC NHA

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Người đại diện theo pháp luật



TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN ÂN